HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

KỶ YẾU

HỘI THẢO CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TRONG HỆ THỐNG HỘI LHPN VIỆT NAM

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, GÓP PHẦN THÚC ĐẨY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ ĐỀ DẪN HỘI THẢO 4

PHẦN 1. GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TRONG HỆ THỐNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM.....9

[1]. THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW; NHẬN THỨC VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI.....10

[2]. TỪ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TRONG HỆ THỐNG HỘI: GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CỦA CÁN BỘ, HỘI VIÊN PHỤ NỮ VÀ THÚC ĐẨY PHONG TRÀO BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ ĐÁP ỨNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ SỐ 15

[3]. CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHỤ NỮ THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ.....24

[4]. XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHỤ NỮ VÀ KẾT NỐI, CHIA SẺ VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA 34

[5]. XÂY DỰNG VÀ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘI LHPN VIỆT NAM: TỪ SỐ HÓA THÔNG TIN ĐẾN RA QUYẾT ĐỊNH DỰA TRÊN DỮ LIỆU 40

[6]. AN TOÀN SỐ, DỮ LIỆU SỐ VÀ BẢO VỆ PHỤ NỮ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG 49

[7]. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI: TỪ CÁN BỘ HỘI SỬ DỤNG AI ĐẾN TỔ CHỨC HỘI VẬN HÀNH VỚI AI.....55

[8]. HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM TOÀN CẦU VỀ THU HẸP KHOẢNG CÁCH GIỚI TRONG LĨNH VỰC SỐ.....72

[9]. L'OREAL VIETNAM ĐỒNG HÀNH CÙNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ 80

PHẦN 2. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC CẤP HỘI 84

[1]. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH SỐ HÓA DỮ LIỆU HỘI VIÊN VÀ ỨNG DỤNG HỌP/SINH HOẠT CHI HỘI KHÔNG GIẤY TỜ TRÊN NỀN TẢNG SỐ 85

[2]. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH SỐ HÓA DỮ LIỆU HỘI VIÊN VÀ ỨNG DỤNG HỌP/SINH HOẠT CHI HỘI KHÔNG GIẤY TỜ TRÊN NỀN TẢNG SỐ 95

[3]. CHUYỂN ĐỔI SỐ: TỪ CHUẨN HÓA DỮ LIỆU HỘI VIÊN ĐẾN ĐỔI MỚI SINH HOẠT HỘI TRONG THỜI ĐẠI SỐ 100

[4]. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI PHONG TRÀO "BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ" GẮN VỚI PHONG TRÀO "XÂY DỰNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM THỜI ĐẠI MỚI" TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ.....105

[5]. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ, TỔ CÔNG NGHỆ CỘNG ĐỒNG, TỔ PHỤ NỮ SỐ, GIA ĐÌNH SỐ, CHI HỘI SỐ 109

[6]. PHÁT HUY VAI TRÒ PHỤ NỮ NÒNG CỐT TRONG PHỔ CẬP KỸ NĂNG SỐ VÀ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CƠ SỞ 115

[7]. HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU TỪ MÔ HÌNH 119

[8]. HƯỚNG DẪN VIÊN SỐ 1+1 VÀ CHI HỘI PHỤ NỮ SỐ 119

[9]. PHỤ NỮ THANH HÓA TÍCH CỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI 122

[10]. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ HOẶC MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ 126

[11]. GIẢI PHÁP HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ TẠI TỈNH LAI CHÂU 131

[12]. KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ HOẶC MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ 136

[13]. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ, THIẾT KẾ SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN VÀ KHAI THÁC TRỢ LÝ SỐ TRÊN NỀN TẢNG ZALO, FACEBOOK – KINH NGHIỆM THỰC TIỄN GIÚP "GẦN DÂN, SÁT CƠ SỞ" CỦA HỘI LHPN TỈNH THÁI NGUYÊN 139

[14]. KINH NGHIỆM ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CÔNG CỤ SỐ TRONG ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG CỦA HỘI 144

[15]. KINH NGHIỆM ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) VÀ CÔNG CỤ SỐ TRONG ĐỔI MỚI SINH HOẠT CHI HỘI VÀ TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG HỘI 150

PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ ĐỀ DẪN HỘI THẢO

"Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam- giải pháp đổi mới phương thức hoạt động , góp phần thúc đẩy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị"

ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền
Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
Phó trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Hội LHPN Việt Nam

Kính thưa các đồng chí đại diện các Ban, Bộ, ngành, tổ chức CTXH;

Kính thưa các chuyên gia, các nhà khoa học, đại diện các doanh nghiệp đối tác;

Thưa toàn thể các đồng chí đại biểu tham dự trực tiếp tại điểm cầu Hà Nội, cùng các chị em cán bộ Hội tại các điểm cầu trực tuyến và toàn thể quý vị đại biểu!

Hôm nay, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức Hội thảo với chủ đề: **"Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam- giải pháp đổi mới phương thức hoạt động , góp phần thúc đẩy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị"**.

Thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn toàn thể quý vị đại biểu đã tham dự Hội thảo ý nghĩa và quan trọng này. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc. Chúc hội thảo thành công tốt đẹp.

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Chuyển đổi số đang trở thành phương thức quan trọng để đổi mới quản trị, tổ chức hoạt động và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới, nhận thức mới, phương thức hành động mới đối với các ngành, các cấp. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu trong phát triển đất nước - đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức làm việc, quản trị và hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, trong đó có tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Là tổ chức chính trị - xã hội đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, Hội LHPN Việt Nam ý thức sâu sắc trách nhiệm của mình trong việc đổi mới phương thức hoạt động để thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình và hỗ trợ hội viên, phụ nữ nâng cao năng lực, tiếp cận và thụ hưởng các cơ hội từ quá trình chuyển đổi số**.** Kế thừa kết quả thực hiện khâu đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin trong nhiệm kỳ XIII, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc

lần thứ XIV đã xác định "Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng mạnh về cơ sở, gần dân, vì dân" là một trong những khâu đột phá của nhiệm kỳ. Điều này đặt ra yêu cầu Hội phải chuyển mạnh từ ứng dụng công nghệ thông tin sang chuyển đổi số toàn diện trong cách thức quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động hướng tới hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Nhìn lại quá trình triển khai thực hiện khâu đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin nhiệm kỳ vừa qua và các chủ trương về chuyển đổi số, các cấp Hội đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các cấp Hội đã từng bước đầu tư, hoàn thiện hạ tầng và các nền tảng phục vụ quản lý, điều hành; đẩy mạnh số hóa quy trình nghiệp vụ, quản lý văn bản, tổ chức hội nghị, tập huấn và các hoạt động của Hội trên môi trường số. Công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động phụ nữ trên các nền tảng số ngày càng được mở rộng; việc xây dựng, chuẩn hóa dữ liệu về tổ chức Hội, cán bộ, hội viên, phụ nữ được triển khai quyết liệt hướng tới kết nối với dữ liệu dân cư quốc gia. Cùng với đó, các cấp Hội đã triển khai nhiều hoạt động nâng cao năng lực số, hỗ trợ hội viên, phụ nữ tiếp cận công nghệ, dịch vụ số và các cơ hội từ kinh tế số, xã hội số. Những kết quả này đã góp phần đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, mở rộng kết nối giữa tổ chức Hội với hội viên, phụ nữ và tạo nền tảng quan trọng để Hội chuyển sang giai đoạn chuyển đổi số toàn diện.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy quá trình chuyển đổi số trong hệ thống Hội còn chưa đồng đều, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trong phương thức thực hiện nhiệm vụ công tác Hội và chưa phát huy đầy đủ giá trị của công nghệ, dữ liệu. Việc ứng dụng công nghệ ở một số nơi còn mang tính riêng lẻ, chưa tạo ra những thay đổi căn bản trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, tuyên truyền, vận động, tập hợp và hỗ trợ hội viên, phụ nữ. Phương thức nắm bắt tình hình, nhu cầu của hội viên, phụ nữ và tương tác với các nhóm phụ nữ trên môi trường số còn hạn chế; việc sử dụng dữ liệu để phục vụ quản trị, điều hành, phân bổ nguồn lực, theo dõi kết quả và tham mưu, đề xuất chính sách chưa được thực hiện tương xứng với tiềm năng. :

Những hạn chế trên thể hiện rõ ở một số vấn đề chủ yếu mang tính hệ thống.

Một là, mức độ chuyển đổi số giữa các cấp Hội chưa đồng đều. Hơn 44% số mô hình tại cơ sở vẫn chỉ dừng lại ở mức tuyên truyền, lập nhóm Zalo/Facebook cơ bản, chưa đi sâu gắn với hiệu quả kinh tế - xã hội cụ thể. Hạ tầng kỹ thuật và cơ sở dữ liệu ở nhiều nơi còn phân tán, thiếu đồng bộ; hệ thống Hội chưa phát huy toàn diện việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung.

Hai là, năng lực số và nguồn nhân lực công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu. Hội còn thiếu đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin ở các cấp; năng lực số, kỹ năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu công việc và đời sống trên môi trường mạng. Cán bộ Hội còn gặp nhiều áp lực trong công tác làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu hội viên do khối lượng dữ liệu lớn và nguồn dữ liệu lịch sử thiếu tính đồng nhất

Ba là, rào cản từ định kiến xã hội, gánh nặng công việc gia đình không lương đang chiếm phần lớn thời gian của phụ nữ, khiến động lực và cơ hội học tập, nâng cao kỹ năng số của chị em, nhất là nhóm yếu thế, dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa bị hạn chế. Tổ chức Hội ở một số địa phương còn lúng túng trong hoạt động tập hợp, vận động các nhóm phụ nữ đặc thù trên không gian mạng; các hoạt động hỗ trợ phụ nữ vùng sâu, vùng xa tham gia chuyển đổi số chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, an toàn, an ninh trên không gian mạng đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cấp thiết. Nguy cơ phụ nữ bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số, cùng với các rủi ro về an toàn thông tin và tình trạng lừa đảo trực tuyến, là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết để bảo đảm chuyển đổi số thực sự bao trùm, an toàn, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Do vậy, chuyển đổi số toàn diện không thể chỉ được hiểu là đầu tư thêm hạ tầng, phần mềm hay số hóa các quy trình hiện có**.** Điều quan trọng hơn là phải tạo được sự thay đổi trong tư duy quản trị, phương thức tổ chức hoạt động, năng lực của cán bộ, cách thức tương tác với hội viên, phụ nữ và khả năng sử dụng dữ liệu để ra quyết định. Nói cách khác, câu hỏi đặt ra đối với Hội trong nhiệm kỳ 2026 - 2031 không chỉ là ứng dụng công nghệ gì mà là: Hội cần thay đổi điều gì trong phương thức hoạt động để chuyển đổi số thực sự tạo ra giá trị mới cho tổ chức Hội và cho phụ nữ? Đồng thời, Hội cũng cần xác định rõ những việc Hội có thể chủ động thực hiện, những việc cần phối hợp với Mặt trận, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế; nguồn lực nào cần huy động; mô hình nào có thể triển khai và nhân rộng.

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Trên tinh thần đó, Hội thảo hôm nay được tổ chức không chỉ để chia sẻ kết quả hay kinh nghiệm ứng dụng công nghệ, mà quan trọng hơn là tìm kiếm những luận cứ khoa học và thực tiễn để Hội cụ thể hóa khâu đột phá về chuyển đổi số toàn diện trong nhiệm kỳ 2026 - 2031**.**

Thông qua các tham luận và phiên tọa đàm, Ban Tổ chức mong muốn tập trung làm rõ **ba nhóm vấn đề trọng tâm:**

Thứ nhất, về nhận thức và phương thức hành động: Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội cần được triển khai như thế nào để thực sự góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động Hội; hướng mạnh về cơ sở, gần hội viên, gần phụ nữ và nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội?

Thứ hai, về nền tảng, dữ liệu và năng lực số: Hội cần xây dựng và quản trị dữ liệu như thế nào để chuyển từ quản lý dựa nhiều vào báo cáo, kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu; bảo đảm kết nối, chia sẻ phù hợp với các nền tảng dùng chung của Mặt trận Tổ quốc và các cơ sở dữ liệu quốc gia; đồng thời nâng cao năng lực số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, hội viên và phụ nữ?

Thứ ba, về thực tiễn triển khai, mô hình và nguồn lực: Những mô hình nào từ thực tiễn địa phương có thể nhân rộng? Làm thế nào để các phong trào, như **"Bình dân học vụ số"** thực sự tạo ra năng lực số thiết thực? Hội cần cơ chế phối hợp và huy động nguồn lực như thế nào từ các cơ quan, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế và các chuyên gia để chuyển đổi số đi vào thực chất, phù hợp với điều kiện của từng cấp Hội và từng nhóm phụ nữ?

Đặc biệt, chúng tôi mong muốn các ý kiến tại Hội thảo không chỉ dừng ở việc nêu vấn đề, mà đi tới những khuyến nghị cụ thể, khả thi và có thể triển khai, tập trung: Hội cần ưu tiên việc gì; thực hiện theo lộ trình nào; cần cơ chế, nguồn lực và đối tác nào; đâu là những mô hình có thể thí điểm, đánh giá và nhân rộng. Đây cũng chính là những luận cứ quan trọng để Trung ương Hội tiếp tục hoàn thiện Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành TW Hội về chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội giai đoạn 2026 - 2031, bảo đảm Nghị quyết vừa bám sát định hướng của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, vừa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và khả năng thực hiện của tổ chức Hội.

Kính thưa toàn thể Hội thảo!

Chuyển đổi số là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự thay đổi đồng bộ từ nhận thức, con người, phương thức hoạt động đến hạ tầng, dữ liệu và nguồn lực. Với tinh thần chủ động, thực chất, lấy hiệu quả hoạt động Hội và lợi ích của hội viên, phụ nữ làm trung tâm, chúng tôi mong muốn Hội thảo hôm nay sẽ tạo ra những trao đổi thẳng thắn, những sáng kiến có giá trị và những khuyến nghị thiết thực cho chặng đường chuyển đổi số của Hội trong nhiệm kỳ mới.

Tôi tin tưởng rằng, với sự tham gia của các nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cán bộ Hội các cấp, Hội thảo sẽ cung cấp nhiều luận cứ khoa học, thực tiễn và giải pháp có tính khả thi, góp phần giúp Hội thực hiện thành công khâu đột phá về chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội**,** qua đó đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, gần dân, vì dân và góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, xin trân trọng cám ơn sự hiện diện và đồng hành của các ban , bộ, ngành, các tổ chức CHTX, các tổ chức quốc tế tại VN, các đối tác công nghệ và toàn thể quý vị đại biểu.

Một lần nữa, chúc các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội thảo thu được nhiều kết quả tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN 1.
GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TRONG HỆ THỐNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW; NHẬN THỨC VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Ông Trần Kiên,
Quyền Trưởng phòng,
Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo,

Kính thưa các quý vị đại biểu, các chuyên gia, các nhà khoa học,

Thưa toàn thể Hội thảo,

Trước hết, tôi xin trân trọng cảm ơn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức Hội thảo rất có ý nghĩa hôm nay với chủ đề "Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội - giải pháp đổi mới phương thức hoạt động Hội, góp phần thúc đẩy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW".

Đây là một chủ đề lớn, nhưng cũng rất gần gũi. Chuyển đổi số có thể bắt đầu từ việc một phụ nữ ở nông thôn biết dùng điện thoại để bán chai mật ong, bó rau của gia đình cho khách ở mọi miền tổ quốc; một nữ công nhân biết tra cứu thông tin bảo hiểm trên mạng mà không phải xin nghỉ làm; hay một người mẹ biết nhận diện tin nhắn lừa đảo để bảo vệ con mình.

Từ những việc rất nhỏ như vậy, chúng ta thấy chuyển đổi số không chỉ là chuyện của máy tính hay phần mềm. Chuyển đổi số trước hết là chuyện của con người: làm cho cuộc sống thuận tiện hơn, an toàn hơn, minh bạch hơn và tạo thêm cơ hội cho mỗi người dân, trong đó có phụ nữ.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị đã xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và đưa đất nước phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới. Tinh thần đó đặt ra yêu cầu đối với cả hệ thống chính trị. Trong đó, các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, bởi đây là lực lượng gần Nhân dân, sát Nhân dân, hiểu Nhân dân; là nơi có thể biến chủ trương lớn thành hành động cụ thể.

Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ là hiện đại hóa hoạt động của tổ chức Hội, mà là đổi mới cách Hội đến với hội viên - phụ nữ, lắng nghe phụ nữ, hỗ trợ phụ nữ và phát huy vai trò của phụ nữ trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Tôi xin nhấn mạnh ba nhận thức cốt lõi.

Thứ nhất, chuyển đổi số không phải là làm cho công việc cũ có thêm máy tính, mà là thay đổi cách làm để phục vụ người dân tốt hơn.

Khi nói đến chuyển đổi số, nhiều người thường nghĩ ngay đến việc lập nhóm Zalo, dùng phần mềm quản lý, gửi văn bản điện tử, họp trực tuyến. Những việc này cần thiết, nhưng mới là bước đầu. Nếu cách phục vụ vẫn cũ, hội viên vẫn khó tiếp cận, người dân vẫn không thấy lợi ích, thì chưa thể coi là chuyển đổi số thực chất.

Ví dụ, trước đây một hội viên muốn phản ánh khó khăn về vay vốn, việc làm, bạo lực gia đình hoặc cần tư vấn pháp lý, có khi phải chờ đến buổi sinh hoạt chi hội. Nếu có kênh số phù hợp, hội viên có thể gửi phản ánh ngay khi cần; cán bộ Hội nắm bắt sớm hơn; thông tin được chuyển đến đúng nơi xử lý nhanh hơn.

Hay một phụ nữ làm sản phẩm thủ công ở địa phương trước đây chỉ bán được cho người quen hoặc ở chợ gần nhà. Khi được hướng dẫn chụp ảnh sản phẩm, viết mô tả kể câu chuyện trung thực, nhận đơn hàng qua điện thoại, thanh toán không tiền mặt, gửi hàng qua dịch vụ vận chuyển, thì thị trường của chị không còn bó hẹp trong xã, trong huyện. Lúc đó, chuyển đổi số không còn là khẩu hiệu. Nó trở thành thêm một đơn hàng, thêm một khoản thu nhập, thêm một cơ hội tự chủ kinh tế.

Thứ hai, chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị của cả tổ chức, không phải việc riêng của bộ phận công nghệ. Nghị quyết 57-NQ/TW đặt chuyển đổi số ở vị trí đột phá chiến lược, vì vậy việc này không thể được giao khoán cho một cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, một nhóm kỹ thuật hay một dự án riêng lẻ. Người đứng đầu phải trực tiếp quan tâm, trực tiếp chỉ đạo và trực tiếp chịu trách nhiệm về kết quả.

Rào cản lớn nhất nhiều khi không phải là thiếu thiết bị, mà là tâm lý ngại thay đổi. Có cán bộ quen ghi chép bằng sổ; có hội viên ngại dùng ứng dụng vì sợ bấm nhầm, sợ mất tiền, sợ lộ thông tin; có phụ nữ lớn tuổi chỉ cần nghe đến "tài khoản", "mật khẩu", "mã xác thực" đã thấy khó. Vì vậy, chuyển đổi số trong hoạt động Hội cần bắt đầu bằng lợi ích cụ thể: tiết kiệm thời gian, tránh rủi ro, bán hàng thuận lợi hơn, bảo vệ con em mình tốt hơn.

Thứ ba, chuyển đổi số phải lấy phụ nữ, hội viên và người dân làm trung tâm.

Một phụ nữ ở nông thôn cần được hướng dẫn bán sản phẩm qua mạng bằng những việc rất cụ thể: chụp ảnh rõ, viết thông tin, câu chuyện trung thực, nhận đơn hàng an toàn. Một nữ công nhân cần kênh tiếp cận thông tin về nhà ở, trường học cho con, bảo hiểm, pháp luật lao động, nhưng kênh đó phải đơn giản, dễ dùng,

phù hợp với thời gian ít ỏi sau ca làm. Một phụ nữ cao tuổi cần được hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhưng không thể chỉ gửi cho bà một đường link và coi như đã hoàn thành nhiệm vụ.

Khi đặt phụ nữ ở trung tâm, chuyển đổi số của Hội sẽ trở nên rất cụ thể: giúp phụ nữ dễ tiếp cận thông tin hơn, dễ gửi kiến nghị hơn, dễ học kỹ năng hơn, dễ bán hàng hơn, dễ bảo vệ mình hơn, dễ tham gia hoạt động Hội hơn.

Từ ba nhận thức đó, các tổ chức chính trị - xã hội nói chung, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nói riêng, có ba vai trò quan trọng. Một là "dịch" những chủ trương lớn thành ngôn ngữ đời sống: dịch vụ công trực tuyến giúp giảm đi lại, thanh toán không tiền mặt giúp an toàn hơn, kiểm tra đường link giúp tránh bị lừa, bán hàng qua mạng giúp mở rộng khách hàng. Hai là tổ chức phong trào và phổ cập kỹ năng số ở cơ sở, từ dùng định danh điện tử, thanh toán tại chợ, đưa sản phẩm lên mạng đến nhận diện lừa đảo trực tuyến. Ba là lắng nghe, phản ánh và bảo vệ quyền lợi của người dân trong môi trường số.

Thưa các đồng chí,

Từ những vai trò trên, tôi xin nêu bốn nhóm yêu cầu và giải pháp trọng tâm đối với hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Thứ nhất, đổi mới nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu. Chuyển đổi số phải được xác định là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, có mục tiêu, lộ trình, nguồn lực và chỉ số đánh giá. Người đứng đầu các cấp Hội cần trực tiếp lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm, kiểm tra tiến độ, tháo gỡ khó khăn và đánh giá kết quả thực chất. Không nên coi chuyển đổi số là một phong trào ngắn hạn, càng không nên coi đó là việc "có phần mềm, ứng dụng là xong".

Thứ hai, xây dựng và quản trị tốt dữ liệu của tổ chức Hội. Dữ liệu nghe có vẻ kỹ thuật, nhưng thực chất là việc Hội biết hội viên của mình là ai, đang ở đâu, có nhu cầu gì, gặp khó khăn gì, cần hỗ trợ gì. Nếu dữ liệu được cập nhật tốt, Hội có thể biết nhóm phụ nữ nào cần hỗ trợ bán hàng trực tuyến, nhóm nào cần hướng dẫn phòng tránh lừa đảo, địa bàn nào cần ưu tiên tập huấn kỹ năng số.

Tuy nhiên, nói đến dữ liệu cũng phải nói đến trách nhiệm. Dữ liệu cá nhân của phụ nữ, trẻ em, hội viên và các nhóm yếu thế phải được bảo vệ nghiêm túc. Không phải ai cũng được xem mọi thông tin, không phải thông tin nào cũng được chia sẻ tùy tiện. Càng chuyển đổi số mạnh, càng phải có kỷ luật về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin.

Thứ ba, phát triển năng lực số cho cán bộ và hội viên bằng cách dễ hiểu, thực hành nhiều, đi từ tình huống thật. Cán bộ Hội phải có khả năng hướng dẫn hội viên tạo mật khẩu an toàn, nhận biết đường link lừa đảo, gửi phản ánh trực

tuyến, chụp ảnh, quay clip sản phẩm, thanh toán an toàn, bảo vệ trẻ em trên mạng. Việc đào tạo cần phân nhóm rõ: phụ nữ kinh doanh cần kỹ năng bán hàng trực tuyến; phụ nữ ở nông thôn cần gắn kỹ năng số với tiêu thụ nông sản; phụ nữ cao tuổi cần ưu tiên phòng tránh lừa đảo; phụ nữ trẻ và trẻ em gái cần kỹ năng an toàn số.

Thứ tư, tái thiết kế phương thức hoạt động Hội trên môi trường số, gắn với kết quả cụ thể. Các kênh số của Hội cần trở thành nơi hội viên tiếp cận thông tin chính thống, gửi câu hỏi, đăng ký nhu cầu hỗ trợ, học kỹ năng, kết nối sinh kế và nhận tư vấn. Có thể triển khai mô hình "Hội cơ sở số" với các tiêu chí dễ kiểm tra: có kênh thông tin chính thống; có nhóm nòng cốt hướng dẫn kỹ năng số; có hoạt động hỗ trợ phụ nữ dùng dịch vụ công trực tuyến; có nội dung bảo vệ phụ nữ và trẻ em trên không gian mạng; có mô hình hỗ trợ sinh kế số.

Điều quan trọng là mọi giải pháp chuyển đổi số đều phải được đo bằng kết quả cuối cùng. Không chỉ là đã tổ chức bao nhiêu hội nghị, bao nhiêu lớp tập huấn, bao nhiêu tài khoản được tạo lập. Cần đo xem bao nhiêu phụ nữ thực sự dùng được dịch vụ số; bao nhiêu người bán được hàng qua kênh số; bao nhiêu người biết tự bảo vệ mình trước lừa đảo trực tuyến; bao nhiêu phản ánh của hội viên được tiếp nhận và xử lý nhanh hơn.

Chỉ khi đo được kết quả cuối cùng, chúng ta mới biết chuyển đổi số có thực chất hay không. Và chỉ khi phụ nữ cảm nhận được lợi ích cụ thể, chuyển đổi số mới trở thành nhu cầu tự thân, chứ không chỉ là nhiệm vụ được phát động từ trên xuống.

Kính thưa toàn thể Hội thảo,

Nghị quyết 57-NQ/TW mở ra một tư duy phát triển mới cho đất nước. Nhưng để tinh thần của Nghị quyết đi vào cuộc sống, cần sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội chính là lực lượng có khả năng đưa chuyển đổi số đến gần hơn với người dân, biến chủ trương lớn thành hành động cụ thể, biến công nghệ thành lợi ích thiết thực, biến dữ liệu thành năng lực phục vụ.

Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, chuyển đổi số là cơ hội để Hội gần phụ nữ hơn, hiểu phụ nữ hơn, phục vụ phụ nữ tốt hơn và phát huy mạnh mẽ hơn vai trò của phụ nữ trong phát triển đất nước. Thành công của chuyển đổi số trong hệ thống Hội không đo bằng số lượng phần mềm hay nền tảng được xây dựng, mà bằng việc phụ nữ được tiếp cận cơ hội tốt hơn, được bảo vệ an toàn hơn, tham gia xã hội số tự tin hơn và đóng góp nhiều hơn cho gia đình, cộng đồng và đất nước.

Tôi xin kết thúc bằng một thông điệp ngắn: Chuyển đổi số trong tổ chức Hội trước hết là chuyển đổi cách phục vụ hội viên. Khi mỗi hoạt động số đều hướng đến phụ nữ, vì phụ nữ và cùng phụ nữ, thì chuyển đổi số sẽ không còn là một khẩu hiệu, mà trở thành động lực đổi mới thực chất của tổ chức Hội trong giai đoạn mới.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí và toàn thể Hội thảo.

TỪ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TRONG HỆ THỐNG HỘI: GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CỦA CÁN BỘ, HỘI VIÊN PHỤ NỮ VÀ THÚC ĐẨY PHONG TRÀO BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ ĐÁP ỨNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ SỐ

TS. Nguyễn Đức Toàn
Phó viện trưởng Viện Công nghệ thông tin
Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tóm tắt

Bài báo này nghiên cứu tiến trình dịch chuyển mang tính chiến lược từ ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) rời rạc sang Chuyển đổi số (CĐS) toàn diện trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (LHPN). Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Kế hoạch chỉ đạo của Đảng ủy, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội, tác giả nghiên cứu phân tích mô hình chuyển đổi từ "truyền thông một chiều" sang "hệ sinh thái quản trị số tương tác đa chiều". Bài viết định hình Khung năng lực số toàn diện cho phụ nữ gắn liền với 4 phẩm chất thời đại mới: "Có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm", đồng thời đánh giá vai trò hạt nhân của phong trào "Bình dân học vụ số"và Ứng dụng "Phụ nữ Việt Nam". Bằng phương pháp luận tổng hợp và mô hình hóa quản trị, bài viết đề xuất hệ giải pháp chiến lược 5 trụ cột nhằm tối ưu hóa "tài sản số" hệ thống Hội, thúc đẩy bình đẳng giới số và nâng cao hiệu quả quản trị Hội trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

(Abstract): This paper examines the strategic transition from fragmented Information Technology (IT) applications to comprehensive Digital Transformation across the system of the Vietnam Women's Union (VWU). Based on the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW of the Politburo and the action plans of the Party Committee and the Central Executive Committee of the Union, the author analyzes the shift from "one-way communication" to an "interactive multi-dimensional digital governance ecosystem." The article outlines a Comprehensive Digital Competency Framework for women aligned with four modern qualities: "Knowledgeable, moral, healthy, and responsible," while evaluating the core role of the "Digital Popular Education" movement and the "Vietnamese Women" application. Utilizing a methodology of synthesis and governance modeling, the article proposes a 5-pillar strategic framework to optimize the Union system's "digital assets," promote digital gender equality, and enhance the Union's governance efficiency in the nation's era of striving forward.

Từ khóa: *Chuyển đổi số toàn diện, Quản trị số, Bình dân học vụ số, Hội LHPN Việt Nam, Năng lực số, Hệ sinh thái số.*

Keywords: *Comprehensive digital transformation, Digital governance, Digital popular education, Vietnam Women's Union, Digital competence, Digital ecosystem.*

1. Đặt vấn đề và cơ sở lý luận về quản trị số

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là yếu tố quyết định sự phát triển quốc gia, là thời cơ vàng để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình (Bộ Chính trị, 2024; Hồ, 2026). Trong cấu trúc hệ thống chính trị Việt Nam, Hội LHPN Việt Nam đóng vai trò nòng cốt đối với phong trào phụ nữ và bình đẳng giới. Việc chuyển đổi mô hình vận hành của Hội từ ứng dụng CNTT đơn thuần sang Chuyển đổi số toàn diện không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà là một cuộc cách mạng quản trị tổ chức (Hội LHPN Việt Nam, 2026a).

Theo góc độ khoa học quản trị, ứng dụng CNTT truyền thống chủ yếu tập trung vào việc tự động hóa các quy trình sẵn có và số hóa văn bản. Trong khi đó, Chuyển đổi số đòi hỏi tái cấu trúc toàn bộ mô hình hoạt động, quy trình nghiệp vụ và văn hóa tổ chức dựa trên dữ và nền tảng số (Trần & Nguyễn, 2025). Nếu không thực hiện CĐS toàn diện, tổ chức Hội đứng trước nguy cơ gia tăng khoảng cách số đối với lực lượng hội viên, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, khiến phụ nữ mất đi cơ hội tiếp cận tài nguyên phát triển (Hồ, 2026).

2. Sự dịch chuyển chiến lược từ ứng dụng CNTT sang chuyển đổi số toàn diện

Quá trình chuyển đổi trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam thể hiện sự thay đổi căn bản về tư duy quản trị. Thay vì triển khai phong trào theo hành chính truyền thống, Hội đã chuyển sang xây dựng hệ sinh thái số tích hợp.

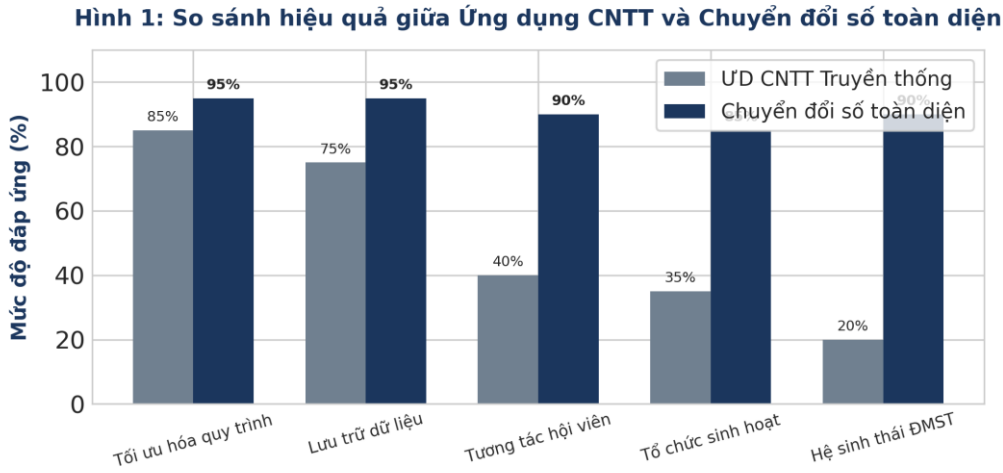

Hình 1: So sánh hiệu quả giữa Ứng dụng CNTT truyền thống và Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội (Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2026)

Bản chất của sự dịch chuyển chiến lược này được thể hiện rõ qua sự so sánh đối chiếu giữa hai phương thức vận hành trong Bảng 1.

Bảng 1: So sánh đặc trưng Quản trị giữa Ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong hệ thống Hội

Tiêu chí phân tích	Mô hình Ứng dụng CNTT (Cũ)	Mô hình Chuyển đổi số Toàn diện (Mới)
Triết lý quản trị	Tin học hóa quy trình giấy tờ, tối ưu hóa công tác văn phòng nội bộ.	Tái cấu trúc mô hình vận hành, quản trị dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.
Kênh tương tác	Truyền thông một chiều (văn bản hành chính, hội nghị tập trung).	Hệ sinh thái tương tác đa chiều, liên tục qua App "Phụ nữ Việt Nam".
Dữ liệu quản lý	Phân tán, lưu trữ cục bộ tại từng cấp Hội, dữ liệu tĩnh.	Cơ sở dữ liệu hội viên tập trung "Tài sản số", kết nối CSDLQG về dân cư.
Thước đo hiệu quả	Số lượng hội nghị, số văn bản ban hành, lượt người tham dự trực tiếp.	Mức độ hài lòng của hội viên, chỉ số năng lực số, giá trị tạo ra cho cộng đồng.

Thực tiễn tại Thành ủy và Hội LHPN Thành phố Hà Nội (với Kế hoạch 331) đã minh chứng hiệu quả của chuyển đổi số: 100% tổ chức Hội các cấp tuyên truyền phong trào; số hóa công tác chỉ đạo thông qua "Văn phòng không giấy", chữ ký số và trợ lý ảo "Phụ nữ Thủ đô" (Hội LHPN thành phố Hà Nội, 2026; Hồ, 2026).

3. Khung năng lực số gắn liền với 4 phẩm chất Phụ nữ thời đại mới

Thực tiễn của Hội LHPN Việt Nam là việc lồng ghép Khung năng lực số quốc gia vào 4 phẩm chất cốt lõi của phụ nữ Việt Nam: "Có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm" (Hồ, 2026). Đây chính là cách tiếp cận tối ưu cá nhân hóa, giúp công nghệ trở nên gần gũi và mang đậm giá trị nhân văn.

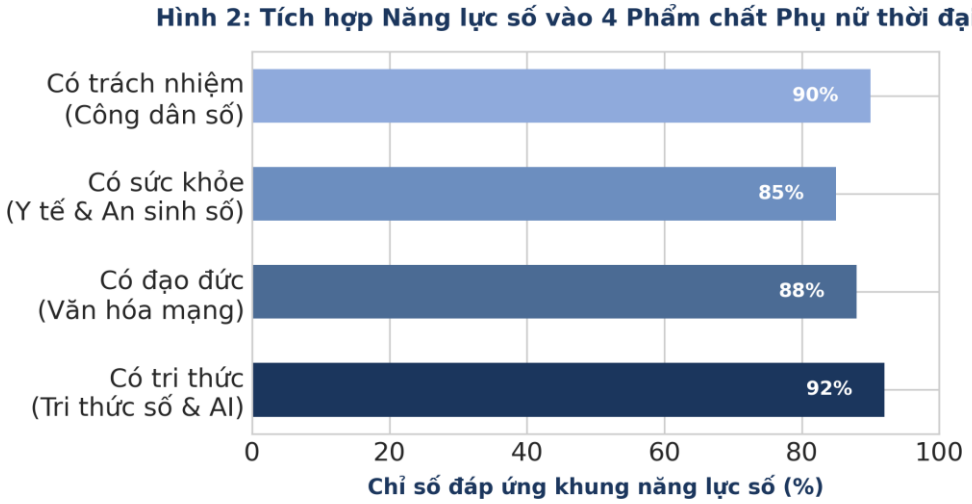

Hình 2: Mô hình tích hợp Khung năng lực số vào 4 phẩm chất Phụ nữ thời đại mới

(Nguồn: Tác giả xuất bản, 2026)

3.1. Có tri thức trong kỷ nguyên số

Kỷ nguyên số với sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ sinh thái thiết bị thông minh đang tạo ra bước ngoặt lịch sử trong việc xóa bỏ các rào cản kỹ thuật truyền thống, đưa công nghệ từ phạm vi nghiên cứu chuyên sâu trở nên gần gũi và tiếp cận trực tiếp tới toàn thể xã hội. Kết quả khảo sát thực tiễn trên quy mô lớn 57.575 hội viên phụ nữ tại 30 tỉnh, thành phố toàn quốc đã phản ánh sự phân hóa rõ rệt về trình độ ứng dụng công nghệ trong cộng đồng phụ nữ. Cụ thể, tỷ lệ hội viên đạt Mức 1 (chưa làm được) chiếm 11,3%, Mức 2 (cần hướng dẫn hoặc tài liệu) chiếm 20,8%, Mức 3 (tự làm được trong tình huống quen thuộc) chiếm 24,1%, Mức 4 (thực hiện dễ dàng trong nhiều tình huống) chiếm 19,5% và Mức 5 (thành thạo, có khả năng hướng dẫn người khác) đạt 24,3%.

Mặc dù nhóm đạt mức độ tự làm và thành thạo chiếm tỷ trọng khá cao, nhu cầu bồi dưỡng năng lực công nghệ mới của hội viên đặc biệt tăng mạnh, trong đó ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đứng đầu danh sách đề xuất với 32.820 lượt đề xuất, kế tiếp là nhu cầu về Giải quyết vấn đề số với 29.882 lượt đề xuất. Việc đào tạo làm chủ ứng dụng AI sẽ giúp cán bộ Hội và hội viên nâng cao năng suất xử lý công việc hành chính, tra cứu chính sách pháp luật chính xác, đồng thời tạo động lực bứt phá trong phát triển kinh tế số và ứng dụng thương mại điện tử bền vững.

3.2. Có đạo đức trên không gian mạng

Văn hóa ứng xử số đóng vai trò bộ lọc thông tin vô cùng thiết yếu nhằm đảm bảo tính văn minh, an toàn và chuẩn mực hành vi của phụ nữ trên môi trường mạng. Thực trạng khảo sát cho thấy kỹ năng nhận biết rủi ro lừa đảo, tin giả và an toàn thông tin đang là khoảng trống lớn nhất mà hội viên gặp phải. Cụ thể, kỹ

năng nhận biết thông tin lừa đảo và tin giả có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm khai thác thông tin với 3,28/5,0 điểm và chỉ có 23,34% hội viên đạt mức thành thạo. Đối với kỹ năng không truy cập vào các đường link lạ hoặc cài đặt ứng dụng không rõ nguồn gốc, điểm trung bình ghi nhận đạt 3,25/5,0 điểm với 13,25% hội viên hoàn toàn chưa biết cách phòng ngừa. Đặc biệt, An toàn số là một trong hai lĩnh vực có nhu cầu bồi dưỡng cấp thiết nhất với 32.703 lượt đề xuất từ hội viên toàn quốc.

Các dữ liệu này khẳng định tính cấp thiết của việc triển khai rộng rãi mô hình "Phụ nữ hội nhập an toàn trên môi trường mạng", trang bị đầy đủ bộ kỹ năng phòng vệ thông tin cho gia đình, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và lan tỏa mạnh mẽ các giá trị nhân văn trên không gian số.

3.3. Có sức khỏe nhờ công nghệ số

Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý Sổ sức khỏe điện tử và các nền tảng y tế thông minh là giải pháp đột phá giúp hội viên phụ nữ chủ động chăm sóc sức khỏe bản thân và gia đình một cách khoa học. Dữ liệu khảo sát ghi nhận nhóm kỹ năng sử dụng thiết bị số và phần mềm đạt mặt bằng chung khá tốt, trong đó thao tác cơ bản trên điện thoại đạt điểm trung bình 3,40/5,0 (với 30,18% thành thạo) và kỹ năng kết nối Internet an toàn đạt 3,35/5,0 điểm (với 28,05% thành thạo). Việc làm chủ thiết bị cá nhân cùng mạng kết nối là hạ tầng kỹ thuật quan trọng tạo tiền đề để chị em phụ nữ tiếp cận, tra cứu các ứng dụng y tế, theo dõi chỉ số sinh hiệu và thực hiện kết nối tư vấn y tế từ xa một cách thuận tiện, an toàn.

3.4. Có trách nhiệm với vai trò công dân số

Mỗi hội viên phụ nữ đang từng bước trở thành hạt nhân tích cực trong Tổ công nghệ số cộng đồng, kiên trì thực hiện phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà" nhằm hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến, nền tảng VNeID và thanh toán không dùng tiền mặt. Đánh giá thực trạng nhóm năng lực giao tiếp và hợp tác số cho thấy kỹ năng sử dụng công nghệ số phục vụ giao dịch hằng ngày (như quét mã QR, thanh toán điện tử, mua sắm trực tuyến) đạt điểm trung bình 3,29/5,0 điểm với 26,45% hội viên đạt mức thành thạo. Tuy nhiên, việc khai thác các nền tảng dịch vụ công trực tuyến (như VNeID, VssID, Cổng Dịch vụ công Quốc gia) mới đạt điểm trung bình 3,25/5,0 điểm, đồng thời ghi nhận tỷ lệ hội viên cần có sự hướng dẫn chiếm tới 23,61%.

STT	Nhóm Năng lực / Kỹ năng đánh giá	Điểm TB (1-5)	Tỷ lệ Cần hướng dẫn	Tỷ lệ Thành thạo
1	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	3,12	22,45%	21,50%

2	An toàn số & Phòng chống tin giả	3,28	21,10%	23,34%
3	Giải quyết vấn đề nhờ công nghệ	3,22	20,80%	22,10%
4	Khai thác ứng dụng dịch vụ công (VNeID...)	3,25	23,61%	23,61%

(Nguồn: Tác giả xuất bản, 2026)

Thực tế này đòi hỏi công tác bồi dưỡng năng lực công dân số phải được tăng cường bài bản, nhằm nâng cao tính tự chủ của cán bộ và hội viên phụ nữ, biến lực lượng phụ nữ thành trụ cột tuyên truyền, hướng dẫn và lan tỏa chuyển đổi số trong đời sống cộng đồng.

4. Phong trào "Bình dân học vụ số" và mô hình quản trị số hệ thống Hội

Phong trào "Bình dân học vụ số" do Trung ương Hội phát động đã tạo ra sức lan tỏa sâu rộng trong toàn thể cán bộ, hội viên phụ nữ cả nước, thực sự trở thành cuộc cách mạng nâng cao dân trí số toàn diện. Mô hình quản trị số của hệ thống Hội được hiện thực hóa thông qua ba trụ cột thực tiễn cốt lõi. Trụ cột thứ nhất là phát triển nền tảng "App Phụ nữ Việt Nam", đóng vai trò hạt nhân kết nối toàn bộ hệ thống, tích hợp các công cụ tư vấn pháp luật, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khởi nghiệp số và cung cấp các khóa học ngắn dạng micro-learning. Trụ cột thứ hai là xây dựng Cơ sở dữ liệu Hội viên tập trung, coi dữ liệu là "tài sản số" cốt lõi; việc hoàn thành kết nối dữ liệu Hội với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã giúp quản lý hội viên chính xác, minh bạch và khoa học. Trụ cột thứ ba là đổi mới mô hình cơ sở thông qua việc phát triển các mô hình "Chi hội số", "Gia đình số", "Chợ số - Nông thôn số" và "Câu lạc bộ phụ nữ khởi nghiệp số", hình thành mạng lưới tương trợ học tập công nghệ rộng khắp tại các địa phương.

Dựa trên kết quả khảo sát diện rộng trên 57.575 hội viên phụ nữ tại 30 tỉnh, thành phố toàn quốc năm 2026, thực trạng phân hóa trình độ năng lực số của hội viên được ghi nhận ở 5 mức độ rõ rệt. Cụ thể, số hội viên ở Mức 1 (chưa làm được) chiếm tỷ lệ 11,30%; Mức 2 (cần hướng dẫn hoặc tài liệu) chiếm 20,80%; Mức 3 (tự làm được trong tình huống quen thuộc) chiếm 24,10%; Mức 4 (thực hiện dễ dàng trong nhiều tình huống) chiếm 19,50%; và Mức 5 (thành thạo, có khả năng hướng dẫn người khác) đạt 24,30%.

Kết quả phân tích chi tiết các chỉ số năng lực chuyên biệt thể hiện rõ qua điểm trung bình đánh giá (thang điểm 1,0 đến 5,0) và nhu cầu bồi dưỡng cấp thiết của hội viên toàn quốc đối với các nhóm kỹ năng trọng yếu được tổng hợp cụ thể trong Bảng 1 dưới đây:

STT	Nhóm Năng lực / Kỹ năng đánh giá	Điểm TB (1-5)	Tỷ lệ cần hướng dẫn	Số lượt đề xuất bồi dưỡng
1	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong công việc và đời sống	3,12	22,45%	32.820
2	An toàn số & Nhận diện lừa đảo, tin giả trên mạng	3,28	21,10%	32.703
3	Giải quyết vấn đề và đổi mới sáng tạo nhờ công nghệ	3,22	20,80%	29.882
4	Khai thác nền tảng dịch vụ công trực tuyến (VNeID, VssID...)	3,25	23,61%	27.450
5	Sử dụng thiết bị di động và thao tác Internet cơ bản	3,40	18,20%	15.120

(Nguồn: Tác giả xuất bản, 2026)

Số liệu phân tích cho thấy, mặc dù kỹ năng thao tác thiết bị cơ bản đạt mức điểm trung bình khá cao (3,40/5,0), các kỹ năng bậc cao như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) chỉ đạt 3,12/5,0 điểm với nhu cầu bồi dưỡng cao nhất toàn quốc (32.820 lượt đề xuất). Bên cạnh đó, nhóm kỹ năng về An toàn số đạt 3,28/5,0 điểm nhưng nhận tới 32.703 lượt đề xuất đào tạo, cho thấy khoảng trống lớn về an toàn thông tin và phòng tránh lừa đảo trực tuyến trong phụ nữ. Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến như VNeID còn có tới 23,61% hội viên phụ thuộc vào sự hỗ trợ của người khác.

5. Giải pháp và đề xuất chiến lược thúc đẩy quản trị số và nâng cao năng lực số

Để phong trào "Bình dân học vụ số" đi vào chiều sâu và thống nhất toàn quốc, Hội cần sớm chính thức ban hành Khung năng lực số dành cho Phụ nữ Việt Nam. Khung năng lực số được cấu trúc với 6 miền năng lực và đáp ứng tiêu chuẩn người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới:

Một là, "Có tri thức trong kỷ nguyên số": Tập trung làm chủ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), kỹ năng khai thác và xử lý dữ liệu số, giải quyết vấn đề số và phát triển kinh tế số cá nhân. Việc chuẩn hóa nhóm năng lực này giúp phụ nữ chủ động nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa công việc hành chính và đẩy mạnh thương mại điện tử.

Hai là, "Có đạo đức trên không gian mạng": Trang bị bộ kỹ năng bảo vệ an toàn thông tin cá nhân, nhận diện lừa đảo trực tuyến, thẩm định tin giả, tuân thủ Luật An ninh mạng và xây dựng văn hóa ứng xử văn minh, nhân văn trên môi trường mạng.

Ba là, "Có sức khỏe nhờ công nghệ số": Ứng dụng thành thạo các nền tảng y tế thông minh, quản lý Sổ sức khỏe điện tử cá nhân, sử dụng các ứng dụng theo dõi thể chất và kết nối tư vấn y tế từ xa, giúp phụ nữ chủ động chăm sóc sức khỏe bản thân và gia đình.

Bốn là, "Có trách nhiệm với vai trò công dân số": Nâng cao năng lực thực hiện giao dịch điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng thành thạo các dịch vụ công trực tuyến (VNeID, VssID) và tích cực tham gia các Tổ công nghệ số cộng đồng để lan tỏa kỹ năng số cho nhân dân.

Nhằm hiện thực hóa Khung năng lực số và nâng cao hiệu quả quản trị số hệ thống Hội, bài báo đề xuất 5 giải pháp như sau:

Thứ nhất, Hoàn thiện thể chế và chiến lược dữ liệu số: Ban hành chuẩn dữ liệu thống nhất trong toàn hệ thống Hội. Đảm bảo tính liên thông dữ liệu thông suốt giữa Trung ương Hội và các tỉnh, thành phố, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt quy định bảo mật thông tin cá nhân và an toàn dữ liệu.

Thứ hai, thiết kế quy trình quản trị theo mô hình linh hoạt: Áp dụng mô hình "Văn phòng không giấy", triển khai họp trực tuyến, chữ ký số và giao việc qua hệ thống Dashboard theo dõi KPI theo thời gian thực đối với từng cấp Hội, tối ưu hóa hiệu quả điều hành công việc.

Thứ ba, cá nhân hóa chương trình đào tạo năng lực số: Áp dụng khung đào tạo phân tầng linh hoạt gồm ba nhóm đối tượng (Cán bộ chuyên trách - Hội viên nòng cốt - Hội viên vùng khó khăn). Đẩy mạnh sản xuất học liệu số dạng video ngắn, triển khai phương pháp học tập chia nhỏ ngay trên App Phụ nữ Việt Nam và trên cổng Bình dân học vụ số.

Thứ tư, phát triển hệ sinh thái đối tác công - tư (PPP): Tăng cường hợp tác chiến lược với các Bộ, Ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an), các tập đoàn công nghệ hàng đầu nhằm huy động nguồn lực tài trợ thiết bị, hạ tầng số cho phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Thứ năm, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo và tương tác số: Khuyến khích tư duy thử nghiệm mô hình công nghệ mới, định kỳ đánh giá Bộ chỉ số Chuyển đổi số (DCI) của các cấp Hội để kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong toàn quốc.

6. Kết luận

Chuyển đổi số toàn diện và Phong trào "Bình dân học vụ số" tại Hội LHPN Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc phổ cập công nghệ mà là chiến lược nâng tầm vị thế phụ nữ Việt Nam trong kỷ nguyên số (Hồ, 2026; Bộ Chính trị, 2024). Với sự kết hợp chặt chẽ giữa triết lý quản trị hiện đại, giải pháp CNTT tiên tiến và tinh thần nhân văn của tổ chức Hội, mô hình quản trị số toàn diện sẽ tạo ra động lực mới, góp phần đưa đất nước phát triển phồn vinh, hùng cường.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Hồ, K. L. (2026). Bình dân học vụ số - Cơ hội để cán bộ, hội viên, phụ nữ làm chủ công nghệ. Ban Công tác Phụ nữ, Trung ương Hội LHPN Việt Nam.
3. Hội LHPN thành phố Hà Nội. (2026). Kế hoạch hành động phát động phong trào thi đua 'Bình dân học vụ số' gắn với 'Công dân số' tại Thủ đô. Hà Nội: Hội LHPN Hà Nội.
4. Hội LHPN Việt Nam. (2026a). Kế hoạch số 723/KH-ĐCT và Kế hoạch số 750/KH-ĐCT về triển khai Phong trào 'Bình dân học vụ số' trong hệ thống Hội. Hà Nội: Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam.
5. Hội LHPN Việt Nam. (2026b). Báo cáo phát triển Nền tảng số và Ứng dụng 'Phụ nữ Việt Nam'. Hà Nội: Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam.
6. Trần, M. T., & Nguyễn, V. H. (2025). Quản trị số và Chuyển đổi tổ chức trong kỷ nguyên AI. Hà Nội: NXB Lý luận Chính trị.
7. Nguyễn Đức Toàn và cộng sự (2026), Báo cáo kết quả khảo sát: "Thực trạng năng lực số và nhu cầu học tập kỹ năng số của hội viên, phụ nữ".

CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHỤ NỮ THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bà Kim Ngọc Thanh Nga
Phó Giám đốc
Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Bộ Tài chính

Kính thưa Đoàn Chủ tịch hội thảo,

Kính thưa quý vị đại biểu, quý vị khách quý,

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, xác định đây là "đột phá quan trọng hàng đầu", là động lực chính để đưa đất nước phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, việc huy động, phát huy đầy đủ mọi nguồn lực của xã hội - trong đó có nguồn lực trí tuệ, sáng tạo của phụ nữ, lực lượng chiếm gần một nửa dân số và lực lượng lao động cả nước - là yêu cầu tất yếu, không thể thiếu.

Hội thảo hôm nay có ý nghĩa rất thiết thực, không chỉ bàn về chuyển đổi số trong phương thức hoạt động của hệ thống Hội, mà còn là dịp để chúng ta cùng nhìn lại một câu hỏi lớn hơn: làm thế nào để chính hệ thống Hội - với mạng lưới hội viên rộng khắp, gắn bó mật thiết với phụ nữ ở mọi vùng miền, mọi lĩnh vực - trở thành một kênh dẫn dắt, cổ vũ và tổ chức để phụ nữ tham gia ngày càng sâu, càng hiệu quả vào công cuộc nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước.

Trong phạm vi tham luận này, từ góc độ một cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ hỗ trợ, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) xin chia sẻ ba nội dung: (1) vai trò và thực trạng tham gia của phụ nữ trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiện nay; (2) một số chính sách, chương trình đã và đang được triển khai; (3) đề xuất một số giải pháp để hệ thống Hội phát huy tốt hơn nguồn lực phụ nữ trong giai đoạn tới.

I. Vai trò và thực trạng phụ nữ trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Nguồn lực phụ nữ tham gia nghiên cứu phát triển (R&D)

Theo số liệu thống kê của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, đội ngũ nhà khoa học nữ của Việt Nam có khoảng 79.078 người, chiếm 46% tổng nhân lực nghiên cứu và phát triển (R&D) của cả nước. Đây là một tỷ lệ rất đáng ghi nhận – thuộc nhóm cao hàng đầu khu vực châu Á và cao hơn đáng kể so với mức bình quân của

thế giới hiện nay là khoảng 30%. Điều đó cho thấy phụ nữ Việt Nam không đứng ngoài, mà đang hiện diện đông đảo, thực chất trong lực lượng nghiên cứu khoa học của đất nước.

Bảng dưới đây tóm tắt một số chỉ số phản ánh sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam:

Chỉ số	Tỷ lệ
Tỷ lệ nữ trong lực lượng nghiên cứu và phát triển (R&D) cả nước	**46%**
Mức bình quân tỷ lệ nữ trong lực lượng R&D của thế giới	**~30%**
Tỷ lệ nữ làm chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học – công nghệ	**~25–26%**
Tỷ lệ nữ được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng	**13–20%**

Nguồn: UN Women, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2026.

2. Khoảng cách từ tham gia đến dẫn dắt, thụ hưởng

Những số liệu trên cho thấy phụ nữ Việt Nam đã tham gia khá sâu vào lực lượng nghiên cứu và phát triển của đất nước. Tuy nhiên, nếu nhìn sự tham gia theo chuỗi "tham gia - trao quyền - dẫn dắt - thụ hưởng", có thể nhận thấy một khoảng cách đáng lưu ý giữa sự hiện diện về số lượng và khả năng nắm giữ các vị trí tạo ra, quyết định và thụ hưởng giá trị của đổi mới sáng tạo.

Cụ thể, phụ nữ chiếm khoảng 46% lực lượng nghiên cứu và phát triển, nhưng tỷ lệ nữ làm chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học - công nghệ chỉ khoảng 25–26%; tỷ lệ phụ nữ được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng chỉ khoảng 13–20%. Những con số này cho thấy tỷ lệ tham gia càng tiến gần đến các khâu đòi hỏi quyền chủ trì, quyền sở hữu và khả năng chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành giá trị thì sự hiện diện của phụ nữ càng giảm.

Do đó, vấn đề đặt ra đối với chính sách hiện nay không đơn thuần là "làm thế nào để phụ nữ tham gia nhiều hơn", mà là "làm thế nào để chuyển sự tham gia thành năng lực dẫn dắt và quyền thụ hưởng". Đây cũng là điểm cần chuyển trọng tâm trong thiết kế chính sách: từ việc tạo cơ hội tiếp cận sang tạo điều kiện để phụ

nữ duy trì sự nghiệp, tích lũy năng lực, tiếp cận nguồn lực, giữ vai trò chủ trì, sở hữu kết quả nghiên cứu và đưa kết quả đó ra thị trường.

Khoảng cách này xuất hiện bởi nhiều nguyên nhân có tính liên kết với nhau. Thứ nhất, sự gián đoạn sự nghiệp do sinh con và chăm sóc con nhỏ có thể làm đứt quãng quá trình tích lũy kinh nghiệm, công bố khoa học, xây dựng nhóm nghiên cứu và tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp. Thứ hai, định kiến giới trong một số môi trường học thuật và công nghệ có thể làm hạn chế cơ hội để phụ nữ được giao hoặc tự tin đảm nhận các nhiệm vụ lớn, có tính dẫn dắt. Thứ ba, sự tham gia còn hạn chế của phụ nữ trong các hội đồng khoa học, hội đồng thẩm định, xét duyệt đề tài và các cơ chế ra quyết định có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn lực cũng như tiếng nói của các nhà khoa học nữ.

Bên cạnh đó, khoảng cách kỹ năng số và khả năng tiếp cận công nghệ mới vẫn là một rào cản đối với một bộ phận phụ nữ, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi và khu vực phi chính thức. Ngay cả khi đã tạo ra kết quả nghiên cứu hoặc sáng kiến, phụ nữ vẫn có thể gặp khó khăn trong việc bảo hộ sở hữu trí tuệ, tiếp cận nhà đầu tư, doanh nghiệp và thị trường để thương mại hóa kết quả.

Như vậy, các rào cản đối với phụ nữ không tồn tại riêng lẻ mà hình thành một chuỗi điểm nghẽn: từ tiếp cận cơ hội, duy trì sự nghiệp, phát triển năng lực, tiếp cận nguồn lực đến dẫn dắt và thương mại hóa kết quả. Điều này đặt ra yêu cầu đối với chính sách là phải hình thành một chuỗi hỗ trợ liên tục, thay vì chỉ tập trung vào một khâu riêng biệt.

Đây chính là cơ sở để xem xét các chính sách và chương trình đang được triển khai ở Việt Nam: chính sách hiện nay đã hỗ trợ phụ nữ ở những khâu nào trong chuỗi nói trên, những khoảng trống còn nằm ở đâu, và cần chuyển trọng tâm chính sách như thế nào để phụ nữ không chỉ tham gia mà còn thực sự làm chủ, dẫn dắt và thụ hưởng thành quả đổi mới sáng tạo.

Vượt qua những rào cản nêu trên, trên thực tế đã xuất hiện ngày càng nhiều nhà khoa học nữ Việt Nam làm chủ công nghệ lõi, sở hữu hàng loạt bằng độc quyền sáng chế trong các lĩnh vực thiết bị, hóa học, y sinh, nông nghiệp, đưa thành công kết quả nghiên cứu ra thị trường và được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng khoa học uy tín trong nước, khu vực và quốc tế.[1]

[1] Một số gương mặt tiêu biểu được giới thiệu tại Hội thảo kết nối công nghệ "Women in Tech" do NIC phối hợp UNDP tổ chức ngày 11/8/2026: PGS.TS Nguyễn Minh Tân (Đại học Bách khoa Hà Nội) sở hữu 5 bằng độc quyền sáng chế về thiết bị cô đặc dịch nhạy nhiệt, người sáng lập giải pháp chế biến nông sản JEVA; đạt Giải thưởng Kovalevskaia 2024 và lọt Top 100 nhà khoa học xuất sắc nhất châu Á 2025 (The Asian Scientist). PGS.TS Hà Phương Thư (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) sở hữu 2 bằng độc quyền sáng chế về hệ nano kháng sinh thế hệ mới trong chăn nuôi, giúp giảm khoảng 10 lần lượng kháng sinh sử dụng; từng nhận Giải thưởng L'Oréal - UNESCO "Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học" và lọt Top 50 phụ nữ ảnh hưởng nhất Việt Nam (Forbes Vietnam). GS.TS Vũ Thị Thu Hà (Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam) với công nghệ phụ gia nhiên liệu

Đây là những minh chứng cho thấy khi được tạo điều kiện và hỗ trợ đúng cách, phụ nữ hoàn toàn có thể không chỉ tham gia mà còn dẫn dắt, sở hữu và thương mại hóa thành công các kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ.

II. Chính sách và các chương trình đã triển khai

Từ những phân tích trên có thể thấy, đánh giá hiệu quả của chính sách thúc đẩy phụ nữ trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không nên chỉ dựa trên câu hỏi phụ nữ đã được tạo điều kiện để tham gia hay chưa. Quan trọng hơn, cần xem xét chính sách đã giúp phụ nữ đi được đến đâu trong chuỗi tham gia - trao quyền - dẫn dắt - thụ hưởng.

Theo cách tiếp cận này, hệ thống chính sách của Việt Nam trong thời gian qua đã từng bước hình thành nền tảng khá toàn diện về bình đẳng giới, phát triển nguồn nhân lực nữ, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, nâng cao năng lực số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, giữa các tầng chính sách vẫn còn những khoảng trống nhất định, đặc biệt ở các khâu duy trì sự nghiệp nghiên cứu, tăng cơ hội giữ vai trò chủ trì và ra quyết định, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, kết nối đầu tư và thương mại hóa kết quả nghiên cứu do phụ nữ tạo ra.

Vì vậy, việc rà soát các chủ trương, chính sách và chương trình hiện hành dưới đây không chỉ nhằm ghi nhận những kết quả đã đạt được, mà quan trọng hơn là xác định chính sách đang tác động vào khâu nào của chuỗi giá trị và khâu nào cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

1. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước

Trước khi đi vào các chương trình, chính sách cụ thể, có thể thấy chủ trương thúc đẩy, hỗ trợ phụ nữ tham gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, thể chế hóa xuyên suốt qua nhiều giai đoạn:

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặt nền móng cho việc phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp phát triển đất nước.

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/1/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, hoàn thiện luật pháp, chính sách bảo đảm bình đẳng giới thực chất, đặt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

FNT6VN và ECOAL đã thương mại hóa thành công, từng đoạt 2 Huy chương Bạc tại Triển lãm Quốc tế Sáng chế của Phụ nữ (KIWIE) tại Hàn Quốc. GS.TS Đặng Diễm Hồng (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) sở hữu 10 bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích về công nghệ nuôi trồng vi tảo giàu dinh dưỡng, đã thương mại hóa thành công và tiếp tục mở rộng thị trường.

- Luật Bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ), xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, trong đó có khoa học và công nghệ.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia – văn kiện có tính định hướng chiến lược mà tham luận này lấy làm điểm xuất phát – tiếp tục khẳng định yêu cầu huy động mọi nguồn lực xã hội, trong đó có nguồn lực phụ nữ, cho công cuộc phát triển khoa học, công nghệ của đất nước.

Có thể thấy, hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã hình thành khá đồng bộ, nhất quán qua gần hai thập kỷ, tạo hành lang pháp lý và định hướng quan trọng để phụ nữ tham gia ngày càng sâu, càng thực chất vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Chương trình, đề án quốc gia hỗ trợ phụ nữ

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW và các chủ trương về bình đẳng giới, thời gian qua, NIC cùng các đối tác trong nước và quốc tế đã chủ động xây dựng, triển khai nhiều chương trình hướng tới phụ nữ trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, có thể kể đến:

- Chương trình WISE - Sáng kiến hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và kinh doanh, xây dựng cộng đồng hàng chục nghìn phụ nữ khởi nghiệp, hỗ trợ kết nối vốn cho các dự án giai đoạn đầu và ươm tạo, tăng tốc cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

- Hoạt động hợp tác với USAID trong khuôn khổ Chương trình WISE thuộc US-SEGA, ưu tiên đào tạo kỹ năng số cho phụ nữ và các nhóm yếu thế nhằm thu hẹp khoảng cách kỹ năng số.

- Chương trình Thách thức Đổi mới sáng tạo Việt Nam (VNIC) dành sự quan tâm, ưu tiên nâng cao năng lực cho các sáng kiến do nữ doanh nhân, nữ sinh viên khởi xướng.

- Hợp tác với UNDP và các đối tác quốc tế trong các chương trình đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa - khu vực có tỷ lệ chủ doanh nghiệp là nữ chiếm tỷ trọng đáng kể.

- Đặc biệt, ngày 11/8/2026, NIC phối hợp UNDP tại Việt Nam (sử dụng nguồn tài trợ của Chính phủ Nhật Bản), Hội Thông tin Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VASTI), NASTIS, COSTAS và BK Holdings tổ chức Hội thảo kết nối công nghệ - Women in Tech tại Sàn Giao dịch KH&CN Quốc gia. Sự kiện quy tụ 13 nhà khoa học nữ đến từ các viện nghiên cứu, trường đại học giới thiệu hơn 20

công nghệ, giải pháp kỹ thuật và sản phẩm KH&CN, kết nối trực tiếp với hơn 25 doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng công nghệ, đồng thời tổ chức ký kết các bản ghi nhớ hợp tác thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017–2025" (Đề án 939) do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, là một trong những chương trình quốc gia có quy mô lớn nhất dành cho phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Qua 8 năm triển khai, Đề án đã hỗ trợ 118.533 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp - gấp gần 6 lần mục tiêu ban đầu (20.000 người) - trong đó có 20.000 phụ nữ nghèo, 13.000 phụ nữ dân tộc thiểu số và 1.700 phụ nữ khuyết tật, là những nhóm vốn ít cơ hội tiếp cận các chương trình hỗ trợ chính thức.

Đánh giá chung, các chương trình, đề án nêu trên đã đạt được một số kết quả tích cực: hình thành mạng lưới, cộng đồng phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo có quy mô ngày càng lớn; từng bước thu hẹp khoảng cách kỹ năng số; kết nối được một bộ phận nhà khoa học, nữ doanh nhân với nguồn lực đầu tư, thị trường. Tuy nhiên, phần lớn các chương trình hiện vẫn tập trung chủ yếu ở khâu khởi sự kinh doanh, kỹ năng số cơ bản, mà chưa có nhiều chương trình chuyên sâu, dài hạn hướng tới nhóm phụ nữ làm nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ, công nghệ lõi; độ phủ ở khu vực nông thôn, miền núi, khu vực phi chính thức cũng còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

3. Hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Với vai trò là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho quyền và lợi ích của các tầng lớp phụ nữ, thời gian qua Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã chủ động, tích cực triển khai nhiều hoạt động trao quyền, khuyến khích hội viên, phụ nữ tham gia chuyển đổi số, có thể tóm tắt qua một số nét chính:

- Về định hướng chiến lược: Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII xác định "đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin" là một khâu đột phá; Chiến lược phát triển Tổ chức Hội đến năm 2025, tầm nhìn 2030 cũng lấy ứng dụng công nghệ làm cơ sở, tiền đề để đổi mới tổ chức và hoạt động Hội.

- Về hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế số: các cấp Hội đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn về thương mại điện tử, livestream bán hàng, xây dựng và quản lý gian hàng trên các sàn thương mại điện tử (Shopee, Lazada, Postmart...); kết nối tiêu thụ, quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm khởi nghiệp của phụ nữ trên các nền tảng số và mạng xã hội.

- Về phổ cập kỹ năng số: phong trào "Bình dân học vụ số" được nhiều cấp Hội hưởng ứng, triển khai sâu rộng, từng bước giúp cán bộ, hội viên nâng cao kỹ năng số, tự tin thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi.

Nhìn chung, các hoạt động của Hội đã góp phần thiết thực nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho một bộ phận lớn hội viên, nhất là trong lĩnh vực kinh tế số, thương mại điện tử. Tuy nhiên, việc trao quyền cho phụ nữ tham gia chuyển đổi số qua hệ thống Hội hiện vẫn chủ yếu dừng ở cấp độ phổ cập kỹ năng cơ bản và hỗ trợ kinh doanh nhỏ; mức độ kết nối giữa mạng lưới hội viên với hệ sinh thái nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo còn chưa thực sự sâu sắc, đồng bộ - đây cũng chính là dư địa hợp tác mà NIC mong muốn cùng hệ thống Hội khai thác tốt hơn trong thời gian tới, như đề xuất tại Phần IV dưới đây.

4. Kinh nghiệm quốc tế

Ở phạm vi quốc tế, việc thúc đẩy vai trò phụ nữ trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng là mối quan tâm chung của nhiều quốc gia, tổ chức, với một số kinh nghiệm đáng tham khảo:

- Chương trình học bổng, giải thưởng L'Oréal - UNESCO "Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học" được triển khai tại hơn 110 quốc gia, trong đó có Việt Nam, nhằm tôn vinh và hỗ trợ tài chính cho các nhà khoa học nữ trẻ có công trình nghiên cứu xuất sắc.

- Mạng lưới các nhà khoa học và kỹ sư nữ quốc tế (INWES), hình thành từ năm 2002 dưới sự bảo trợ của UNESCO, kết nối các nhà khoa học nữ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới, thúc đẩy sự hiện diện của phụ nữ trong các cơ quan hoạch định chính sách khoa học - công nghệ; Việt Nam đã đăng cai Hội nghị INWES - APNN ngay tại NIC vào năm 2024.

- Nhiều quốc gia trong khu vực (như Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia...) đã xây dựng các quỹ, chương trình riêng hỗ trợ nhà khoa học nữ quay lại nghiên cứu sau thời gian gián đoạn vì sinh con, nuôi con nhỏ, cùng các cơ chế khuyến khích tỷ lệ nữ tham gia hội đồng khoa học, ban giám khảo các giải thưởng nghiên cứu - những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tiếp tục nghiên cứu, tham khảo để hoàn thiện chính sách trong nước.

Những kinh nghiệm quốc tế nêu trên cho thấy thúc đẩy phụ nữ tham gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là xu hướng chung của nhiều quốc gia; việc kết nối phụ nữ Việt Nam với các mạng lưới, chương trình quốc tế là hướng đi cần được coi trọng, phát huy song song với việc hoàn thiện chính sách trong nước.

Những chương trình này là nền tảng quan trọng, song để tạo chuyển biến thực chất trên diện rộng, rất cần sự đồng hành, lan tỏa của một hệ thống có mạng lưới hội viên đông đảo, gắn kết như Hội - từ cấp Trung ương đến cơ sở.

IV. Đề xuất giải pháp phát huy nguồn lực phụ nữ

Từ phân tích trên, có thể thấy yêu cầu chính sách trong giai đoạn tới không chỉ là mở rộng sự tham gia của phụ nữ vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, mà cần tạo ra một chuỗi hỗ trợ liên tục, giúp phụ nữ duy trì sự tham gia, phát triển năng lực, tiếp cận nguồn lực, đảm nhận vai trò dẫn dắt và chuyển hóa kết quả nghiên cứu, sáng tạo thành giá trị.

Theo đó, các giải pháp cần được thiết kế theo nguyên tắc "đúng đối tượng - đúng điểm nghẽn - đúng giai đoạn phát triển". Với phụ nữ mới bắt đầu, trọng tâm là cơ hội tiếp cận và kỹ năng; với phụ nữ đang nghiên cứu, cần hỗ trợ duy trì và phát triển sự nghiệp; với nhà khoa học, kỹ sư và doanh nhân nữ đã có sản phẩm, cần tập trung vào sở hữu trí tuệ, kết nối đầu tư, doanh nghiệp và thị trường; đồng thời ở cấp độ hệ thống, cần tăng sự hiện diện của phụ nữ trong các cơ chế ra quyết định và hoạch định chính sách.

Trên cơ sở đó, NIC đề xuất một số nhóm giải pháp sau:

1. Xây dựng nền tảng dữ liệu và mạng lưới số

- Hội chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu số về hội viên là nhà khoa học nữ, nữ chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nữ cán bộ kỹ thuật, để nắm bắt năng lực, nhu cầu và kết nối cung - cầu hỗ trợ.

- Phối hợp với NIC và các đơn vị liên quan xây dựng nền tảng số dùng chung, kết nối hội viên với các chương trình đào tạo, quỹ hỗ trợ, mạng lưới cố vấn, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

2. Lồng ghép kỹ năng số và tư duy đổi mới sáng tạo

- Lồng ghép nội dung phổ cập kỹ năng số, kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp sáng tạo vào chương trình sinh hoạt Hội tại cơ sở, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, khóa học trực tuyến (theo mô hình "learning by doing") dành riêng cho hội viên, ưu tiên nhóm phụ nữ trẻ, phụ nữ khởi nghiệp, phụ nữ dân tộc thiểu số.

3. Phát huy vai trò cầu nối, giới thiệu, tôn vinh điển hình

- Hội chủ động giới thiệu, đề cử hội viên nữ tiêu biểu tham gia các chương trình, giải thưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo do NIC và các bộ, ngành tổ chức.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình "gương mặt phụ nữ đổi mới sáng tạo", tạo hiệu ứng truyền cảm hứng, từng bước thay đổi định kiến "phụ nữ không giỏi kỹ thuật".

4. Tham gia hoàn thiện và giám sát thực thi chính sách

- Hội phát huy vai trò phản biện xã hội, tổng hợp ý kiến hội viên để kiến nghị hoàn thiện chính sách hỗ trợ phụ nữ trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo (chính sách nghỉ thai sản linh hoạt cho nhà khoa học, cơ chế tài chính hỗ trợ khởi nghiệp nữ, quy định về tỷ lệ nữ tham gia hội đồng khoa học...).

- Phối hợp giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu liên quan đến bình đẳng giới trong các chương trình, đề án triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW tại địa phương, đơn vị.

5. Đồng hành cùng NIC mở rộng chương trình hỗ trợ

- NIC sẵn sàng phối hợp với Hội xây dựng các chương trình ươm tạo, tăng tốc dành riêng cho các dự án đổi mới sáng tạo do phụ nữ dẫn dắt, kết nối với mạng lưới đối tác quốc tế mà NIC đã thiết lập.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa NIC và hệ thống Hội để tổ chức các hoạt động đào tạo, kết nối đầu tư, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu của hội viên.

- Nhân rộng mô hình Hội thảo kết nối công nghệ Women in Tech (do NIC, UNDP cùng VASTI, NASTIS, COSTAS, BK Holdings tổ chức tháng 8/2026) theo hướng thường niên, mở rộng quy mô và có sự đồng tổ chức, giới thiệu hội viên của hệ thống Hội, để ngày càng nhiều nữ khoa học được kết nối trực tiếp với doanh nghiệp và thương mại hóa thành công kết quả nghiên cứu.

V. Kết luận

Phát huy nguồn lực phụ nữ trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là vấn đề bình đẳng giới, mà còn là yêu cầu phát triển của quốc gia, là một trong những điều kiện để thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết 57-NQ/TW đã đề ra. Với mạng lưới hội viên rộng khắp và uy tín xã hội sâu rộng, hệ thống Hội có vị trí, vai trò rất quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu đó – từ việc phổ cập kỹ năng số, kết nối nguồn lực, đến tôn vinh điển hình và tham gia hoàn thiện chính sách.

Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia mong muốn và cam kết sẽ tiếp tục đồng hành cùng hệ thống Hội trong chặng đường phía trước, để ngày càng có nhiều phụ nữ Việt Nam không chỉ tham gia, mà thực sự dẫn dắt và thụ hưởng thành quả của công cuộc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đại biểu đã lắng nghe. Kính chúc hội thảo thành công tốt đẹp.

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHỤ NỮ VÀ KẾT NỐI, CHIA SẺ VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA

Đại tá Nguyễn Thành Vĩnh
Phó Giám đốc Trung tâm Dữ liệu quốc gia
Bộ Công an

Kính thưa quý vị đại biểu, thưa toàn thể Hội nghị,

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, thời gian qua các cấp Hội đã tích cực xây dựng lộ trình chuyển đổi số toàn diện. Trong đó, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ, bảo đảm kết nối, chia sẻ thông suốt với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia là nhiệm vụ then chốt, nền tảng. Tại Hội nghị hôm nay, thay mặt Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12), tôi xin trình bày tham luận ***"Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ và kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia"***. Trong phạm vi tham luận, chúng tôi xin trao đổi ba nội dung lớn: (1) Chủ trương, căn cứ chính trị - pháp lý của việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ; (2) Thực trạng tổ chức Hội hiện nay - nền tảng thuận lợi để triển khai; (3) những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể mà Hội cần tập trung thực hiện trong thời gian tới.

I. VỀ CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHỤ NỮ

Kính thưa các đồng chí, chuyển đổi số quốc gia đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Quán triệt tinh thần đó, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, quy định pháp luật quan trọng, tập trung khẳng định nhất quán hai yêu cầu xuyên suốt là "tập trung dữ liệu" và "tập trung hạ tầng".

1. Về yêu cầu tập trung dữ liệu

Ngày 24/6/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1132/QĐ-TTg quy định tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia, gồm 79 nền tảng (Nhóm A gồm 17 nền tảng dùng chung cho tất cả các ngành, lĩnh vực; Nhóm B gồm 62 nền tảng dùng chung theo lĩnh vực), xác định rõ nguyên tắc nền tảng số dùng chung phải được triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp, cát cứ dữ liệu.

Tiếp đó, ngày 28/3/2026, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, gồm 20 loại cơ sở dữ liệu quốc gia, phân công rõ cơ quan chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật, kết nối, chia sẻ đối với từng loại cơ sở dữ liệu, tạo căn cứ pháp lý để các bộ, ngành,

cơ quan trong hệ thống chính trị xác định rõ vị trí, phạm vi cơ sở dữ liệu chuyên ngành của mình trong tổng thể kiến trúc dữ liệu quốc gia, không xây dựng tràn lan, chồng chéo.

Cùng với hai Quyết định nêu trên, Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã xác lập 7 nguyên tắc cốt lõi cho kiến trúc số quốc gia, trong đó nhấn mạnh nguyên tắc quản trị dựa trên kết quả đo lường được, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực, thúc đẩy dữ liệu mở, minh bạch, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư xuyên suốt.

2. Về yêu cầu tập trung hạ tầng

Cụ thể hóa nội dung về hạ tầng tại Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, ngày 04/11/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2439/QĐ-TTg về Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0), quy định cụ thể cấu trúc, phân tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật và mô hình chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, địa phương và hệ thống thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Tiếp đó, ngày 31/7/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1425/QĐ-TTg phê duyệt Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0), kế thừa đầy đủ 7 nguyên tắc của Quy định số 05-QĐ/BCĐTW, là căn cứ bắt buộc để mọi cơ quan trong hệ thống chính trị - trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - xây dựng, vận hành hạ tầng số, cơ sở dữ liệu theo hướng đồng bộ, kế thừa tối đa hạ tầng đã có, tránh đầu tư phân tán, trùng lặp.

Như vậy, các văn bản pháp lý trên đều nhất quán khẳng định yêu cầu tập trung dữ liệu, tập trung hạ tầng, không để các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tự đầu tư dàn trải, phân tán, hình thành "ốc đảo dữ liệu".

3. Về vai trò của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (Cục C12, Bộ Công an)

Trên tinh thần chỉ đạo xuyên suốt nêu trên, vai trò của Trung tâm Dữ liệu quốc gia, do Cục C12 - Bộ Công an trực tiếp quản lý, vận hành, đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ được thể hiện cụ thể như sau:

Thứ nhất, C12 đóng vai trò hạ tầng tập trung, từ đó bảo đảm vai trò liên thông dữ liệu. C12 là nơi tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Trên nền hạ tầng tập trung đó, Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ được kết nối, liên thông thông suốt hai chiều với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác (bảo hiểm xã hội, lao động - việc làm, giáo dục, y tế...), khắc phục tình trạng dữ liệu phân tán, cát cứ, hội viên phải kê

khai nhiều lần; đồng thời Hội Phụ nữ không phải tự đầu tư trung tâm dữ liệu riêng mà khai thác ngay hạ tầng dùng chung sẵn có.

Thứ hai, C12 hỗ trợ Hội Phụ nữ phân tích dữ liệu đa chiều, rà soát các chỉ số đa chiều trên nhiều lĩnh vực. Trên cơ sở dữ liệu đã liên thông, tập trung, C12 tổng hợp, phân tích, đối chiếu dữ liệu về phụ nữ với các chỉ số kinh tế - xã hội khác (hộ nghèo, cận nghèo, lao động - việc làm, trình độ học vấn, tiếp cận vốn vay, an sinh xã hội...), qua đó hỗ trợ Hội Phụ nữ các cấp rà soát, phát hiện những vấn đề, nhóm đối tượng phụ nữ cần quan tâm trên từng địa bàn, từng lĩnh vực, làm căn cứ tham mưu chính sách về phụ nữ, bình đẳng giới sát thực tiễn, tránh dàn trải, hình thức.

Thứ ba, C12 là hạ tầng trí tuệ nhân tạo (AI) tập trung của quốc gia, từ đó giải quyết các bài toán ứng dụng AI phục vụ công tác Hội. Với vai trò hạ tầng AI tập trung, C12 hỗ trợ Hội Phụ nữ ứng dụng các công cụ AI để tự động hóa phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng, phát hiện sớm rủi ro, hỗ trợ ra quyết định trong công tác nắm tình hình phụ nữ, hội viên, tổ chức phong trào và tham mưu chính sách, mà không phải tự xây dựng hạ tầng, nền tảng AI riêng lẻ, phân tán.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HỘI PHỤ NỮ HIỆN NAY

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có mạng lưới tổ chức rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở, với đội ngũ cán bộ, hội viên đông đảo, gắn bó mật thiết với từng địa bàn dân cư. Đây là lợi thế đặc biệt quan trọng, tạo nền tảng thuận lợi để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ:

Về mạng lưới: hệ thống tổ chức Hội hiện diện từ Trung ương đến địa phương và vươn tới tận chi hội, tổ phụ nữ ở khu dân cư, bảo đảm khả năng bao phủ, thu thập thông tin đến từng hội viên, từng hộ gia đình.

Về con người: đội ngũ cán bộ Hội Phụ nữ các cấp và lực lượng hội viên nòng cốt trực tiếp nắm bắt, cập nhật biến động về nhân khẩu, hoàn cảnh, nhu cầu của phụ nữ tại địa bàn - là nguồn thu thập, cập nhật dữ liệu tại chỗ nhanh nhạy, sát thực tế nhất.

Về sự gắn bó với địa bàn: hoạt động Hội gắn với các phong trào, mô hình cụ thể (giúp nhau phát triển kinh tế, xây dựng gia đình văn hóa, câu lạc bộ, tổ vay vốn...), qua đó tích lũy khối lượng dữ liệu phong phú, đa chiều về đời sống, nhu cầu của hội viên.

Tuy nhiên, nhìn thẳng vào thực tế, đến nay Hội Phụ nữ các cấp vẫn chưa xây dựng được đề án, kế hoạch tổng thể về Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ; những nội dung, mô hình đang triển khai (nếu có) mới chỉ dừng ở quy mô rất nhỏ, mang tính thí điểm, đơn lẻ tại một số địa bàn, chưa được thiết kế đồng bộ theo

kiến trúc dữ liệu quốc gia, chưa có tầm nhìn, lộ trình dài hạn và chưa mang tính chiến lược trong toàn hệ thống Hội.

Như vậy, mạng lưới tổ chức và con người là lợi thế lớn để thu thập, cập nhật dữ liệu tại nguồn, song đây mới là điều kiện thuận lợi; để phát huy được lợi thế đó, Hội Phụ nữ cần sớm khắc phục khoảng trống nêu trên, chuẩn hóa quy trình, công cụ, xây dựng đề án, kế hoạch tổng thể bài bản, có tầm nhìn chiến lược, đồng bộ với kiến trúc dữ liệu quốc gia, thay vì tiếp tục triển khai manh mún, nhỏ lẻ như hiện nay.

III. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ chủ trương, căn cứ chính trị - pháp lý và thực trạng nêu trên, để xây dựng thành công Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ, bảo đảm kết nối, chia sẻ hiệu quả với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, kính đề nghị Hội Phụ nữ các cấp sớm tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Xác định khung kiến trúc dữ liệu, sớm ban hành đề án, kế hoạch tổng thể

Hội cần chủ động xác định khung kiến trúc dữ liệu về phụ nữ trên cơ sở bám sát Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18/7/2026) và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (Quyết định số 1425/QĐ-TTg), bảo đảm đồng bộ, tương thích ngay từ khâu thiết kế, không xây dựng theo kiểu "ốc đảo dữ liệu". Trên cơ sở đó, sớm tham mưu ban hành Đề án, Kế hoạch tổng thể xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ với lộ trình, phân công cụ thể theo từng cấp Hội, gắn với chương trình chuyển đổi số quốc gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội Phụ nữ cần bám sát 4 lớp theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số để xác định yêu cầu triển khai:

Về hạ tầng: tận dụng tối đa hạ tầng dùng chung quốc gia, hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu quốc gia, không đầu tư dàn trải; bảo đảm đường truyền, thiết bị, phần mềm nhập liệu đến tận chi hội; có phương án an ninh, an toàn thông tin, phân quyền truy cập, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Về dữ liệu: chuẩn hóa mô hình dữ liệu, từ điển dữ liệu dùng chung, mã định danh, chuẩn kết nối thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Về dịch vụ công, ứng dụng, nghiệp vụ: xây dựng phần mềm quản lý hội viên tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, phục vụ hội viên tra cứu, khai báo, thụ hưởng chính sách trực tuyến, giảm thủ tục hành chính.

Về quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành: xây dựng công cụ báo cáo, thống kê, bộ chỉ số theo thời gian thực để lãnh đạo Hội các cấp và cấp ủy, chính quyền khai thác, phục vụ chỉ đạo, điều hành công tác phụ nữ.

2. Xác định rõ mối quan hệ với các kho dữ liệu liên quan

Hội Phụ nữ là tổ chức chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, do đó cần làm rõ mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ với kho dữ liệu dùng chung của Mặt trận Tổ quốc, các kho dữ liệu chuyên ngành khác của Mặt trận, cũng như các cơ sở dữ liệu chuyên đề đang có của Hội (hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ, tín dụng chính sách, mô hình kinh tế tập thể...). Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ nên được xác định là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, vừa độc lập tương đối để phục vụ công tác chuyên môn của Hội, vừa là hợp phần đồng bộ hai chiều với kho dữ liệu dùng chung của Mặt trận Tổ quốc và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, tránh trùng lặp trong thu thập, quản lý.

3. Xác định các trường dữ liệu

Các trường dữ liệu được xác định trên cơ sở phối hợp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để đối chiếu, xác thực, làm giàu dữ liệu; đồng thời khai thác, chuẩn hóa từ cơ sở dữ liệu hiện có của hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, bảo đảm thống nhất, liên thông toàn hệ thống. Có thể kể đến các nhóm trường dữ liệu tiêu biểu như:

Dữ liệu định danh: họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, nơi cư trú - xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Dữ liệu tổ chức Hội: mã số hội viên, chi hội, tổ phụ nữ, cấp Hội quản lý, chức danh, quá trình tham gia công tác Hội.

Dữ liệu kinh tế - xã hội: trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, hộ nghèo, cận nghèo, khả năng tiếp cận vốn vay, mô hình kinh tế, khởi nghiệp.

Dữ liệu nhóm yếu thế: phụ nữ khuyết tật, đơn thân, dân tộc thiểu số, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người - áp dụng cơ chế phân quyền truy cập chặt chẽ theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Dữ liệu phong trào, hoạt động Hội: kết quả thi đua, mô hình, câu lạc bộ, danh hiệu, hình thức khen thưởng.

4. Xác định nguồn kết nối và mục đích sử dụng

Về kết nối: cần kết nối, chia sẻ hai chiều với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để xác thực, làm giàu dữ liệu; kết nối với kho dữ liệu dùng chung của Mặt trận Tổ quốc nhằm tính toán kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác (bảo hiểm xã hội, lao động - việc làm, giáo dục, y tế...) khi có nhu cầu, được phép.

Về mục đích sử dụng: phục vụ nắm tình hình phụ nữ, hội viên; tham mưu chính sách về phụ nữ, bình đẳng giới; tổ chức phong trào đúng đối tượng, đúng nhu cầu; phục vụ báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Hội các cấp; góp phần làm đầu

vào cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ hoạch định chính sách kinh tế - xã hội chung.

KẾT LUẬN

Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về phụ nữ, kết nối, chia sẻ hiệu quả với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia là nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp thiết, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số toàn diện của hệ thống Hội Phụ nữ. Với sự quan tâm lãnh đạo của Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, sự phối hợp của Bộ Công an, Trung tâm Dữ liệu quốc gia và quyết tâm của cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước, tin tưởng nhiệm vụ này sẽ được triển khai thành công. Trên đây là toàn bộ nội dung tham luận của Trung tâm, kính mong nhận được sự quan tâm, góp ý của quý vị đại biểu và Hội nghị.

Xin trân trọng cảm ơn!

XÂY DỰNG VÀ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘI LHPN VIỆT NAM: TỪ SỐ HÓA THÔNG TIN ĐẾN RA QUYẾT ĐỊNH DỰA TRÊN DỮ LIỆU

Ông Lê Nguyễn Trường Giang
Viện trưởng Viện Chiến lược Chuyển đổi số

I/ Nhận thức đúng về số hóa để số hóa đúng cách

Theo Viện Chiến lược chuyển đổi số (DTSI) (2023), chuyển đổi số là một tiến trình chuyển đổi đồng thời và liên tục của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và đời sống xã hội theo ba cấp độ chính:

Cấp độ 1: Số hóa (digitize): là quá trình tin học hóa, mạng hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi các hình thức dữ liệu sang dạng số và chuẩn hóa, đồng bộ hóa để tạo thành một cơ sở dữ liệu số để xây dựng một *năng lực số*.

Cấp độ 2: Ứng dụng công nghệ và dữ liệu số (digitalize): là quá trình phát triển ứng dụng các công nghệ số, các giao thức mới, các hình thức hoạt động mới… dựa trên nền tảng hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số và năng lực số để hình thành một *xã hội số*.

Cấp độ 3: Chuyển đổi số (digital transformation): là quá trình chuyển đổi về tư duy và hình thái tổ chức của tổng thể các cấu phần hình thành nên một xã hội nói chung dựa trên nền tảng xã hội số để hình thành nên *văn hóa số*, cơ sở nền tảng cho *tư duy số*, *hành động số*; cấu thành nên một *không gian số* toàn cầu dựa trên một *nền tảng mở*, kết nối bởi các *mạng lưới*; kiến tạo một *hình thái tổ chức xã hội mới* hình thành bởi các nền tảng (platform) hoạt động trên nền tảng *vốn dữ liệu* (data-capital) tạo ra các hoạt động *kinh tế số*.

Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, nhận thức về số hóa hiện còn nhiều hạn chế, sai lệch, hạn hẹp, và do vậy khiến cho tiến trình số hóa chưa được thực hiện đúng cách. Việc nhận thức đúng về số hóa để số hóa đúng cách do vậy có một ý nghĩa quan trọng đối với thực tiễn. Chúng ta sẽ cùng xác lập những vấn đề về nhận thức hiện nay:

1) **Hạn chế nhận thức**: Sự hạn chế nhận thức bắt nguồn từ việc hiểu về dữ liệu chưa đúng. Có thể tổng hợp sự hạn chế nhận thức này thông qua những hiểu lầm về dữ liệu thành một khung khổ bao gồm 6 điểm sau:

+ **Hiểu lầm 1**: Dữ liệu là có sẵn và chúng ta chỉ cần "đến lấy"/"khai thác", thậm chí sự hiểu lầm còn tai hại hơn khi người ta đồng hóa dữ liệu với những gì được lưu trữ trong máy tính, và mặc định nói đến dữ liệu thì chỉ là những e-data

được lưu trữ trong các hệ thống IT. Thực tiễn, dữ liệu không có sẵn, dữ liệu chỉ hình thành khi có sự tương tác.

+ **Hiểu lầm 2**: Dữ liệu là chung nhất và chúng ta có thể sử dụng cùng một dữ liệu như nhau cho những tiến trình khác nhau, trong những bối cảnh khác nhau, cho những mục tiêu/công việc khác nhau, theo những cách thức và phương pháp khác nhau. Thực tiễn, dữ liệu có tính thụ động, ý nghĩa của nó phụ thuộc vào chủ thể sử dụng.

+ **Hiểu lầm 3**: Dữ liệu là đơn nghĩa và chúng ta có thể sử dụng dữ liệu thông qua việc sàng lọc, sắp xếp, phân loại và sử dụng dựa trên ý nghĩa "mặc định" nào đó mà ta gán cho dữ liệu đó thì nó chỉ là thế mà thôi. Thực tế, dữ liệu có tính đa nghĩa và biến chuyển theo bối cảnh cụ thể mà nó được sử dụng.

+ **Hiểu lầm 4**: Dữ liệu sở hữu được và chúng ta có sở hữu dữ liệu, cũng như đề cập đến các quyền riêng tư (privacy) và quyền dữ liệu từ chiều kích sở hữu. Tuy nhiên, đó là một sai lầm nghiêm trọng, chúng ta không thể sở hữu dữ liệu, và do vậy các quyền riêng tư hay quyền sở hữu dữ liệu về bản chất lại là các quyền liên quan đến quá trình sử dụng, quyền sử dụng dữ liệu.

+ **Hiểu lầm 5**: Dữ liệu là tĩnh tại và chúng ta cứ mặc nhiên nghĩ và coi rằng dữ liệu được hình thành rồi thì nó là vậy mãi mãi, như một chủ thể mang tính vật thể hữu hình/phi hữu hình, không thay đổi gì hết. Tuy nhiên dữ liệu không tĩnh tại, nó mang tính tiến trình, nó thay đổi liên tục trong tiến trình hình thành – sử dụng – tiến hóa.

+ **Hiểu lầm 6**: Dữ liệu là như nhau và chúng ta cứ mặc nhiên gom góp dữ liệu từ các nguồn khác nhau, theo những cách khác nhau và "trộn chung" chúng với nhau như thể chúng giống như nhau để hòa trộn được thành một. Tuy nhiên, dữ liệu không như nhau, với mỗi cách tương tác để hình thành, thu thập, phân tích, xử lý, sử dụng, khai thác khác nhau, dữ liệu hoàn toàn khác nhau, không thể "hòa trộn" thành một thể toàn thể.

2) **Sai lệch nhận thức**: Sáu hiểu lầm trên về dữ liệu đang gây ra rất nhiều vấn đề trong kiến trúc và thiết kế các hệ thống công nghệ (phần mềm, ứng dụng, giải pháp, thiết bị, hệ thống, mặc định) hiện nay. Và đó cũng là nguyên nhân đưa đến những sai lệch trong nhận thức về số hóa hiện nay. Chúng ta có thể nhận thức các sai lệch này cụ thể như sau:

+ **Sai lệch 1**: Dữ liệu cứ như có thể tự đồng nhất, sẵn sàng liên kết được với nhau để tạo thành một hệ thống. Điều này khiến cho công tác dữ liệu, xây dựng dữ liệu, cơ sở hóa dữ liệu… bị nhận thức sai lệch rằng cứ "mạnh ai nấy làm" để "có dữ liệu" thì cũng có nghĩa là dữ liệu sẽ thành có sẵn. Trong khi ý nghĩa quan

trọng cho công tác dữ liệu, xây dựng dữ liệu, cơ sở hóa dữ liệu… trước hết và bắt đầu phải bằng việc xây dựng các hệ thống để xác lập các tương tác.

+ **Sai lệch 2**: Dữ liệu cứ mặc nhiên sử dụng mà không cần được "tinh chế", "phân loại", "sắp xếp", "cấu trúc". Dữ liệu có thể từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng lại không hiểu rõ sự khác biệt về các nguồn sẽ dẫn đến ý nghĩa của dữ liệu cũng sai khác đi, và việc nhúng dữ liệu trong các bối cảnh khác nhau cũng dẫn đến ý nghĩa sai khác của dữ liệu.

+ **Sai lệch 3**: Dữ liệu có tính bất biến/tĩnh tại. Thực tế dữ liệu có tính trạng thái, tính đặc thù, tính cơ hội và tính giải pháp. Đây là một điểm tiếp cận rất đặc biệt về dữ liệu như nó là. Trong thực tế, dữ liệu có tính đa nghĩa/động. Tùy theo trạng thái mà tính đặc thù được biểu hiện ra khác nhau, dẫn đến tính cơ hội và tính giải pháp cũng biến đổi theo.

+ **Sai lệch 4**: Dữ liệu có thể "sở hữu" được và hiểu sai dữ liệu cá nhân (personnal data) và quyền riêng tư (privacy) dẫn đến việc chúng ta thực sự không biết mình sở hữu cái gì thực sự liên quan đến dữ liệu, và theo đó có những tư duy, hành động và thực thi các quyền của mình một cách hợp lý trong việc cung cấp, sử dụng và bảo vệ quyền liên quan đến dữ liệu.

+ **Sai lệch 5**: Dữ liệu là "không thay đổi" theo không gian, thời gian và phương cách. Thực tế, dữ liệu biến đổi liên tục theo không gian, thời gian và phương cách tác động đến dữ liệu. Do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu: phân loại, thu thập, phân tích, xử lý, phân phối, sử dụng dữ liệu có ý nghĩa cấu trúc hóa dữ liệu thành giá trị và hiệu dụng.

+ **Sai lệch 6**: Dữ liệu mặc nhiên có thể "liên thông", "lắp ghép", "phối thuộc" với nhau và hình thành nên ý nghĩa một cách thống nhất. Thực tế, các dữ liệu nếu không được chuẩn hóa, hệ thống hóa, đồng bộ hóa thì không thể cộng hưởng hiệu quả được thành một ý nghĩa cấu trúc. Và do vậy, việc kết nối một cách tùy tiện các hệ dữ liệu khác nhau sẽ dẫn đến việc làm sai lệch ý nghĩa dữ liệu.

3) Hạn hẹp nhận thức: Việc hạn chế và sai lệch nhận thức về dữ liệu cũng đưa đến sự hạn hẹp nhận thức trong tư duy và hành động. Chúng ta có thể chỉ ra những hạn hẹp về nhận thức này như sau:

+ **Hạn hẹp** 1: Chính vì không/thiếu hiểu biết về dữ liệu đúng bản chất của nó là dữ liệu, nên rất nhiều chính sách, thiết kế thậm chí cả luật pháp về dữ liệu hết sức lủng củng, lộn xộn. Sự lẫn lộn dữ liệu (data) và dữ liệu điện tử (e-data) và dữ liệu số (digital-data) do vậy cũng được sử dụng một cách hết sức tùy tiện. Các khái niệm và thiết kế các hệ thống công nghệ đi cùng do vậy, về căn bản là "rối mù".

+ **Hạn hẹp 2**: Các nghiên cứu căn bản về dữ liệu, khoa học dữ liệu (không phải là cái gọi data-science đang được hiểu theo nghĩa của market research) cũng hết sức hạn hẹp. Chưa nói đến việc hiểu dữ liệu như nền tảng cho nền kinh tế số dựa trên kinh tế học tri thức, để xác lập cho đúng thế nào là "kinh tế số". Chẳng hạn, việc hiểu về vốn hóa dữ liệu (data capitalize) và sự hình thành đúng bản chất của ngân hàng số (digital bank), kiến tạo những nền tảng cho tài sản số (digital asset), tiền mã hóa (crypto-currency), và sự phát triển của các hệ thống fin-tech cũng đang là một vấn đề lớn hiện nay.

+ **Hạn hẹp 3**: Chúng ta thiếu thực sự các "chuyên gia hệ thống dữ liệu", và đang nhầm lẫn, đánh đồng với những chuyên gia CNTT về hệ thống CSDL, hay những chuyên gia digital-market-research được gắn mác data-scientist hay data-analysis. Chính sự thiếu/không hiểu biết về dữ liệu đúng bản chất như nó là của những người có thẩm quyền ra quyết định các chủ trương, chính sách, chiến lược liên quan, nên chúng ta đã không biết thực sự cần phải làm gì, đào tạo ai, và đào tạo như thế nào...?

+ **Hạn hẹp 4**: Và khi không có dữ liệu đúng cách, không có nền tảng hệ thống dữ liệu, chúng ta khó có thể phát triển và tự chủ được trong các công nghệ mà dữ liệu mang tính nền tảng như trí thông minh nhân tạo (AI) chẳng hạn. Tất cả, như một cái vòng luẩn quẩn, thằn lằn cắn đuôi. Nền tảng của AI - ứng dụng công nghệ AI phải là dữ liệu - không phải nhiều mà chất lượng, phù hợp, đầy đủ, cập nhật mới là những yếu tố quan trọng nhất.

+ **Hạn hẹp 5**: Chúng ta đang không thực sự nhận thức được đúng mức ý nghĩa của dữ liệu, mới chỉ nhìn đơn thuần là một "đầu vào", trong khi nó đang là cơ hội cho sự phát triển và làm chủ công nghệ của Việt Nam đúng nghĩa Made in Vietnam, nhất là khi cả nền tảng phần cứng và phần mềm chúng ta đều căn bản, phụ thuộc vào nước ngoài.

+ **Hạn hẹp 6**: Chúng ta đang ban hành những Kiến trúc số mang tính kỹ thuật và tập trung vào kiến trúc công nghệ thông tin-truyền thông (ICT). Trong khi chỉ có thể kiến trúc, kiến tạo các nền tảng hệ thống/cơ sở dữ liệu quốc gia hiệu quả khi chúng ta có DPA - Kiến trúc dữ liệu nền tảng cho từng hệ thống CSDL và CSDL tổng thể.

Như vậy với 6 hạn chế, 6 sai lệch, 6 hạn hẹp trong việc nhận thức về dữ liệu đòi hỏi chúng ta phải vượt qua, hiệu chỉnh và mở rộng để hóa giải những hạn chế, sai lệch và hạn hẹp nhận thức về dữ liệu này trong tiến trình số hóa, ứng dụng số hóa và chuyển đổi số. Trong giới hạn bài viết này, chúng ta sẽ dừng lại ở cấp độ đầu tiên của tiến trình chuyển đổi số, cấp độ số hóa.

Theo DTSI, số hóa (digitize) là cấp độ thấp nhất trong tiến trình chuyển đổi số. Theo đó, số hóa phải đồng thời bao gồm:

+ Quá trình tin học hóa (computerize);

+ Mạng hóa (Internet);

+ Ứng dụng công nghệ thông tin (sử dụng các phần mềm và các ứng dụng liên quan);

+ Chuyển đổi dữ liệu sang dạng điện tử (e-data);

+ Chuẩn hóa (standize/normalize/formalize);

+ Đồng bộ hóa dữ liệu (Synchronize/Combine/Automate);

Để cuối cùng tạo ra một Cơ sở dữ liệu số (digital-database) như là kết quả cuối cùng của số hóa.

Do vậy Số hóa (digitize) chính là tiến trình kiến tạo nên một cơ sở dữ liệu số (digital-database) cho một tổ chức.

Hướng cơ sở dữ liệu – lập trình – ra quyết định

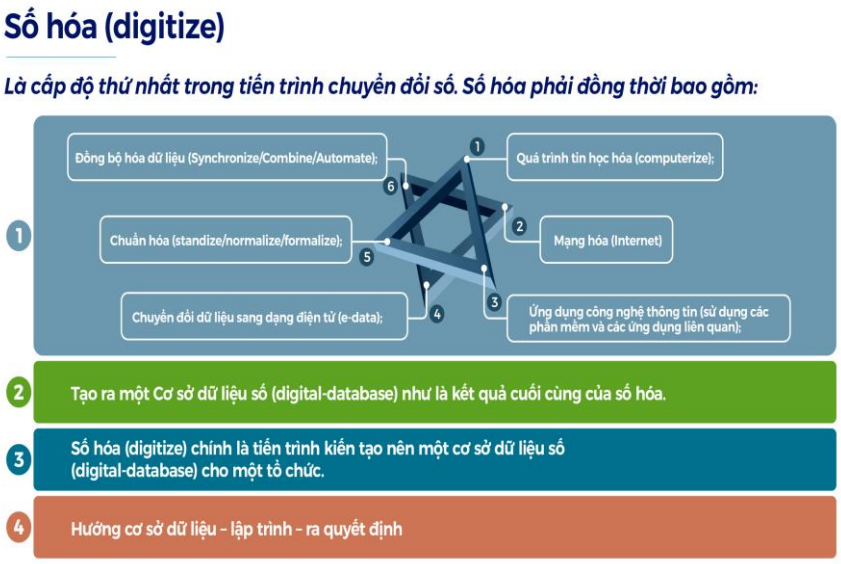

II/ Số hóa đúng cách để thông tin hóa

Như phân tích ở bên trên, chúng ta đã có được những hiểu biết căn bản và rõ nét trong nhận thức về dữ liệu để hiểu rằng cần phải số hóa đúng cách như thế nào. Vấn đề tiếp theo để củng cố việc số hóa đúng cách, đó là việc trả lời câu hỏi, số hóa để làm gì? Thông thường, chúng ta thường dừng ở mức độ căn bản đó là số hóa để "có dữ liệu", tuy nhiên, đây là nhận thức chưa đầy đủ, và mới chỉ dừng ở mức độ sơ khởi nhất của vấn đề dữ liệu và số hóa.

Dữ liệu chỉ thực sự là Dữ liệu khi Dữ liệu có trạng "sống" (living). Trạng thái sống của Dữ liệu được khung khổ hóa với 6 thuộc tính:

1 – Hiện tồn: nhận thức được;

2 – Đồng thời: giữa những chủ thể khác;

3 – Dữ liệu: thông qua việc dữ liệu hóa ký hiệu;

4 – Hiệu quả: cho phép đưa đến một giá trị;

5 – Giá thành: thông qua việc xác lập được một giá thành;

6 – Khớp nối: cho phép khớp nối được với các chủ thể khác.

Đồng thời, chúng ta cần phân biệt được rõ IT (Information Technology), CT (Communications Technology), và DT (Digital Technology) như thế nào? Để từ đó nắm rõ đầu vào của IT, CT, DT lần lượt từng công nghệ là gì? Chỉ khí đó ta mới tiếp tục trả lời được rõ ràng:

1/ Đâu thực sự là dữ liệu?

2/ Chúng ta tư duy dựa trên dữ liệu như thế nào?

3/ Chúng ta ra quyết định và hành động dựa trên dữ liệu như thế nào?

4/ Chúng ta mục tiêu hóa các hiệu quả, hiệu suất, năng suất dựa trên dữ liệu như thế nào?

5/ Chúng ta đặt dữ liệu dữ liệu vào trung tâm của tiến trình chuyển đổi như thế nào?

6/ Chúng ta khớp nối các dữ liệu chúng ta (có thể) có được như thế nào?

Và dựa trên đó chúng ta có sự chỉ dẫn đúng cách cho tiến trình số hóa để hình thành nên thông tin cho các tiến trình ra quyết định định hướng thông tin hóa, theo đó:

1/ Quá trình tin học hóa (computerize): phải được xác lập sự hiện tồn để dữ liệu thực sự là dữ liệu khi mà mọi cấu phần, cấu trúc, tiến trình, và hoạt động vận hành của tổ chức trở nên có tính hệ thống, tổng thể, đồng bộ và cộng hưởng;

2/ Mạng hóa (Internet): cho phép dữ liệu đồng thời giữa những chủ thể khác nhau liên quan đảm bảo cho phép tư duy dựa trên dữ liệu, tạo ra được một phương thức kết nối mọi tiến trình giao tiếp, ý tưởng, tư duy và hành động thống nhất trong một dòng chảy chung;

3/ Ứng dụng công nghệ thông tin (sử dụng các phần mềm và các ứng dụng liên quan): đảm bảo việc đồng bộ mã hóa dữ liệu cho phép ra quyết định và hành động dựa trên dữ liệu một cách đồng hợp thông qua việc phát huy được hiệu quả vai trò và sự hiện tồn của mọi cấu phần của tổ chức một cách linh hoạt, hiệu quả và tối ưu hóa được các nguồn lực;

4/ Chuyển đổi dữ liệu sang dạng điện tử (e-data): định hướng giá trị thông qua mục tiêu hóa các hiệu quả, hiệu suất, năng suất dựa trên dữ liệu như thế nào

dựa trên việc kết nối được nhiệm vụ, mục tiêu, trọng tâm của từng cấu phần tổ chức thành một mục tiêu tổng thể trên cơ sở cộng hưởng hiệu quả;

5/ Chuẩn hóa (standize/normalize/formalize): góp phần xác lập giá thành dựa trên việc đặt dữ liệu dữ liệu vào trung tâm của tiến trình chuyển đổi để có thể ra quyết định dựa trên dữ liệu thông qua việc ứng dụng một cách hiệu quả các công nghệ số và dữ liệu số;

6/ Đồng bộ hóa dữ liệu (Synchronize/Combine/Automate): cho phép khớp nối được với các chủ thể khác thông qua khớp nối các dữ liệu để có thể kiến tạo lợi thế cạnh tranh mới trong bối cảnh kỷ nguyên số với năng lực thích ứng hiệu quả;

III/ Từ thông tin hóa đến ra quyết định dựa trên dữ liệu

Như vậy, chúng ta đã xác lập được việc tạo ra một Cơ sở dữ liệu số (digital-database) như là kết quả cuối cùng của số hóa như thế nào. Số hóa (digitize) chính là tiến trình kiến tạo nên một cơ sở dữ liệu số (digital-database) cho một tổ chức nhằm hướng tới: cơ sở dữ liệu – lập trình – ra quyết định. Việc ra quyết định dựa trên dữ liệu thông qua tiến trình thông tin hóa cũng chính là tiến trình lập trình theo tư duy lập trình. Để hiểu rõ việc từ thông tin hóa đến ra quyết định dựa trên dữ liệu như thế nào, chúng ta cần trước hết hiểu rõ tư duy lập trình là gì.

Theo DTSI, tư duy lập trình được hiểu gồm khung khổ như sau:

1/ Điều đó có ý nghĩ chỉ dẫn tổ chức triển khai có tính thực tiễn cao, vì mỗi "bước/kết nối" đều có thể chỉ rõ cho những người liên quan biết họ cần phải làm gì và nó có khả năng đóng gói-lặp lại-chuyển giao-tiến hóa;

2/ Tư duy theo cách này sẽ gắn chặt với việc số hóa – cơ sở dữ liệu hóa, nền tảng đầu vào cho lập trình phần mềm/ứng dụng, ra quyết định dựa trên/theo dữ liệu – cho phép dữ liệu hóa. Đây cũng là nền tảng quan trọng cho việc phát triển các ứng dụng và công nghệ trí thông minh tạo (AI) vào trong các tiến trình vận hành của tổ chức.

3/ Cho phép chuyển đổi các giải pháp thành các mạng lưới hình thành nên các hệ thống và định hình kiến trúc platform. Đây là một yêu cầu quan trọng để "chuyển đổi/transform" được các tổ chức từ vận hành theo module sang vận hành theo dòng dữ liệu.

4/ Thiết lập hiệu quả được tính chỉnh thể, tổng thể, toàn thể của tổ chức để từ đó tạo ra khả năng cho phép thiết lập nên các quy trình vận hành hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

5/ Thực sự cho phép dữ liệu trở thành nền tảng thực sự.

6/ Định hình được chiến lược nền tảng (platform strategy/category strategy).

Từ đó có thể định hình ra tiến trình ra quyết định dựa trên/theo dữ liệu (based-on data/data-driven decision making) như sau:

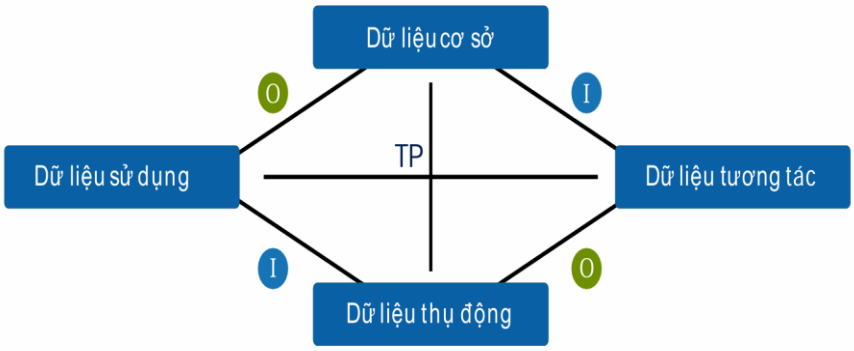

Gắn liền với tiến trình số hóa như sau:

i) Chuẩn hóa tác nghiệp cho tiến trình ra quyết định hành chính nhà nước

Dưới các đòi hỏi của tiến trình số hóa các quy định về ra quyết định hành chính nhà nước sẽ được chuẩn hóa cùng với mỗi kiến trúc tổ chức ở từng cấp để tạo ra những sở cứ cho phép chủ thể ra quyết định có cơ sở mang tính thống nhất và hình thành tính hợp pháp cho quyết định hành chính được ban hành, cũng như thuận lợi cho việc phổ biến các quyết định hành chính được ban hành.

ii) Hệ thống hóa các quy trình cho tiến trình ra quyết định hành chính nhà nước

Dưới các đòi hỏi của tiến trình số hóa, các chủ thể ra quyết định hành chính nhà nước sẽ được hệ thống hóa thống nhất với nhau trong một hệ thống các quy định tổng thể về ra quyết định hành chính nhà nước, tạo ra tính hệ thống, tính thống nhất, tính chỉnh thể và tính toàn thể cho việc ra quyết định hành chính nhà nước, tạo dựng sở cứ vững chắc, đảm bảo cho tính hợp pháp và cho phép truyền thông hiệu quả quyết định hành chính nhà nước.

iii) Đồng bộ hóa các quy trình cho tiến trình ra quyết định hành chính nhà nước

Dưới các đòi hỏi của tiến trình số hóa, tính chất hợp pháp của quyết định hành chính nhà nước sẽ được đảm bảo tốt nhất nhờ việc đồng bộ hóa các quy định đi cùng với các sở cứ cũng như việc truyền thông về quyết định hành chính nhà nước.

iv) Cộng hưởng hiệu quả các quy trình cho tiến trình ra quyết định hành chính nhà nước

Dưới các đòi hỏi của tiến trình số hóa, việc cộng hưởng hiệu quả các quyết định hành chính nhà nước trong tiến trình ra quyết định hành chính nhà nước sẽ giúp cộng hưởng hiệu quả các hệ quả và quyết định hành chính nhà nước tác động lên các tiến trình thực tiễn thông qua việc xác lập một cách chuẩn mực-hệ thống-đồng bộ các quy định ban hành, sở cứ, tính hợp pháp để đảm bảo việc truyền thông quyết định hành chính nhà nước hiệu quả.

Tài liệu trích dẫn

Viện Chiến lược Chuyển đổi số - Thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia – NXB CTQGST 2023.

AN TOÀN SỐ, DỮ LIỆU SỐ VÀ BẢO VỆ PHỤ NỮ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Ông Nguyễn Minh Đức,
Chủ nhiệm CLB Dịch vụ ANM,
CEO công ty Cyradar;
Chuyên gia của Hiệp hội An ninh mạng Quốc gia

1. Nghị quyết 57: Chuyển đổi số là động lực phát triển

Nghị quyết 57-NQ/TW đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí đột phá.

- Phương thức hoạt động mới
- Không gian kết nối mới
- Mô hình cung cấp dịch vụ mới
- Cách thức quản trị và ra quyết định mới
- Những nguồn lực mới — đặc biệt là dữ liệu

Chuyển đổi số càng nhanh → yêu cầu về an toàn số càng cao.

An toàn số không phải "phần việc phía sau". An toàn số phải được thiết kế ngay từ đầu.

2. Phụ nữ đang tham gia ngày càng sâu vào không gian số

- Người sử dụng mạng xã hội
- Người mua bán trực tuyến
- Người kinh doanh trên nền tảng số
- Người sử dụng dịch vụ ngân hàng số
- Người sáng tạo nội dung
- Người tham gia cộng đồng trực tuyến
- Người sử dụng dịch vụ công trực tuyến
- Người quản lý dữ liệu gia đình / doanh nghiệp
- Hội viên & cán bộ Hội trên môi trường số

Bảo vệ phụ nữ trên không gian mạng không còn là vấn đề công nghệ.

Đó là vấn đề về: Quyền lợi – An toàn – Tài sản – Danh dự – Cơ hội phát triển.

3. Không gian số đem lại cơ hội, nhưng cũng tạo ra rủi ro

CƠ HỘI

Cơ hội	Nội dung
Kết nối	Không bị giới hạn bởi địa lý
Kinh doanh	Tiếp cận khách hàng rộng hơn
Học tập	Tiếp cận tri thức nhanh hơn
Dịch vụ	Thuận tiện và nhanh chóng
Tiếng nói	Tăng khả năng tham gia xã hội

RỦI RO

Rủi ro	Hậu quả
Lừa đảo	Mất tiền
Chiếm tài khoản	Mất quyền kiểm soát
Lộ dữ liệu	Mất quyền riêng tư
Giả mạo AI	Mất niềm tin
Quấy rối / phát tán	Tổn thương tinh thần & danh dự

Cơ hội và rủi ro luôn đi kèm — cần trang bị năng lực để nắm bắt cơ hội và giảm thiểu rủi ro.

4. Một thực tế đáng lưu ý

Kẻ tấn công không nhất thiết phải "hack" hệ thống. Rất nhiều vụ việc bắt đầu từ:

- Một cú click
- Một mật khẩu bị lộ
- Một mã OTP được cung cấp
- Một đường link giả mạo
- Một ứng dụng được cấp quyền quá mức
- Một bức ảnh được chia sẻ công khai
- Một thông tin cá nhân tưởng như vô hại

Con người đang trở thành "điểm tiếp xúc" quan trọng nhất trong chuỗi an toàn số.

5. AI đang thay đổi cuộc chơi

TRƯỚC ĐÂY	VỚI AI
Ảnh giả → khó làm	Ảnh giả → dễ hơn
Video giả → khó làm	Giọng nói giả → dễ hơn
Giọng nói giả → khó làm	Video giả → chân thực hơn
Nội dung lừa đảo → cần nhiều công sức	Nội dung lừa đảo → nhanh hơn, cá nhân hóa hơn

Nguy cơ mới:

"Nhìn thấy" chưa chắc là thật. "Nghe thấy" chưa chắc là thật.

"Người quen gửi" chưa chắc tài khoản đó thuộc về người quen.

→ Năng lực số trong thời đại AI phải bao gồm năng lực kiểm chứng thông tin.

6. Dữ liệu cá nhân: chúng ta đang để lại rất nhiều "dấu vết số"

Họ tên	Số điện thoại	Địa chỉ	Hình ảnh
Thông tin gia đình	Thông tin công việc	Thông tin tài chính	Lịch sử mua sắm
Vị trí	Quan hệ xã hội	Thói quen	Sở thích
Thông tin tài khoản			

Những dữ liệu tưởng như "vụn vặt" khi được kết hợp lại

→ có thể tạo thành một hồ sơ rất chi tiết về một con người.

7. Dữ liệu của Hội: giá trị đi kèm trách nhiệm

Trong quá trình chuyển đổi số, hệ thống Hội sẽ ngày càng sử dụng nhiều dữ liệu hơn:

1. Dữ liệu hội viên
2. Dữ liệu hoạt động Hội
3. Dữ liệu chương trình, phong trào
4. Dữ liệu tương tác
5. Dữ liệu quản trị & ra quyết định

Dữ liệu càng tập trung → giá trị càng lớn

Nhưng rủi ro cũng càng lớn nếu dữ liệu bị lộ, sai lệch hoặc bị sử dụng sai mục đích.

8. Từ "quản lý dữ liệu" đến "văn hóa dữ liệu"

Mỗi cán bộ Hội cần đặt ra 5 câu hỏi trước khi thu thập / chia sẻ dữ liệu:

STT	Câu hỏi	Yêu cầu
1	THU THẬP ĐỂ LÀM GÌ?	Có mục đích rõ ràng?
2	CÓ THỰC SỰ CẦN KHÔNG?	Không thu thập quá mức cần thiết.
3	AI ĐƯỢC QUYỀN XEM?	Phân quyền theo nhiệm vụ.
4	CHIA SẺ BẰNG CÁCH NÀO?	Không tùy tiện gửi qua kênh cá nhân.
5	NẾU BỊ LỘ THÌ SAO?	Phải có phương án xử lý và thông báo.

9. Sáu kỹ năng an toàn số thiết yếu

STT	Kỹ năng	Nội dung
01	BẢO VỆ TÀI KHOẢN	Mật khẩu mạnh + xác thực đa yếu tố
02	NHẬN DIỆN LỪA ĐẢO	Không vội tin – không vội click – không vội chuyển tiền
03	BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN	Chia sẻ ít hơn, kiểm soát quyền riêng tư tốt hơn
04	KIỂM CHỨNG THÔNG TIN	Đặc biệt với hình ảnh, video, giọng nói do AI tạo ra
05	BẢO VỆ THIẾT BỊ	Cập nhật phần mềm, khóa thiết bị, sao lưu dữ liệu

STT	Kỹ năng	Nội dung
06	BIẾT CÁCH ỨNG PHÓ	Khi tài khoản bị chiếm, bị lừa đảo hoặc bị phát tán thông tin

10. Ba nguyên tắc "KHÔNG"

Nguyên tắc	Nội dung
KHÔNG VỘI	Khi nhận được tin nhắn, cuộc gọi, đường link bất thường.
KHÔNG CHIA SẺ	Mật khẩu, OTP, thông tin tài chính và dữ liệu cá nhân quan trọng.
KHÔNG TIN NGAY	Chỉ vì có logo ngân hàng, tên người quen, hình ảnh/video, giọng nói giống người thân.

Hãy:

DỪNG LẠI → KIỂM TRA → XÁC MINH → SAU ĐÓ MỚI HÀNH ĐỘNG

11. Ba lớp bảo vệ

STT	Lớp bảo vệ	Nội dung
1	CON NGƯỜI	Nhận thức + kỹ năng + văn hóa an toàn số
2	QUY TRÌNH	Quy định + phân quyền + quản lý dữ liệu + ứng phó sự cố
3	CÔNG NGHỆ	Xác thực + bảo vệ thiết bị + sao lưu + giám sát + phát hiện

Không thể chỉ đầu tư vào công nghệ.

Công nghệ tốt + con người thiếu nhận thức = vẫn có thể mất an toàn.

12. Năm việc có thể làm ngay

1. Đưa an toàn số trở thành một nội dung thường xuyên trong hoạt động Hội.
2. Xây dựng chương trình "Phụ nữ số an toàn".
3. Chuẩn hóa quy trình quản lý và bảo vệ dữ liệu Hội.
4. Thiết lập đầu mối hỗ trợ khi phụ nữ gặp sự cố trên không gian mạng.

5. Đưa yêu cầu an toàn vào ngay từ khi thiết kế các nền tảng, hệ thống và chương trình chuyển đổi số.

13. Mục tiêu cuối cùng

KHÔNG CHỈ LÀ "PHỤ NỮ BIẾT DÙNG CÔNG NGHỆ"

STT	Năng lực
1	Biết sử dụng
2	Biết khai thác
3	Biết kiểm chứng
4	Biết bảo vệ dữ liệu
5	Biết tự bảo vệ mình

VÀ TỰ TIN LÀM CHỦ KHÔNG GIAN SỐ

"CHUYỂN ĐỔI SỐ AN TOÀN" phải là một phần không thể tách rời của "CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN"

Trân trọng cảm ơn!

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI: TỪ CÁN BỘ HỘI SỬ DỤNG AI ĐẾN TỔ CHỨC HỘI VẬN HÀNH VỚI AI

Ông Đặng Ngọc Thuyên,
Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn phát triển ASANA

TÓM TẮT

Bài tham luận tiếp cận câu hỏi trung tâm: "Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể giúp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đổi mới phương thức hoạt động như thế nào trong giai đoạn chuyển đổi số toàn diện?". Từ góc nhìn của người trực tiếp đào tạo, tư vấn và đồng hành triển khai AI cho cán bộ khu vực công, cộng đồng và tổ chức chính trị – xã hội, bài viết đưa ra ba luận điểm nền tảng.

Thứ nhất, giá trị lớn nhất của AI đối với hệ thống Hội không nằm ở số lượng công cụ được trang bị, mà ở việc nhận diện đúng những bài toán nghiệp vụ có tần suất cao, tiêu tốn nhiều thời gian và đang tạo ra độ trễ giữa các cấp Hội. Thứ hai, quá trình ứng dụng AI trong tổ chức Hội cần được thiết kế theo bốn cấp độ trưởng thành – AI cho cá nhân, AI cho quy trình, AI cho tổ chức và tổ chức vận hành với AI – thay vì triển khai dàn trải hoặc dừng lại ở các đợt tập huấn đơn lẻ. Thứ ba, thước đo thành công của chuyển đổi số trong hệ thống Hội phải được đặt ở cấp cơ sở: công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi cán bộ Hội cơ sở làm việc nhẹ hơn, nhanh hơn, chính xác hơn và khi hội viên phụ nữ nhận được giá trị tốt hơn.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tám kịch bản ứng dụng AI trọng tâm theo cấu trúc "bài toán – hỗ trợ của AI – cách triển khai – giá trị – rủi ro cần kiểm soát"; một mô hình và lộ trình triển khai theo chu trình thí điểm – đánh giá – chuẩn hóa – nhân rộng; hệ điều kiện nền tảng về năng lực, dữ liệu, hạ tầng, quy trình, bảo mật và đạo đức sử dụng AI; cùng năm sáng kiến có thể trở thành chương trình hành động của Hội. Thông điệp xuyên suốt: mục tiêu cuối cùng không phải là đưa thật nhiều công cụ AI vào hệ thống Hội, mà là hình thành một phương thức hoạt động mới, trong đó con người, dữ liệu và AI phối hợp để Hội hoạt động hiệu quả hơn, gần hội viên hơn và phục vụ phụ nữ tốt hơn.

TỪ KHÓA

Trí tuệ nhân tạo; Generative AI; AI Agent; chuyển đổi số toàn diện; Nghị quyết 57-NQ/TW; tổ chức chính trị – xã hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; đổi mới phương thức hoạt động; trợ lý AI nghiệp vụ; quản trị tri thức; năng lực số; hướng về cơ sở.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác lập một cách tiếp cận mới: chuyển đổi số không còn là câu chuyện hạ tầng và phần mềm, mà là câu chuyện thay đổi phương thức lãnh đạo, quản trị và tổ chức công việc. (Các nội dung, chỉ tiêu cụ thể của Nghị quyết cần được trích dẫn và kiểm chứng theo văn bản gốc khi đưa vào tài liệu chính thức.)

Đối với các tổ chức chính trị – xã hội, tinh thần đó đặt ra một yêu cầu không dễ: vừa tinh gọn bộ máy, vừa mở rộng phạm vi phục vụ, vừa bám sát cơ sở trong điều kiện nguồn lực có hạn. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là hệ thống quy mô lớn, tổ chức bốn cấp, hoạt động trải rộng từ tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội đến hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, xây dựng gia đình hạnh phúc. Đây vừa là thế mạnh về mạng lưới, vừa là thách thức về vận hành: khối lượng thông tin, văn bản, báo cáo rất lớn, trong khi phần lớn thời gian của cán bộ Hội, đặc biệt ở cơ sở, vẫn bị chiếm dụng bởi các công đoạn trung gian thủ công.

Sự trưởng thành của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) và các tác tử AI (AI Agent) đã làm thay đổi bản chất của bài toán. Trước đây, ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu là số hóa dữ liệu và tin học hóa quy trình – làm cho công việc cũ chạy trên nền tảng mới. Ngày nay, AI tham gia trực tiếp vào các công đoạn vốn được xem là "thuần trí tuệ con người": đọc hiểu, tóm tắt, tổng hợp, soạn thảo, phân loại, phân tích ý kiến, trả lời câu hỏi nghiệp vụ. Điều này mở ra khả năng không chỉ làm việc cũ nhanh hơn, mà tổ chức lại chính cách công việc được thực hiện.

Tuy nhiên, từ thực tiễn đào tạo và hỗ trợ triển khai, có thể khẳng định: khó khăn lớn nhất hiện nay không phải là thiếu công cụ AI, cũng không phải là chi phí, mà là chưa xác định đúng bài toán nghiệp vụ cần giải. Nhiều đơn vị bắt đầu bằng câu hỏi "nên dùng công cụ AI nào?", trong khi câu hỏi đúng phải là "quy trình nào đang tốn nhiều thời gian nhất, lặp lại nhiều nhất và có thể cải tiến được?". Đảo ngược thứ tự hai câu hỏi này là nguyên nhân khiến nhiều nỗ lực ứng dụng AI dừng ở mức trải nghiệm cá nhân, không tạo được chuyển biến ở cấp tổ chức.

Bài tham luận vì vậy không đi theo hướng giới thiệu công nghệ hay hướng dẫn sử dụng công cụ, mà tập trung vào ba câu hỏi: (i) Nhóm công việc nào của tổ chức Hội có dư địa cải tiến lớn nhất nhờ AI? (ii) Kịch bản ứng dụng nào khả thi

và nên ưu tiên? (iii) Cần mô hình, lộ trình và điều kiện nền tảng nào để AI đi được từ Trung ương xuống chi hội, tổ phụ nữ?

II. XU HƯỚNG AI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

2.1. Ba chuyển dịch đáng chú ý của công nghệ AI

Có thể khái quát ba chuyển dịch có ý nghĩa trực tiếp đối với phương thức hoạt động của tổ chức:

- **Thứ nhất – từ công cụ chuyên biệt sang công cụ phổ thông.** Trước đây, muốn ứng dụng AI phải có đội ngũ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện và dự án riêng. Hiện nay, cán bộ tương tác với AI bằng chính ngôn ngữ tự nhiên tiếng Việt. Rào cản kỹ thuật đã hạ rất thấp; rào cản còn lại là tư duy và quy trình.
- **Thứ hai – từ tra cứu sang tạo sinh.** Các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) không chỉ tra cứu mà còn tạo ra sản phẩm: bản dự thảo, bản tóm tắt, đề cương, kịch bản truyền thông, bộ câu hỏi khảo sát. Điều này đưa AI vào đúng những công đoạn chiếm nhiều thời gian nhất của cán bộ tham mưu – tổng hợp.
- **Thứ ba – từ trợ lý hỏi đáp sang tác tử thực hiện nhiệm vụ (AI Agent).** AI Agent là bước tiến từ "trả lời một câu hỏi" sang "thực hiện một chuỗi việc": tự đọc tài liệu, đối chiếu nhiều nguồn, tổng hợp và trình bày kết quả theo yêu cầu. Với tổ chức Hội, đây là nền tảng để hình thành các trợ lý AI nghiệp vụ dùng chung, thay vì mỗi cán bộ tự xoay xở riêng lẻ.

2.2. Từ "ứng dụng công nghệ" sang "tổ chức vận hành với sự hỗ trợ của AI"

Đây là chuyển dịch quan trọng nhất về mặt quản trị và cũng là điểm dễ bị bỏ qua nhất. Ở giai đoạn "ứng dụng công nghệ", AI được xem như một tiện ích cá nhân: cán bộ nào biết thì dùng, để soạn nhanh một văn bản, viết nhanh một bài đăng. Hiệu quả có thật nhưng manh mún, phụ thuộc hoàn toàn vào từng người; khi cán bộ đó luân chuyển, kinh nghiệm mất theo.

Ở giai đoạn "tổ chức vận hành với sự hỗ trợ của AI", AI trở thành một cấu phần của quy trình nghiệp vụ được thiết kế và chuẩn hóa. Tổ chức xác định rõ: ở công đoạn nào AI tham gia, tham gia với vai trò gì, đầu vào là dữ liệu nào, đầu ra được kiểm chứng bởi ai, và trách nhiệm cuối cùng thuộc về ai. Lúc này, hiệu quả không còn phụ thuộc vào cá nhân mà trở thành năng lực của hệ thống.

Khoảng cách giữa hai giai đoạn này không phải là khoảng cách công nghệ, mà là khoảng cách quản trị. Vượt qua khoảng cách đó đòi hỏi ba việc: chuẩn hóa quy trình, tích lũy dữ liệu và tri thức tổ chức, và thiết lập cơ chế kiểm chứng –

chịu trách nhiệm. Đây chính là phần việc mà tổ chức Hội cần chủ động, vì không nhà cung cấp công nghệ nào làm thay được.

2.3. Xu hướng ứng dụng AI trong khu vực công và các tổ chức phục vụ cộng đồng

Quan sát chung cho thấy các tổ chức khu vực công và tổ chức xã hội đang tập trung ứng dụng AI vào bốn nhóm mục tiêu (số liệu, ví dụ cụ thể nếu sử dụng trong tài liệu chính thức cần được dẫn nguồn và kiểm chứng):

1. **Nhóm 1 – Giảm tải hành chính:** Giảm tải hành chính nội bộ: tóm tắt tài liệu, tổng hợp báo cáo, soạn thảo dự thảo, tra cứu quy định.

2. **Nhóm 2 – Nâng cao chất lượng lắng nghe:** Chuyển từ nghe – ghi nhận thủ công sang phân tích có hệ thống ý kiến, phản ánh, nguyện vọng của người dân, hội viên.

3. **Nhóm 3 – Mở rộng năng lực truyền thông và tương tác:** Đa nền tảng, đa định dạng, đa nhóm đối tượng, với chi phí sản xuất nội dung giảm đáng kể.

4. **Nhóm 4 – Cá nhân hóa dịch vụ hỗ trợ:** Cung cấp thông tin, tư vấn, hướng dẫn ở quy mô lớn mà bộ máy hiện hữu không đủ nhân lực để đáp ứng theo cách truyền thống.

Điểm chung của các tổ chức triển khai thành công: họ không bắt đầu bằng một hệ thống lớn, mà bắt đầu bằng một vài quy trình cụ thể, đo được kết quả, rồi mới mở rộng.

2.4. Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức Hội

Từ các xu hướng trên, có bốn vấn đề cần được nhận diện thẳng thắn:

- **Một là, nguy cơ khoảng cách số mới trong nội bộ hệ thống.** Nếu AI chỉ được phổ biến ở cấp Trung ương và tỉnh, khoảng cách năng lực giữa các cấp sẽ giãn ra, đi ngược lại định hướng hướng mạnh về cơ sở.

- **Hai là, rủi ro về độ chính xác và tính chuẩn mực của nội dung.** AI tạo sinh có thể tạo ra nội dung trôi chảy nhưng sai sự thật, sai căn cứ pháp lý, hoặc không phù hợp với quan điểm, đường lối. Với tổ chức chính trị – xã hội, đây là rủi ro không thể xem nhẹ.

- **Ba là, rủi ro về bảo mật và bảo vệ dữ liệu cá nhân.** Hội quản lý nhiều thông tin liên quan đến hội viên, gia đình, các trường hợp phụ nữ và trẻ em cần hỗ trợ – trong đó có những thông tin rất nhạy cảm. Việc sử dụng công cụ AI công cộng thiếu kiểm soát có thể dẫn tới rò rỉ thông tin.

- **Bốn là, khoảng trống về quy chuẩn và trách nhiệm.** Khi AI tạo ra sản phẩm, câu hỏi "ai chịu trách nhiệm về sản phẩm đó" phải có lời đáp rõ ràng bằng quy định, không thể để tùy nghi.

III. NHẬN DIỆN BÀI TOÁN NGHIỆP VỤ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC HỘI

Muốn ứng dụng AI hiệu quả, trước hết phải mô tả đúng công việc của tổ chức. Có thể phân nhóm hoạt động của cán bộ Hội thành bảy nhóm, mỗi nhóm có đặc điểm và dư địa cải tiến khác nhau.

Nhóm 1: Tham mưu, xây dựng kế hoạch, soạn thảo văn bản

Chiếm tỷ trọng lớn ở cấp Trung ương, tỉnh và huyện. Hàm lượng chất xám cao ở khâu định hướng, nhưng phần lớn thời gian thực tế lại nằm ở khâu rà soát căn cứ, tìm lại văn bản cũ, dựng khung, viết bản thảo đầu tiên và biên tập đúng thể thức. Chính phần "tiền xử lý" và "hậu xử lý" này – chứ không phải phần tư duy chiến lược – là nơi có dư địa cải tiến lớn nhất.

Nhóm 2: Tổng hợp báo cáo đa cấp

Chu trình báo cáo bốn cấp có đặc điểm cố hữu: mỗi cấp phải đọc, chắt lọc và viết lại báo cáo của cấp dưới. Khi đầu mối nhiều và định dạng không đồng nhất, thời gian tổng hợp kéo dài, thông tin hao hụt qua từng lần chuyển cấp, và khi báo cáo đến được cấp quyết định thì độ trễ đã đáng kể. Đây là bài toán kinh điển về "nghẽn ở khâu trung gian".

Nhóm 3: Nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của hội viên

Đây là chức năng cốt lõi và lợi thế đặc thù của Hội. Tuy nhiên, thông tin thu thập được thường phi cấu trúc: biên bản sinh hoạt chi hội, ý kiến tại hội nghị, phản ánh qua nhóm cộng đồng, phiếu khảo sát mở. Với khối lượng lớn, xử lý thủ công chỉ nắm được phần nổi, khó phát hiện sớm vấn đề đang hình thành hoặc khác biệt theo vùng miền, nhóm đối tượng.

Nhóm 4: Truyền thông, tuyên truyền, vận động

Yêu cầu hiện nay là truyền thông đa nền tảng, đa định dạng, phân hóa theo nhóm đối tượng: phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số, nữ công nhân, nữ trí thức, phụ nữ cao tuổi, nữ thanh niên. Trong khi đó nhân lực truyền thông cấp huyện, cấp xã rất mỏng và kiêm nhiệm. Kết quả là nội dung bị đồng nhất hóa, sao chép nguyên văn từ cấp trên xuống, giảm hiệu quả tác động.

Nhóm 5: Tổ chức phong trào, sự kiện, mô hình

Nhiều thao tác lặp lại: xây dựng kế hoạch, kịch bản chương trình, phân công, dự trù, theo dõi tiến độ, tổng kết đánh giá. Mỗi lần tổ chức gần như làm lại từ đầu, dù khung công việc tương tự nhau.

Nhóm 6: Quản trị tri thức tổ chức và đào tạo cán bộ

Hội có kho tri thức lớn tích lũy qua nhiều nhiệm kỳ: nghị quyết, hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu tập huấn, mô hình hay, cách làm hiệu quả. Nhưng kho này phân tán trên nhiều nơi lưu trữ, nhiều định dạng, thiếu công cụ tìm kiếm theo nội dung. Hệ quả là cán bộ mới phải học lại từ đầu, còn kinh nghiệm của cán bộ giỏi thường ra đi cùng người.

Nhóm 7: Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, việc làm, năng lực số

Nhu cầu hội viên rất đa dạng và mang tính cá thể cao: xây dựng phương án kinh doanh, tiếp cận vốn, thiết kế bao bì, bán hàng trực tuyến, kỹ năng số cơ bản. Bộ máy Hội không thể có đủ chuyên gia ở mọi lĩnh vực, tại mọi địa bàn, để tư vấn một – một.

3.1. Ba điểm nghẽn xuyên suốt

Nhìn xuyên qua bảy nhóm công việc trên, có thể quy về ba điểm nghẽn chung:

1. **Điểm nghẽn thứ nhất – thời gian bị hút vào khâu trung gian.** Phần lớn thời gian của cán bộ Hội không nằm ở khâu ra quyết định hay khâu tiếp xúc trực tiếp với hội viên, mà nằm ở khâu xử lý giấy tờ, tổng hợp, sao chép, định dạng. Đây chính là dư địa mà AI có thể can thiệp trực tiếp và cho kết quả nhanh nhất.

2. **Điểm nghẽn thứ hai – tri thức tổ chức phân mảnh.** Kinh nghiệm và tri thức tồn tại trong đầu người và trong các tệp rời rạc, không trở thành tài sản có thể tra cứu, kế thừa và nhân rộng.

3. **Điểm nghẽn thứ ba – chênh lệch năng lực giữa các cấp.** Cấp cơ sở là nơi trực tiếp tiếp xúc hội viên, nhưng lại là nơi ít được trang bị nhất về công cụ, dữ liệu và năng lực số. Mọi giải pháp không tính đến điều này đều có nguy cơ dừng ở cấp tỉnh.

IV. TÁM KỊCH BẢN ỨNG DỤNG AI TRỌNG TÂM CHO HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Các kịch bản dưới đây được lựa chọn theo ba tiêu chí: tần suất công việc cao, giá trị cải tiến rõ ràng và khả năng triển khai được trong điều kiện hiện có của hệ thống Hội. Mỗi kịch bản trình bày theo cấu trúc thống nhất: bài toán hiện tại – AI hỗ trợ gì – cách triển khai – giá trị tạo ra – điều kiện và rủi ro cần kiểm soát.

Kịch bản 1: AI hỗ trợ tham mưu, tổng hợp và xây dựng văn bản

Bài toán hiện tại: Cán bộ tham mưu mất nhiều thời gian rà soát căn cứ, tìm lại văn bản tiền lệ, dựng đề cương và viết bản thảo đầu tiên. Áp lực tiến độ khiến khâu phân tích, phản biện chính sách đôi khi không được đầu tư đúng mức.

AI có thể hỗ trợ gì: Đảm nhận vai trò "trợ lý dự thảo": tóm tắt văn bản chỉ đạo liên quan, chỉ ra điểm mới so với văn bản trước, đề xuất phương án đề cương, sinh bản thảo đầu tiên theo đúng thể thức, rà lỗi diễn đạt và tính nhất quán số liệu.

Cách triển khai: Xây dựng bộ mẫu nhắc lệnh (prompt) chuẩn cho từng loại văn bản thường dùng: kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo chuyên đề, tờ trình, thông báo; ban hành kèm khung thể thức và yêu cầu bắt buộc về căn cứ; đưa vào tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ.

Giá trị tạo ra: Rút ngắn thời gian dựng bản thảo, giải phóng thời gian cho khâu phân tích và tham mưu chính sách – phần việc chỉ con người làm được; đồng thời nâng tính đồng đều về thể thức giữa các đơn vị.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Không dùng AI để tạo căn cứ pháp lý; mọi trích dẫn văn bản, số hiệu, ngày ban hành phải do cán bộ kiểm chứng từ nguồn gốc. Nguyên tắc bắt buộc: AI dựng bản thảo – con người thẩm định và chịu trách nhiệm. Không đưa thông tin mật, chưa công bố vào công cụ AI công cộng.

Kịch bản 2: AI hỗ trợ tổng hợp báo cáo đa cấp từ Trung ương đến cơ sở

Bài toán hiện tại: Mỗi kỳ báo cáo, cấp trên phải xử lý hàng chục đến hàng trăm báo cáo cấp dưới với định dạng không đồng nhất. Thời gian tổng hợp dài, thông tin hao hụt, khó phát hiện xu hướng chung và điểm bất thường.

AI có thể hỗ trợ gì: Đọc và chuẩn hóa báo cáo theo khung thống nhất; trích xuất số liệu, nhóm nội dung theo chỉ tiêu; phát hiện đơn vị thiếu thông tin hoặc số liệu bất thường; sinh bản tổng hợp sơ bộ kèm ghi chú nguồn để cán bộ dễ đối chiếu.

Cách triển khai: Bước tiên quyết là chuẩn hóa biểu mẫu báo cáo toàn hệ thống – việc của tổ chức, không phải của công nghệ. Sau đó thí điểm quy trình tổng hợp có AI hỗ trợ tại một số ban chuyên môn và vài tỉnh, thành, đánh giá theo hai chỉ số: thời gian tổng hợp và tỷ lệ sai sót.

Giá trị tạo ra: Giảm độ trễ thông tin giữa các cấp, giúp lãnh đạo Hội nắm tình hình sớm hơn; đặc biệt giảm gánh nặng hành chính cho cán bộ cấp huyện, cấp xã – nơi kiêm nhiệm nhiều đầu việc.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Không để AI tự động chốt số liệu chính thức; bản tổng hợp do AI sinh ra chỉ là bản nháp, số liệu công bố phải qua đối

chiếu. Cần quy định rõ dữ liệu báo cáo nào được phép đưa vào hệ thống AI và trên hạ tầng nào.

Kịch bản 3: AI hỗ trợ phân tích ý kiến, nhu cầu và phản ánh của hội viên

Bài toán hiện tại: Hội thu thập lượng lớn ý kiến qua sinh hoạt chi hội, hội nghị, khảo sát, các kênh tiếp nhận phản ánh, nhưng phần lớn ở dạng văn bản tự do. Xử lý thủ công chỉ cho phép tổng hợp định tính, khó phát hiện sớm vấn đề nổi lên và khác biệt theo nhóm đối tượng.

AI có thể hỗ trợ gì: Phân loại ý kiến theo chủ đề, xác định sắc thái, thống kê tần suất, phát hiện nhóm vấn đề mới, so sánh theo địa bàn, độ tuổi, nghề nghiệp. Kết quả có thể trình bày thành báo cáo định kỳ về "tình hình phụ nữ" phục vụ tham mưu và phản biện xã hội.

Cách triển khai: Bắt đầu từ nguồn dữ liệu sẵn có và ít nhạy cảm: ý kiến tại đại hội, khảo sát có câu hỏi mở, báo cáo nắm tình hình dư luận. Xây dựng bộ khung chủ đề chuẩn của Hội để AI phân loại theo đúng ngôn ngữ nghiệp vụ.

Giá trị tạo ra: Nâng cấp chức năng "nắm bắt tâm tư, nguyện vọng" từ cảm nhận sang có dữ liệu; tăng sức thuyết phục cho kiến nghị chính sách; giúp thiết kế phong trào sát nhu cầu thật của hội viên.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Đây là kịch bản nhạy cảm nhất về dữ liệu cá nhân: bắt buộc ẩn danh hóa trước khi xử lý; tuyệt đối không đưa thông tin các trường hợp phụ nữ, trẻ em cần bảo vệ vào công cụ AI công cộng. Kết quả phân tích của AI là gợi ý, không thay thế kết luận của tổ chức.

Kịch bản 4: AI hỗ trợ truyền thông đa nền tảng và cá nhân hóa nội dung

Bài toán hiện tại: Một nội dung tuyên truyền cần được chuyển thể thành nhiều định dạng, nhiều cách diễn đạt phù hợp từng nhóm phụ nữ. Nhân lực truyền thông cấp huyện, xã rất mỏng nên thường sao chép nguyên văn từ cấp trên, giảm hiệu quả tiếp cận.

AI có thể hỗ trợ gì: Chuyển thể một nội dung gốc thành nhiều phiên bản: bản tin ngắn, bài đăng mạng xã hội, kịch bản phát thanh xã, tờ rơi, hỏi – đáp; điều chỉnh văn phong theo nhóm đối tượng; gợi ý tiêu đề; hỗ trợ dịch sang tiếng dân tộc thiểu số (có kiểm chứng của người bản ngữ).

Cách triển khai: Trung ương Hội ban hành "nội dung gốc" chuẩn cho các chiến dịch trọng điểm, kèm hướng dẫn chuyển thể bằng AI và quy tắc biên tập. Cấp dưới dùng nội dung gốc để tạo phiên bản phù hợp địa phương thay vì đăng lại nguyên văn.

Giá trị tạo ra: Tăng độ phủ và độ phù hợp của truyền thông với chi phí gần như không tăng; giúp cán bộ cơ sở chủ động sáng tạo nội dung mà không cần chuyên môn truyền thông.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Kiểm soát chặt tính chính xác về chủ trương, đường lối và sự phù hợp văn hóa; quy định các nội dung bắt buộc giữ nguyên (khẩu hiệu, trích dẫn văn kiện); mọi nội dung do AI hỗ trợ tạo phải qua duyệt trước khi phát hành.

Kịch bản 5: Trợ lý AI nghiệp vụ dành cho cán bộ Hội

Bài toán hiện tại: Cán bộ mới và cán bộ cơ sở thường xuyên phải tra cứu: quy trình kết nạp hội viên, hướng dẫn sinh hoạt chi hội, thể thức văn bản, quy định quản lý nguồn vốn, cách triển khai một cuộc vận động. Hỏi qua điện thoại lên cấp trên vừa mất thời gian cả hai bên, vừa cho câu trả lời không đồng nhất.

AI có thể hỗ trợ gì: Xây dựng trợ lý AI nghiệp vụ dựa trên chính kho văn bản, hướng dẫn và tài liệu nghiệp vụ của Hội, trả lời bằng tiếng Việt kèm trích dẫn nguồn tài liệu gốc để cán bộ kiểm tra lại.

Cách triển khai: Chọn phạm vi hẹp trước – ví dụ nghiệp vụ tổ chức – cán bộ, hoặc công tác hội viên; số hóa và chuẩn hóa bộ tài liệu tương ứng; thí điểm tại một số tỉnh, ghi nhận các câu hỏi chưa trả lời được để bổ sung; mở rộng dần sang lĩnh vực khác.

Giá trị tạo ra: Chuẩn hóa cách hiểu nghiệp vụ toàn hệ thống; rút ngắn thời gian hội nhập của cán bộ mới; giảm tải cho cấp trên; đặc biệt hữu ích với địa bàn xa trung tâm.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Chất lượng trợ lý phụ thuộc hoàn toàn vào kho tài liệu đầu vào; bắt buộc có cơ chế cập nhật khi văn bản thay đổi và cơ chế hiển thị nguồn. Cần nêu rõ trợ lý AI chỉ có tính tham khảo, không thay thế văn bản chỉ đạo chính thức.

Kịch bản 6: AI trong quản trị tri thức và khai thác kho tài liệu của Hội

Bài toán hiện tại: Tri thức tổ chức tích lũy qua nhiều nhiệm kỳ đang phân tán, khó tìm kiếm theo nội dung. Nhiều mô hình hay không được lan tỏa vì đơn giản là các đơn vị khác không biết đến sự tồn tại của chúng.

AI có thể hỗ trợ gì: Hỗ trợ số hóa và bóc tách nội dung tài liệu; tự động gắn thẻ theo chủ đề, lĩnh vực, địa bàn, thời gian; tìm kiếm theo ý nghĩa thay vì từ khóa chính xác; tóm tắt và so sánh các mô hình tương tự giữa các địa phương.

Cách triển khai: Hình thành "Kho tri thức số Hội LHPN Việt Nam" với kiến trúc thông tin do chính Hội thiết kế; ưu tiên đưa vào trước nhóm tài liệu giá

trị sử dụng cao và ít nhạy cảm: tài liệu tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, mô hình điển hình; giao trách nhiệm cập nhật cho các ban chuyên môn.

Giá trị tạo ra: Biến kinh nghiệm cá nhân thành tài sản tổ chức; rút ngắn thời gian tìm kiếm; tạo nền tảng dữ liệu cho mọi kịch bản AI khác. Đây là hạ tầng tri thức, có giá trị lâu dài hơn bất kỳ công cụ cụ thể nào.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Phân loại mức độ mật và phân quyền truy cập ngay từ đầu; phải có người chịu trách nhiệm về tính cập nhật – kho tri thức lỗi thời còn nguy hiểm hơn không có kho tri thức.

Kịch bản 7: AI hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nâng cao năng lực số

Bài toán hiện tại: Bồi dưỡng cán bộ Hội gặp khó khăn về khoảng cách địa lý, thời gian và tính đồng đều chất lượng giảng dạy giữa các địa bàn; tài liệu tập huấn thường một chiều, ít cơ hội thực hành.

AI có thể hỗ trợ gì: Hỗ trợ biên soạn tài liệu và bài giảng theo chuẩn chung; sinh tình huống nghiệp vụ để thực hành; đóng vai hội viên để cán bộ luyện kỹ năng đối thoại, vận động; tạo bộ câu hỏi kiểm tra và chấm sơ bộ; hỗ trợ ôn tập sau khóa học.

Cách triển khai: Tích hợp học phần "Năng lực AI cho cán bộ Hội" vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên, thiết kế theo hướng thực hành trên chính công việc thật của học viên, không dạy lý thuyết công nghệ; xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn từ chính cán bộ Hội đã sử dụng thành thạo.

Giá trị tạo ra: Nâng mặt bằng năng lực số toàn hệ thống; giảm chi phí tập huấn tập trung; cho phép học tập liên tục thay vì theo đợt.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Tránh biến đào tạo AI thành đào tạo công cụ; nội dung phải gắn với bài toán nghiệp vụ cụ thể, có sản phẩm đầu ra; đánh giá bằng mức độ áp dụng vào công việc, không bằng số lượt tham gia.

Kịch bản 8: AI đồng hành hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, kinh doanh, việc làm và phát triển kinh tế

Bài toán hiện tại: Nhu cầu tư vấn của hội viên rất lớn và mang tính cá thể, trong khi Hội không thể bố trí đủ chuyên gia tại mọi địa bàn. Nhiều phụ nữ có sản phẩm tốt nhưng yếu ở khâu phương án kinh doanh, định giá, bao bì, tiếp thị số.

AI có thể hỗ trợ gì: Hỗ trợ hội viên xây dựng phương án kinh doanh sơ bộ, viết nội dung giới thiệu sản phẩm, gợi ý ý tưởng bao bì, soạn nội dung bán hàng trực tuyến, chuẩn bị hồ sơ dự thi khởi nghiệp, tra cứu chính sách hỗ trợ; đồng thời giúp cán bộ Hội sàng lọc và tư vấn ban đầu ở quy mô lớn.

Cách triển khai: Lồng ghép nội dung "ứng dụng AI" vào các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp hiện có, dưới dạng cầm tay chỉ việc trên chính sản phẩm của hội viên; ưu tiên hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ; tài liệu hướng dẫn bằng ngôn ngữ đơn giản, nhiều hình ảnh.

Giá trị tạo ra: Tạo giá trị trực tiếp, hữu hình cho hội viên – kịch bản có sức thuyết phục cao nhất về ý nghĩa của chuyển đổi số; đồng thời góp phần thu hẹp khoảng cách giới trong tiếp cận công nghệ.

Điều kiện và rủi ro cần kiểm soát: Không để AI thay thế tư vấn chuyên môn về pháp lý, tài chính, an toàn thực phẩm; cảnh báo hội viên về rủi ro lừa đảo công nghệ và bảo vệ thông tin cá nhân; tránh tạo kỳ vọng rằng AI tự động mang lại doanh thu.

V. MÔ HÌNH VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI AI TRONG TOÀN HỆ THỐNG HỘI

Nguyên nhân thất bại phổ biến nhất không phải là chọn sai công cụ, mà là triển khai dàn trải: làm nhiều việc cùng lúc, ở nhiều nơi cùng lúc, không có tiêu chí đánh giá, dẫn đến không việc nào đi đến chuẩn hóa. Vì vậy, đề xuất mô hình bốn cấp độ trưởng thành, đi tuần tự nhưng có thể chồng lấn về thời gian.

Cấp độ 1 – AI cho cá nhân: mỗi cán bộ biết dùng AI an toàn và hiệu quả

Mục tiêu: mỗi cán bộ Hội sử dụng được AI cho ba đến năm đầu việc thường xuyên của chính mình – soạn thảo, tóm tắt, dịch, chuẩn bị nội dung truyền thông, chuẩn bị bài phát biểu.

Điều kiện: tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, bộ nhắc lệnh mẫu theo đầu việc, và quan trọng nhất là quy tắc sử dụng an toàn (không nhập thông tin mật, không nhập thông tin cá nhân hội viên, bắt buộc kiểm chứng đầu ra). Cấp độ này triển khai được ngay, chi phí thấp, hiệu quả thấy được trong vài tuần.

Cấp độ 2 – AI cho quy trình: tích hợp AI vào một số quy trình nghiệp vụ tần suất cao

Mục tiêu: chọn ba đến năm quy trình tần suất cao và tốn thời gian nhất – tổng hợp báo cáo định kỳ, xây dựng kế hoạch công tác, sản xuất nội dung truyền thông – và thiết kế lại quy trình đó với AI tham gia ở những công đoạn xác định.

Điều kiện: quy trình phải được mô tả rõ đầu vào – đầu ra – người chịu trách nhiệm ở từng bước; biểu mẫu phải chuẩn hóa trước. Đây là cấp độ bắt đầu tạo thay đổi ở cấp tổ chức, không chỉ ở cấp cá nhân.

Cấp độ 3 – AI cho tổ chức: trợ lý AI, kho tri thức và hệ thống dùng chung

Mục tiêu: hình thành tài sản số dùng chung toàn hệ thống – kho tri thức số, trợ lý AI nghiệp vụ, thư viện nội dung truyền thông gốc, bộ mẫu văn bản chuẩn.

Điều kiện: có đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm quản trị, quy chế cập nhật và phân quyền, hạ tầng bảo đảm an toàn thông tin. Cấp độ này đòi hỏi đầu tư và quyết tâm cao nhất, nhưng tạo giá trị bền vững nhất.

Cấp độ 4 – Tổ chức vận hành với AI

AI trở thành cấu phần chính thức trong phương thức quản trị và phục vụ hội viên – được ghi nhận trong quy chế làm việc, quy trình nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá cán bộ và kế hoạch công tác hằng năm. Ở cấp độ này, câu hỏi không còn là "có dùng AI không" mà là "AI đảm nhiệm phần nào trong quy trình này và ai kiểm chứng".

5.1. Lộ trình: thí điểm – đánh giá – chuẩn hóa – nhân rộng

Đề xuất áp dụng thống nhất một chu trình bốn bước cho mọi kịch bản, thay vì triển khai đồng loạt:

1. **Bước 1 – Thí điểm có kiểm soát:** Chọn phạm vi hẹp: một đến hai ban chuyên môn của Trung ương Hội và ba đến năm tỉnh, thành đại diện các vùng miền, trong đó bắt buộc có ít nhất một địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xác định trước chỉ số đo lường.

2. **Bước 2 – Đánh giá dựa trên dữ liệu:** Đo bằng chỉ số cụ thể: thời gian hoàn thành công việc, tỷ lệ sai sót, mức độ hài lòng của cán bộ, và quan trọng nhất – giá trị mà hội viên nhận được. Đánh giá cả những gì không hiệu quả.

3. **Bước 3 – Chuẩn hóa:** Những gì chứng minh được hiệu quả thì chuyển thành hướng dẫn, biểu mẫu, quy trình chính thức. Đây là bước quyết định để kinh nghiệm thí điểm không mất đi.

4. **Bước 4 – Nhân rộng:** Nhân rộng theo hướng dẫn đã chuẩn hóa, kèm theo cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và mạng lưới cán bộ nòng cốt. Không nhân rộng những gì chưa được chuẩn hóa.

VI. CẤP CƠ SỞ – THƯỚC ĐO THỰC CHẤT CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HỆ THỐNG HỘI

Chuyển đổi số của Hội chỉ thực sự thành công khi công nghệ và AI giúp cán bộ Hội cơ sở làm việc tốt hơn và giúp phụ nữ nhận được giá trị tốt hơn. Mọi chỉ số khác – số phần mềm triển khai, số lượt tập huấn, số tài khoản được cấp – đều chỉ là chỉ số trung gian.

Cán bộ Hội cơ sở có ba đặc điểm cần được tôn trọng khi thiết kế giải pháp: phần lớn kiêm nhiệm, quỹ thời gian hạn hẹp; thiết bị chủ yếu là điện thoại thông minh chứ không phải máy tính; nền tảng kỹ năng số không đồng đều. Nếu giải

pháp đòi hỏi cán bộ cơ sở phải trở thành người thành thạo công nghệ, giải pháp đó sẽ thất bại.

Từ đó, đề xuất năm nguyên tắc thiết kế giải pháp AI cho cấp cơ sở:

- **Một là, không yêu cầu năng lực kỹ thuật.** Cán bộ cơ sở chỉ cần biết mô tả công việc mình muốn làm bằng tiếng Việt thông thường; toàn bộ phần kỹ thuật phải được xử lý sẵn ở cấp trên.
- **Hai là, cung cấp sẵn mẫu và khuôn.** Trung ương và cấp tỉnh chuẩn bị sẵn các mẫu nhắc lệnh, mẫu văn bản, nội dung gốc; cơ sở chỉ điền thông tin địa phương và điều chỉnh.
- **Ba là, ưu tiên thiết bị di động.** Mọi hướng dẫn, công cụ phải sử dụng được thuận tiện trên điện thoại.
- **Bốn là, bắt đầu từ việc cơ sở làm nhiều nhất.** Đưa AI vào đúng những việc cơ sở làm nhiều nhất: viết báo cáo tháng, soạn nội dung sinh hoạt chi hội, viết bài tuyên truyền, tổng hợp ý kiến hội viên.
- **Năm là, có người hỗ trợ tại chỗ.** Xây dựng mạng lưới cán bộ nòng cốt về AI ở cấp huyện để hỗ trợ trực tiếp cấp xã, thay vì chỉ dựa vào tài liệu hướng dẫn.

Cần đặc biệt lưu ý vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn khó khăn: nếu không có giải pháp riêng, chuyển đổi số có thể vô tình làm sâu thêm khoảng cách vốn đã tồn tại – điều đi ngược với sứ mệnh của Hội.

VII. CÁC ĐIỀU KIỆN NỀN TẢNG CẦN BẢO ĐẢM

Các kịch bản nêu trên chỉ khả thi khi hệ thống Hội chuẩn bị được một nền tảng gồm chín cấu phần sau.

1. Năng lực AI của cán bộ. Xác định là thành tố bắt buộc của năng lực số cán bộ Hội, đưa vào khung năng lực vị trí việc làm và chương trình bồi dưỡng thường xuyên. Trọng tâm không phải biết nhiều công cụ, mà là nhận diện việc nào nên dùng AI, biết đặt yêu cầu rõ ràng và biết kiểm chứng kết quả.

2. Dữ liệu. Không có dữ liệu sạch thì không có AI hữu ích. Rà soát, chuẩn hóa và số hóa các nguồn dữ liệu cốt lõi: hội viên, báo cáo, hoạt động, kho văn bản. Ưu tiên chuẩn hóa biểu mẫu trước khi nghĩ đến công cụ.

3. Hạ tầng. Bảo đảm điều kiện tối thiểu về thiết bị và kết nối cho cấp cơ sở; lựa chọn phương án hạ tầng phù hợp yêu cầu bảo mật của từng nhóm dữ liệu, tuân thủ quy định hiện hành về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân (cần rà soát, viện dẫn văn bản cụ thể khi ban hành quy chế).

4. Quy trình. AI chỉ phát huy tác dụng khi quy trình đã rõ ràng. Mô tả và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ là điều kiện tiên quyết, đồng thời cũng là giá trị tự thân kể cả khi chưa ứng dụng AI.

5. Bảo mật thông tin. Ban hành danh mục thông tin không được đưa vào công cụ AI: các trường hợp phụ nữ, trẻ em bị bạo lực, xâm hại; thông tin cá nhân hội viên; thông tin chưa công bố. Kèm hướng dẫn ẩn danh hóa dữ liệu trước khi xử lý.

6. Kiểm chứng nội dung do AI tạo. Nguyên tắc bắt buộc: mọi sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra phải qua kiểm chứng của con người trước khi sử dụng chính thức; nội dung có trích dẫn văn bản, số liệu phải đối chiếu nguồn gốc; quy định cấp độ kiểm duyệt tương ứng mức độ quan trọng của sản phẩm.

7. Đạo đức và trách nhiệm khi sử dụng AI. AI là công cụ hỗ trợ, trách nhiệm cuối cùng luôn thuộc về con người và tổ chức. Cần lưu ý định kiến giới có thể tồn tại trong dữ liệu và mô hình – đây là điểm mà Hội, với vai trò tổ chức đại diện cho phụ nữ, có trách nhiệm và có tiếng nói đặc biệt.

8. Cơ chế thử nghiệm và nhân rộng. Cho phép các đơn vị thử nghiệm trong phạm vi kiểm soát, chấp nhận một tỷ lệ không thành công, nhưng bắt buộc có đánh giá và rút kinh nghiệm. Không có cơ chế này, cán bộ sẽ không dám làm.

9. Bộ hướng dẫn/quy chuẩn sử dụng AI trong hệ thống Hội. Nên làm sớm: một văn bản ngắn gọn, dễ hiểu, quy định rõ được dùng AI vào việc gì, không được dùng vào việc gì, quy tắc bảo mật, kiểm chứng và ghi nhận trách nhiệm. Bộ quy chuẩn này vừa bảo vệ tổ chức, vừa tạo sự yên tâm để cán bộ mạnh dạn ứng dụng.

VIII. MỘT SỐ SÁNG KIẾN MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC

Trên cơ sở các phân tích trên, xin đề xuất năm sáng kiến có thể phát triển thành chương trình hành động của Hội trong nhiệm kỳ.

Sáng kiến 1: "Mỗi cán bộ Hội một trợ lý AI"

Cơ chế: xây dựng bộ tài liệu và chương trình bồi dưỡng chuẩn, kết hợp bộ quy tắc sử dụng an toàn, triển khai đồng loạt qua hệ thống bồi dưỡng cán bộ hiện có, có kiểm tra đầu ra bằng sản phẩm công việc thật. Tác động: nâng nhanh mặt bằng năng lực số toàn hệ thống, tạo lực lượng người dùng đủ lớn – điều kiện cần để các sáng kiến cấp tổ chức có thể vận hành.

Sáng kiến 2: "Kho tri thức số Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam"

Cơ chế: thu thập, chuẩn hóa, phân loại và số hóa hệ thống văn bản, hướng dẫn nghiệp vụ, tài liệu tập huấn, mô hình điển hình; xây dựng công cụ tìm kiếm theo nội dung; giao ban chuyên môn chịu trách nhiệm cập nhật. Tác động: chuyển

tri thức từ dạng cá nhân sang tài sản tổ chức; là hạ tầng dữ liệu cho mọi ứng dụng AI về sau. Đây là sáng kiến nền tảng, nên được ưu tiên.

Sáng kiến 3: "Trợ lý AI nghiệp vụ Hội"

Cơ chế: phát triển trên nền Kho tri thức số, bắt đầu từ một đến hai lĩnh vực nghiệp vụ; triển khai thí điểm, thu thập câu hỏi thực tế để hoàn thiện; mở rộng dần. Tác động: chuẩn hóa cách hiểu và cách làm nghiệp vụ trong toàn hệ thống; hỗ trợ trực tiếp cán bộ cơ sở; giảm tải cho cấp trên.

Sáng kiến 4: "AI đồng hành cùng phụ nữ khởi nghiệp và phát triển kinh tế"

Cơ chế: lồng ghép nội dung ứng dụng AI vào các đề án, hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp hiện có; tổ chức theo hình thức cầm tay chỉ việc trên sản phẩm thật của hội viên; xây dựng tài liệu hướng dẫn bằng ngôn ngữ đơn giản, có phiên bản cho vùng dân tộc thiểu số. Tác động: tạo giá trị hữu hình, trực tiếp cho hội viên; góp phần thu hẹp khoảng cách giới trong tiếp cận công nghệ; nâng cao vị thế của Hội trong hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp.

Sáng kiến 5: "Mạng lưới cán bộ nòng cốt về AI trong hệ thống Hội"

Cơ chế: lựa chọn và bồi dưỡng chuyên sâu một đội ngũ nòng cốt tại Trung ương, các tỉnh, thành và cấp huyện; giao nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn tại chỗ và phản hồi vướng mắc từ cơ sở lên; duy trì sinh hoạt chuyên môn định kỳ và chia sẻ cách làm hay. Tác động: giải quyết bài toán hỗ trợ kỹ thuật ở quy mô hệ thống bốn cấp – vốn không thể giải bằng tài liệu hướng dẫn đơn thuần; đồng thời tạo lực lượng lan tỏa bền vững.

IX. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH TỪ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI

Từ quá trình trực tiếp đào tạo và hỗ trợ ứng dụng AI cho cán bộ khu vực công, cộng đồng và tổ chức Hội, xin chia sẻ một số nhận định mang tính thực tiễn.

Thứ nhất, khó khăn lớn nhất không phải là thiếu công cụ, mà là chưa xác định đúng bài toán nghiệp vụ. Công cụ AI hiện đã rất sẵn có và dễ tiếp cận. Nhưng khi được hỏi "anh/chị muốn AI giúp việc gì", nhiều cán bộ không trả lời được cụ thể. Đó không phải lỗi của cán bộ, mà là dấu hiệu cho thấy quy trình công việc chưa được mô tả rõ ràng.

Thứ hai, không nên bắt đầu bằng câu hỏi "dùng công cụ AI nào?". Câu hỏi đúng là: "Quy trình nào đang tốn nhiều thời gian nhất, lặp lại nhiều nhất và có thể cải tiến được?". Trả lời được câu hỏi này thì việc chọn công cụ trở nên đơn giản – và đôi khi hóa ra không cần đến AI.

Thứ ba, AI không thay thế cán bộ Hội. AI làm tốt phần xử lý thông tin, nhưng không thể ngồi nghe một hội viên kể về hoàn cảnh gia đình, không thể vận

động một chị em còn e ngại tham gia sinh hoạt, không thể tạo dựng niềm tin ở cộng đồng. Giá trị thực sự của AI là giúp cán bộ Hội dành nhiều thời gian hơn cho những việc đòi hỏi sự thấu hiểu, kết nối và phục vụ con người – tức là những việc làm nên bản sắc của tổ chức Hội.

Thứ tư, năng lực sử dụng AI cần trở thành một phần của năng lực số cán bộ Hội. Nếu chỉ dừng ở các đợt tập huấn phong trào, kết quả sẽ nhanh chóng mai một. Chỉ khi được đưa vào khung năng lực, tiêu chí đánh giá và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, nó mới trở thành năng lực bền vững của tổ chức.

Thứ năm, hiệu quả đến nhanh nhất từ những việc nhỏ, lặp lại nhiều. Trong các buổi đào tạo, thay đổi rõ rệt nhất thường đến khi cán bộ áp dụng AI vào đúng một đầu việc quen thuộc và thấy thời gian rút ngắn ngay trong buổi học. Niềm tin đến từ kết quả cụ thể, không phải từ giới thiệu công nghệ.

Thứ sáu, cần chấp nhận một giai đoạn thử – sai có kiểm soát. Không tổ chức nào ứng dụng AI thành công ngay từ lần đầu. Điều quan trọng là thử trong phạm vi an toàn, đánh giá trung thực và rút kinh nghiệm nhanh.

Các nhận định trên là quan sát thực tiễn của người viết, chưa dựa trên khảo sát định lượng. Để phục vụ hoạch định chính sách, đề nghị Trung ương Hội tổ chức một khảo sát chính thức về hiện trạng năng lực số và nhu cầu ứng dụng AI của cán bộ Hội các cấp – kết quả khảo sát sẽ là căn cứ đáng tin cậy hơn nhiều so với mọi nhận định định tính.

X. KẾT LUẬN

Nghị quyết 57-NQ/TW đặt ra yêu cầu về một sự thay đổi thực chất trong phương thức hoạt động, chứ không dừng ở việc trang bị công nghệ. Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, yêu cầu đó có một cách diễn đạt rất cụ thể: làm sao để mỗi cán bộ Hội có thêm thời gian dành cho hội viên, và làm sao để mỗi phụ nữ – dù ở thành phố hay ở bản làng xa xôi – đều nhận được sự hỗ trợ tốt hơn từ tổ chức của mình.

Trí tuệ nhân tạo có thể đóng góp vào mục tiêu đó, nhưng chỉ khi được đặt đúng chỗ. Đặt đúng chỗ nghĩa là: bắt đầu từ bài toán nghiệp vụ chứ không từ công cụ; ưu tiên những quy trình có tần suất cao và tốn nhiều thời gian; đi theo lộ trình thí điểm – đánh giá – chuẩn hóa – nhân rộng; và luôn lấy hiệu quả ở cấp cơ sở làm thước đo.

Mục tiêu cuối cùng không phải là đưa thật nhiều công cụ AI vào hệ thống Hội, mà là hình thành một phương thức hoạt động mới – trong đó con người, dữ liệu và AI phối hợp với nhau để Hội hoạt động hiệu quả hơn, gần hội viên hơn và phục vụ phụ nữ tốt hơn.

Hành trình đó có thể được tóm gọn trong một mệnh đề: từ cán bộ Hội sử dụng AI, đến tổ chức Hội vận hành với AI. Bước thứ nhất là câu chuyện của kỹ năng cá nhân và có thể bắt đầu ngay hôm nay. Bước thứ hai là câu chuyện của quản trị, dữ liệu và thể chế – khó hơn, lâu hơn, nhưng đó mới là nơi tạo ra sự đổi mới thực chất về phương thức hoạt động mà Nghị quyết 57-NQ/TW hướng tới. Và trong toàn bộ hành trình ấy, có một điều không thay đổi: công nghệ có thể thay đổi cách Hội làm việc, nhưng không thay đổi lý do Hội tồn tại – vì phụ nữ Việt Nam.

HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM TOÀN CẦU VỀ THU HẸP KHOẢNG CÁCH GIỚI TRONG LĨNH VỰC SỐ

Bà Vũ Thu Hồng
Cán bộ Cán bộ chương trình, Phụ nữ, hòa bình và an ninh
UNWOMEN Việt Nam

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo,

Kính thưa quý vị đại biểu, các chuyên gia và toàn thể Hội nghị,

Chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới đang mở ra một không gian phát triển hoàn toàn mới cho phụ nữ. Công nghệ có thể giúp một phụ nữ ở vùng nông thôn tiếp cận thị trường mà trước đây chị không thể tiếp cận; giúp một doanh nghiệp nhỏ bán hàng xuyên biên giới; giúp một nhà khoa học đưa kết quả nghiên cứu tới nhà đầu tư; hay giúp một người phụ nữ trung niên học một nghề mới và quay trở lại thị trường lao động.

Nhưng công nghệ không tự động tạo ra bình đẳng.

Nếu phụ nữ ít được tiếp cận thiết bị hơn, có ít thời gian học kỹ năng hơn, ít vốn hơn để chuyển đổi số doanh nghiệp, ít hiện diện hơn trong khoa học và công nghệ - STEM và trí thông minh nhân tạo - AI, ít tham gia vào quá trình thiết kế công nghệ, đồng thời lại chịu nhiều hơn các nguy cơ bạo lực và quấy rối trên môi trường mạng, thì chuyển đổi số có thể tái tạo, thậm chí khuếch đại những bất bình đẳng vốn đã tồn tại trong thế giới thực.

Vì vậy, câu hỏi chiến lược ngày nay không còn chỉ là: “Làm thế nào để nhiều phụ nữ được kết nối Internet hơn?”

Câu hỏi lớn hơn phải là: Làm thế nào để phụ nữ có thể tiếp cận, sử dụng, sáng tạo, kiếm thu nhập, sở hữu và cùng quyết định tương lai số?

I. KHOẢNG CÁCH GIỚI SỐ ĐANG THAY ĐỔI BẢN CHẤT

Theo International Telecommunication Union - ITU, năm 2025, 77% nam giới nhưng chỉ 71% phụ nữ trên thế giới sử dụng Internet , tương đương khoảng 280 triệu nam giới sử dụng Internet nhiều hơn phụ nữ. Đặc biệt đáng chú ý, chỉ số bình đẳng giới trong sử dụng Internet toàn cầu hầu như không cải thiện từ năm 2019, và tại khu vực châu Á–Thái Bình Dương thậm chí giảm nhẹ từ 0,92 xuống 0,91.

Đối với Việt Nam, khoảng cách về kết nối cơ bản đã thu hẹp đáng kể. Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng AI của UNESCO cũng cho thấy khoảng cách sử dụng Internet của Việt Nam đã giảm đáng kể trong những năm qua với 78 % dân số tham gia interet . Đây là thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, theo tôi, Việt Nam

cần bắt đầu quan tâm tới một "khoảng cách giới số thế hệ thứ hai". Đó không còn chỉ là khoảng cách về có Internet hay không, mà là khoảng cách về:

- ai có kỹ năng số nâng cao;
- ai biết sử dụng trí thông minh nhân tạo - AI để nâng năng suất;
- ai có khả năng chuyển đổi số doanh nghiệp;
- ai sở hữu startup và tài sản trí tuệ;
- ai nhận được vốn đầu tư cho đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số;
- ai tham gia thiết kế các nền tảng và hệ thống AI;
- ai giữ vị trí lãnh đạo trong lĩnh vực công nghệ; và
- ai được an toàn khi tham gia không gian số.

Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh AI đang nhanh chóng thay đổi thị trường lao động. Gender Snapshot 2025 của UN Women và UN DESA cho thấy phụ nữ đang làm việc có khả năng nằm trong các nghề chịu mức phơi nhiễm cao với tự động hóa bởi AI gần gấp đôi nam giới; các vị trí hành chính, thư ký và dịch vụ — nơi phụ nữ hiện diện đông — đặc biệt dễ bị tác động.

Do vậy, thu hẹp khoảng cách số từ nay đến 2030 không thể chỉ là "để ngày càng nhiều phụ nữ tham gia trên mạng". Nó phải giúp phụ nữ "ngày cang tham gia vào chuỗi giá trị số".

II. BÀI HỌC TỪ CÁC MÔ HÌNH QUỐC TẾ

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy khoảng cách giới số không thể được giải quyết bằng một chương trình đơn lẻ. Cần một hệ sinh thái gồm ít nhất sáu yếu tố:

1- TIẾP CẬN CÔNG NGHỆ

2- NĂNG LỰC SỐ

3- AN TOÀN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

4- TIẾP CẬN TÀI CHÍNH

5- TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG SỐ và

6- TƯ DUY VÀ NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO TRONG KỶ NGUYÊN SỐ.

Chúng ta đều nhận thấy rằng:

- Nếu phụ nữ được đào tạo nhưng không có vốn, doanh nghiệp không tăng trưởng.

- Nếu doanh nghiệp có vốn nhưng thiếu năng lực số, năng suất sẽ thấp hoặc thấp hơn và dễ bị bỏ lại phía sau.

- Nếu phụ nữ có kỹ năng và vốn nhưng bị bạo lực và quấy rối trên mạng tấn công thường xuyên, sự tham gia bị thu hẹp.

- Nếu phụ nữ bán hàng trên nền tảng nhưng không sở hữu thương hiệu, dữ liệu hay IP, họ vẫn ở tầng giá trị thấp.

- Nếu phụ nữ tham gia nền kinh tế số nhưng vắng mặt trong quá trình thiết kế AI và chính sách công nghệ, những hệ thống mới vẫn có nguy cơ tái tạo thiên kiến cũ.

Đây cũng là lý do We-Fi — Women Entrepreneurs Finance Initiative — sử dụng mô hình kết hợp tài chính + hỗ trợ kỹ thuật + thị trường + dữ liệu + cải thiện môi trường kinh doanh thay vì chỉ cung cấp tín dụng. Đến năm 2025, We-Fi cho biết đã huy động hơn 7 tỷ USD tài chính cho hơn 600.000 doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo tại 81 quốc gia.

Đáng chú ý, Việt Nam đang là một trong những quốc gia có các chương trình We-Fi hoạt động. Chương trình WAVES Vietnam của ADB và We-Fi và phân bổ 13,4 triệu USD cho Việt Nam giai đoạn 2019-2024, kết hợp các công cụ tài chính và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nữ.

We-Fi và IFC cũng đã hợp tác với các ngân hàng Việt Nam như ngân hang SeaBank nhằm mở rộng tín dụng và thiết kế sản phẩm phù hợp hơn cho doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo. SeABank đã hợp tác với Quỹ Sáng kiến tài chính dành cho nữ doanh nhân (We-Fi) của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) để được hưởng khoản ưu đãi 140.000 USD đi kèm với khoản vay vốn trị giá 170 triệu USD, nhằm mở rộng tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ. Trong đó, ít nhất 20 triệu USD được dành riêng để cho vay các doanh nghiệp này .

Bài học ở đây rất rõ:

Sự tham gia vào quá trình chuyển đổi số (Digital inclusion) mà không đi cùng sự tiếp cận các nguồn tài chính và đầu tư (financial inclusion) sẽ khó tạo ra sự tăng quyền năng kinh tế (economic empowerment) cho phụ nữ. Và ngược lại, sự tiếp cận về tài chính mà không đi kèm với năng lực số (digital capability), tiếp cận thị trường số (digitl market access) và các chuỗi giá trị cần thiết (value chains) cũng khó giúp doanh nghiệp nữ chuyển từ duy trì sang phát triển và tăng trưởng (survival → growth → scale).

UN Women gắn năng lực số với thị trường thông qua Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ - WEPs, thương mại điện tử và mua sắm có trách nhiệm giới

Thực tiễn của UN Women tại Việt Nam cho thấy ba mắt xích có thể được thiết kế thành một lộ trình chung: (i) củng cố thực hành kinh doanh có trách nhiệm giới thông qua việc ứng dụng bộ 7 nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ - Women's Empowerment Principles; (ii) nâng cao năng lực số và thương mại điện tử; và (iii)

mở cơ hội thị trường qua mua sắm có trách nhiệm giới, chuẩn bị năng lực nhà cung cấp và kết nối người mua.

Thông điệp rất rõ ở đây là thương mại điện tử tạo khả năng được nhìn thấy, nhưng mua sắm và quan hệ với người mua mới chuyển khả năng đó thành hợp đồng và tăng trưởng.

UN Women kết hợp công nghệ, chuỗi giá trị và tài chính trong chuyển đổi xanh

Khung ra quyết định của chương trình EmPower tại châu Á - Thái Bình Dương kết nối ba bước: nhận diện chuỗi giá trị dễ tổn thương do biến đổi khí hậu nhưng có ý nghĩa đối với doanh nghiệp nữ; lựa chọn công nghệ carbon thấp phù hợp; và thiết kế tài chính có trách nhiệm giới. Đây là cách tiếp cận hữu ích cho các doanh nghiệp nữ trong nông nghiệp, năng lượng, chăm sóc và kinh tế tuần hoàn.

III. CÁC NGUỒN LỰC VÀ CƠ HỘI HỢP TÁC QUỐC TẾ VIỆT NAM CÓ THỂ KHAI THÁC

Chúng ta có thể tìm hiểu một số nguồn lực quốc tế không chỉ dưới dạng "tìm một nhà tài trợ cho một dự án", mà thành một "Hồ sơ các đối tác tiềm năng – partners portfolio" gồm bốn nhóm.

1. Tài chính và tăng trưởng doanh nghiệp nữ	**2. Doanh nhân số và thương mại điện tử**
We-Fi – ADB – IFC hiện là nguồn lực rất phù hợp với doanh nghiệp phụ nữ Việt Nam, đặc biệt về access to finance, gender-lens financial products, fintech, supply-chain finance, business acceleration và dữ liệu tài chính phân tách theo giới. Một hướng mới đáng chú ý của We-Fi là tài trợ cho **nữ doanh nghiệp trong nền kinh tế chăm sóc - women entrepreneurs trong care economy**, bao gồm cả các giải pháp số như nền tảng kết nối dịch vụ chăm sóc, đặt đơn (scheduling), gia tiếp (communication) và các dịch vụ tài chính dành cho người cung cấp dịch vụ chăm sóc và	**UNCTAD eTrade for Women**[2] là một kênh hợp tác phù hợp để đưa các nữ sáng lập Việt Nam vào mạng lưới quốc tế, tham vấn cá nhân (mentoring), tìm hiểu thị trường (market exposure) và đối thoại chính sách (policy dialogue). Masterclass khu vực Đông Nam Á–Thái Bình Dương năm 2025 đã mở cho doanh nhân nữ Việt Nam và được hỗ trợ bởi Australia, Hà Lan và Thụy Điển.

[2] eTrade for Women | UN Trade and Development (UNCTAD)

người sử dụng dịch vụ chăm sóc (care providers/users). Đây là một lĩnh vực có tiềm năng lớn khi Việt Nam bước vào quá trình già hóa dân số.	eTrade for Women masterclass for South Asia | UN Trade and Development (UNCTAD)
3. Hạ tầng số bao trùm và huy động nguồn lực công–tư **ITU Partner2Connect**[3] là một nền tảng quốc tế huy động cam kết tài chính, công nghệ và quan hệ đối tác cho việc kết nối số và chuyể đổi số. Đến tháng 3/2025, nền tảng đã huy động hơn 73 tỷ USD cam kết và đặt mục tiêu 100 tỷ USD vào cuối 2026. Đây không phải một "quỹ grant" truyền thống, nhưng là một **cơ chế cơ chế kết nối đối tác và huy động nguồn lực - matchmaking và partnership mobilization** mà Việt Nam và Hội có thể khai thác cho các sáng kiến phụ nữ và chuyển đổi số.	**4. Sáng tạo đổi mới số và an toàn số có đáp ứng giới - Gender-responsive digital innovation và an toàn số** UN Women, các Action Coalitions của Generation Equality, các chương trình của EU, Gates Foundation và các đối tác công nghệ đang đầu tư vào các lĩnh vực như: • **Hạ tầng số công cộng bao trùm và bình đẳng giới - Gender-inclusive DPI** • **Tài chính toàn diện số - Digital financial inclusion** • **Trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm - Responsible AI**: • **Phòng ngừa bạo lực có sự hỗ trợ của công nghệ - Prevention of technology-facilitated violence, và** • **Phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới có sự hỗ trợ của công nghệ - technology-facilitated gender-based violence**, nên dịch đầy đủ là: Một trong những lợi thế đặc biệt của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là mạng lưới tổ chức rộng khắp và năng lực triển khai đến tận cơ sở, cho phép chuyển tải chính sách, kiến thức, công nghệ, chương trình đào tạo và dịch vụ hỗ trợ tới đông đảo phụ nữ, đặc biệt là những nhóm khó tiếp cận.

[3] Partner2Connect - **ITU Partner2Connect** là một liên minh toàn cầu nhằm huy động nguồn lực, công nghệ, quan hệ đối tác và các cam kết để thúc đẩy **kết nối số phổ cập và thực chất cho mọi người**.

	Đây là một **mạng lưới tổ chức tới cơ sở mà hầu hết các tổ chức công nghệ quốc tế không có, và là** một "**Hạ tầng tiếp cận và chuyển giao tới phụ nữ ở cấp cơ sở** - distribution infrastructure" vô cùng có giá trị.

IV. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Từ những bài học quốc tế trên, có một số nhìn nhận như sau:

Một là, chúng ta cần chuyển từ đo "tiếp cận số - digital access" sang đo "Năng lực số bao trùm giới - Digital Gender Capability" và thiết kế một "Bảng theo dõi các chỉ số bình đẳng giới trong lĩnh vực số - Digital Gender Dashboard có thể gồm sáu tầng:

- Tiếp cận – access
- Sử dụng – use
- Năng lực/kỹ năng – skills
- Giá trị kinh tế - economic value
- Sở hữu và lãnh đạo – ownership and leadership
- An toàn số - digital safety

Các chỉ số cần được phân tách không chỉ theo giới mà còn theo tuổi, thu nhập, thành thị–nông thôn, dân tộc, khuyết tật và nghề nghiệp.

Hội LHPN có thể trở thành một đối tác rất quan trọng của Chính phủ trong thu thập bằng chứng từ cơ sở về những dữ liệu dễ bị bỏ qua (gender data blindspots) như nhóm yếu tế, dân tộc, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ ở tuổi nghỉ hưu, phụ nữ thất nghiệp dài hạn và tạm thời, nữ nông dân vùng xâu vùng xa, v.v.

Hai là, xây một thang đo về năng lực số cho phụ nữ - Women's Digital Capability Ladder

Không nên có một khóa "kỹ năng số cho phụ nữ" chung cho tất cả.

Có thể chia thành bốn tầng:

- Tầng 1 – kỹ năng phổ thông về số cho mọi công dân để thực hiện các dịch vụ công số, thanh toán, an toàn mạng, nhận diện lừa đảo.

- Tầng 2 – kỹ năng ứng dụng AI, các công cụ số để tăng năng suất lao động, tăng hiểu biết về các nền tảng số và công nghệ phục vụ lao động

- Tầng 3 – kỹ năng thương mại số, truyền thông số, thị trường số, tài chính số, các công cụ AI để tự động hóa quy trình lao động, thương mại điện tử toàn cầu, v.v.

- Tầng 4 – kỹ năng kiến tạo sản phẩm số phục vụ con người như làm phần mềm số, AI, khoa học dữ liệu, quản lý dữ liệu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, tham gia vào chuỗi thiết kế và làm chip bán dẫn, v.v.

Mỗi hội viên không nhất thiết đi tới tầng 4, nhưng không nên khóa phụ nữ ở tầng 1.

Ba là, thiết kế và đồng thiết kế với phụ nữ những chương trình tăng tốc phát triển doanh nghiệp số dành cho phụ nữ: Hội Phụ nữ có thể chuyển một phần hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp sang mô hình: Số hóa – tiếp cận tài chính số - tiếp cận thị trường số - tăng trưởng/mở rộng

Thay vì đào tạo hàng nghìn phụ nữ cùng một chương trình giống nhau, có thể xác định:

- nhóm hộ kinh doanh cần số hóa;
- doanh nghiệp nữ có khả năng tăng trưởng;
- startup công nghệ do phụ nữ sáng lập;
- women scientists có sở hữu trí tuệ và bằng sáng chế có khả năng thương mại hóa.

Mỗi nhóm cần một gói hỗ trợ khác nhau. Đây cũng là điểm có thể kết nối trực tiếp với We-Fi, ADB, IFC, UNCTAD, ngân hàng, fintech, sàn thương mại điện tử và doanh nghiệp công nghệ.

Bốn là tiếp tục thúc đẩy việc gắn năng lực số với thị trường thông qua Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ - WEPs, thương mại điện tử và mua sắm có trách nhiệm giới và kết hợp công nghệ, chuỗi giá trị và tài chính trong chuyển đổi xanh

Thưa quý vị,

Nếu chúng ta chỉ đo khoảng cách giới số bằng tỷ lệ phụ nữ có smartphone hay sử dụng Internet, Việt Nam có thể đạt bình đẳng tương đối nhanh.

Nhưng nếu chúng ta hỏi:

- Ai đang viết thuật toán?
- Ai sở hữu doanh nghiệp số?
- Ai nhận vốn đầu tư?
- Ai có bằng sáng chế?
- Ai quyết định AI được sử dụng thế nào?

- Ai hưởng lợi từ tăng năng suất?
- Và ai chịu rủi ro khi công nghệ thay đổi thị trường lao động?

thì khoảng cách giới vẫn còn rất đáng kể. Vì vậy, tôi xin đề xuất một cách nhìn: Thu hẹp khoảng cách giới số không phải là đưa phụ nữ vào một thế giới số đã được người khác thiết kế. Mục tiêu cao hơn là bảo đảm phụ nữ có đủ năng lực, nguồn lực, tiếng nói và quyền sở hữu để cùng thiết kế thế giới số đó.

Đối với Hội LHPN Việt Nam, đây là một cơ hội đặc biệt: Với mạng lưới rộng khắp, khả năng tiếp cận phụ nữ ở mọi nhóm xã hội và kinh nghiệm lâu năm trong vận động chính sách, hỗ trợ sinh kế và phát triển cộng đồng, Hội có thể không chỉ là người triển khai các chương trình kỹ năng số, mà trở thành một trong những kiến trúc sư của hệ sinh thái chuyển đổi số bao trùm giới ở Việt Nam. Đó là bước chuyển từ: Tiếp cận số để có năng lực số, để tham gia nền kinh tế số, để có sự ảnh hưởng mạnh mẽ hơn và để tạo nên các doanh nghiệp số hay tổ chức được số hóa toàn diện. Và đó cũng là cách để chuyển đổi số thực sự trở thành một động lực của bình đẳng giới, thay vì một nguồn tạo ra khoảng cách giới mới.

Xin trân trọng cảm ơn.

L'OREAL VIETNAM ĐỒNG HÀNH CÙNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bà Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh
Phó Tổng Giám đốc LOreal Việt Nam
Founder chương trình tăng quyền phụ nữ toàn cầu
LOreal Beauty For A Better Life

Kính thưa quý vị đại biểu,

Kính thưa quý lãnh đạo, quý đại biểu và toàn thể hội nghị,

Trước hết, tôi rất vinh dự được có mặt tại Hội nghị hôm nay để chia sẻ một số kinh nghiệm thực tiễn của L'Oreal Việt nam trong hành trình đồng hành cùng phụ nữ – đặc biệt là những phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn, trong việc nâng cao năng lực, tiếp cận công nghệ và mở rộng cơ hội phát triển kinh tế.

Từ góc nhìn của L'Oréal, chúng tôi tin rằng chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện của công nghệ. *Đó trước hết là câu chuyện của con người, của cơ hội và của khả năng* để *mỗi người phụ nữ có thể tự tin làm chủ tương lai của mình.*

I. CHUYỂN ĐỔI SỐ PHẢI BẮT ĐẦU TỪ NHU CẦU THỰC TẾ CỦA PHỤ NỮ

Trong quá trình đồng hành cùng phụ nữ, chúng tôi nhận thấy rằng khoảng cách số không chỉ nằm ở việc một người có điện thoại thông minh hay biết sử dụng một ứng dụng. Khoảng cách lớn hơn nằm ở câu hỏi rất đơn giản: ***"Tôi có biết sử dụng công nghệ để tạo ra một cơ hội tốt hơn cho cuộc sống của mình hay không?"***

Đối với một phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, một kỹ năng số tưởng như rất đơn giản có thể mở ra rất nhiều cánh cửa: tiếp cận thông tin, tìm kiếm việc làm, học một nghề mới, quảng bá sản phẩm, tiếp cận khách hàng, bán hàng trực tuyến hay từng bước xây dựng một nguồn thu nhập độc lập. Vì vậy, chúng tôi cho rằng chuyển đổi số cho phụ nữ cần bắt đầu từ *những nhu cầu rất đời thường và rất cụ thể*. Mục tiêu không phải là đào tạo công nghệ để phụ nữ "biết thêm một kỹ năng", mà quan trọng hơn là giúp họ hiểu được công nghệ có thể giúp họ thay đổi điều gì trong công việc, thu nhập và cuộc sống của mình.

II. TỪ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG ĐẾN TRAO QUYỀN & TẠO SINH KẾ

Một trong những kinh nghiệm quan trọng mà chúng tôi rút ra là đào tạo chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi cùng cơ hội để ứng dụng và tạo ra thu nhập. Nếu một người phụ nữ được học nghề nhưng không có cơ hội việc làm, tác động của đào

tạo sẽ rất hạn chế. Nếu họ được học kỹ năng số nhưng không biết ứng dụng vào công việc, kinh doanh, và tiếp cận khách hàng thì khoảng cách số vẫn còn đó. Vì vậy, các chương trình của L'Oreal hướng đến một chuỗi giá trị rộng hơn: **Đào tạo – Thực hành – Ứng dụng – Kết nối – Tạo sinh kế.** Trong đó, chúng tôi đặc biệt chú trọng việc kết hợp kỹ năng nghề với kỹ năng số.

Chẳng hạn, một học viên nữ tham gia chương trình đào tạo nghề làm đẹp không chỉ cần nắm vững kỹ thuật chuyên môn, họ còn cần biết cách sử dụng mạng xã hội để giới thiệu salon tóc hoặc nơi làm việc, xây dựng trang giới thiệu dịch vụ làm tóc, trang điểm tại nhà hoặc tại các sự kiện, biết cách xây dựng hình ảnh cá nhân, giao tiếp với khách hàng, tiếp cận khách hàng mới và từng bước phát triển công việc. Khi đó, *chuyển đổi số không còn là một khái niệm xa vời mà trở thành một công cụ rất thiết thực giúp phụ nữ kiếm sống tốt hơn chủ động hơn và tự tin hơn.*

Một điểm chúng tôi đặc biệt chú trọng là thiết kế chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt giữa học trực tiếp và học trực tuyến, để phụ nữ có thể vừa học vừa thực hành trong điều kiện thực tế của mình. Thông qua các lớp học trực tuyến trên Zalo, giáo viên giao bài tập và phản hồi, chấm bài hàng ngày. Việc học không dừng ở lý thuyết mà yêu cầu học viên liên tục thực hành và ứng dụng ngày vào công việc, cuộc sống của mình. Sau khoảng thời gian thực hành (4 tuần), học viên được kết nối với các sàn Thương mại điện tử để bắt đầu kinh doanh thông qua tiếp thị liên kết - affiliate hoặc tự tin kinh doanh trên TikTok Shop thông qua tài khoản đã được hỗ trợ mở ngay từ ngày đầu tham gia chương trình. Chúng tôi cũng phối hợp với các đối tác trong hệ sinh thái Thương mại điện tử, TikTOk cùng các KOL/KOC có kinh nghiệm thực tiễn về tiếp thị liên kết và có kinh doanh trên các nền tảng số. Những người có kinh nghiệp trực tiếp này không chỉ chia sẻ kiến thức mà còn đồng hành, giải đáp những vướng mắc phát sinh trong quá trình phụ nữ thực hành và ứng dụng kiến thức đã học. **Đó chính là quá trình biến kiến thức thành kỹ năng, biến kỹ năng thành hành động và biến hành động thành cơ hội tạo thu nhập.**

III. DOANH NGHIỆP KHÔNG THỂ ĐI MỘT MÌNH

Một bài học rất quan trọng khác từ thực tiễn của chúng tôi là muốn tạo ra tác động xã hội bền vững, doanh nghiệp không thể đi một mình. Doanh nghiệp có nguồn lực, chuyên môn, kinh nghiệm vận hành, và khả năng kết nối với thị trường. Trong khi đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp có sự am hiểu sâu sắc về cộng đồng, hiểu nhu cầu của phụ nữ tại từng địa phương và có mạng lưới rộng khắp. Khi hai bên cùng kết hợp, chúng ta có thể tạo ra một mô hình vừa **đúng đối tượng, đúng nhu cầu và có khả năng tạo ra tác động thực tế**.

Một ví dụ điển hình là chương trình phối hợp giữa Hội Liên Hiệp Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh và L'Oreal nhằm nâng cao kỹ năng số cho nhóm phụ nữ tiểu Thương tại các chợ. Chúng tôi hiểu rằng các chị em tiểu thương đang đứng trước một thay đổi rất lớn trong hành vi của người tiêu dùng: từ việc mua sắm tại chợ truyền thống sang tìm kiếm thông tin, tương tác và mua hàng trên các nền tảng trực tuyến. Hội Liên Hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, với sự am hiểu sâu sát về cộng đồng đã giúp chúng tôi tiếp cập đúng nhóm phụ nữ đang có nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và mở rộng khách hàng trên môi trường số. Đến nay đã có hơn 500 phụ nữ đã tham gia chương trình và 100% mở được tài khoản kinh doanh trên TikTok Shop. Khoảng 20% phụ nữ tham gia chương trình ghi nhận có mức thu nhập tăng sau khi được kết nối với hoạt động tiếp thị liên kết trên TikTok Shop, chỉ sau 2 tuần thực hành và ứng dụng kiến thức đã được học. Những con số này cho chúng tôi thấy rằng khi đào tạo đúng nhu cầu, kết nối đúng cơ hội và có sự đồng hành đủ sát, chuyển đổi số hoàn toàn có thể tạo ra những thay đổi rất cụ thể trong đời sốn kinh tế của phụ nữ. Đó cũng là lý do chúng tôi đánh giá cao mô hình **hợp tác công – tư,** trong đó mỗi bên phát huy đúng thế mạnh của mình để cùng giải quyết một vấn đề xã hội.

IV. ĐÍCH ĐẾN CUỐI CÙNG LÀ SỰ TỰ TIN

Sau nhiều chương trình đồng hành cùng phụ nữ, điều khiến chúng tôi xúc động nhất đôi khi không phải là số lượng người được đào tạo. Đó là khoảnh khắc một người phụ nữ nói: *"Trước đây tôi nghĩ mình không làm được. Bây giờ tôi thấy mình có thể."*

Đối với chúng tôi, đó mới là kết quả sâu sắc nhất của một chương trình trao quyền. Bởi chuyển đổi số cuối cùng không chỉ nhằm tạo ra những người phụ nữ "biết sử dụng công nghệ, chúng ta muốn tạo ra những người phụ nữ *tự tin hơn, chủ động hơn, có khả năng tạo ra thu nhập và có tiếng nói lớn hơn trong chính cuộc sống của mình. Kết quả k*hảo sát nội bộ về mức độ tự tin và cải thiện cuộc sống của học viên tham gia chương trình năm 2025 cho thấy 95% phụ nữ cảm thấy tự tin hơn về khả năng thay đổi tương lai, và nâng cao tính độc lập tài chính, 80% cho biết họ có tiếng nói và quyền tham gia vào các quyết định quan trọng của gia đình. Đó là những thay đổi có thể không dễ dàng đo đếm bằng công nghệ nhưng chính là giá trị xã hội lớn nhất mà chuyển đổi số có thể mang lại.

V. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT CHO CHẶNG ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC

Từ thực tiễn triển khai các chương trình, chúng tôi cho rằng có ba yếu tố cần được chú trọng hơn nữa.

Thứ nhất, đưa chuyển đổi số đến gần phụ nữ hơn.

Nội dung đào tạo cần đơn giản, thực tế, dễ áp dụng và phù hợp với từng nhóm phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, hoặc còn hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ. Đối với một số nhóm đối tượng, cần có chương trình *"xóa mù công nghệ"* hoặc xây dựng kỹ năng số nền tảng trước khi bước vào các chương trình đào tạo về kinh doanh và tăng thu nhập trên nền kinh tế số.

Thứ hai, gắn kỹ năng số với cơ hội kinh tế.

Đào tạo cần đi xa hơn việc "biết sử dụng công nghệ", hướng tới việc sử dụng công nghệ để *tìm việc, tạo việc làm, mở rộng kinh doanh, tiếp cận khách hàng và tăng thu nhập*.

Thứ ba, xây dựng một hệ sinh thái hợp tác lâu dài.

Doanh nghiệp, Hội Liên hiệp Phụ nữ, các cơ quan quản lý, các tổ chức xã hội và các nền tảng công nghệ cần cùng nhau xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ, để những chương trình tốt không chỉ dừng lại ở một dự án ngắn hạn mà có thể được nhân rộng, tiếp tục đồng hành và tạo ra tác động bền vững.

Lời kết

Kính thưa quý vị, Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực làm đẹp và có sự hiện diện mạnh mẽ trên các nền tảng thương mại điện tử, L'Oreal hiểu rất rõ sức mạnh của sự tự tin Chúng tôi in rằng một người phụ nữ khi **có kiến thức, kỹ năng, công cụ và cơ hội** – họ không chỉ tự tin hơn, mà còn có khả năng thay đổi cuộc sống của chính mình và gia đình mình và rộng hơn là cộng đồng xung quanh.

Vì vậy, chúng tôi tin rằng **Chuyển đổi số cho phụ nữ không chỉ là trao cho họ một chiếc điện thoại hay một kỹ năng mới. Đó là trao cho họ thêm một cánh cửa để bước vào tương lai.**

Và trách nhiệm của doanh nghiệp là cùng với các đối tác, các tổ chức và cộng đồng mở thêm thật nhiều những cánh cửa như vậy. L'Oreal Việt Nam rất mong muốn tiếp tục được đồng hành cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cùng xây dựng những chương trình thiết thực hơn, bao trùm hơn và bền vững hơn để ngày càng có nhiều phụ nữ Việt Nam có thể **học hỏi, làm chủ công nghệ, tạo ra giá trị và tự tin làm chủ tương lai của mình**.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị.

PHẦN 2.
KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC CẤP HỘI

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH SỐ HÓA DỮ LIỆU HỘI VIÊN VÀ ỨNG DỤNG HỌP/SINH HOẠT CHI HỘI KHÔNG GIẤY TỜ TRÊN NỀN TẢNG SỐ

Hội LHPN Thành phố Hồ Chí Minh

Kính thưa Chủ trì Hội nghị!

Các đồng chí lãnh đạo Trung ương Hội LHPN Việt Nam!

Cùng toàn thể các đồng chí tham dự Hội nghị!

Được sự phân công của Ban tổ chức Hội nghị, Hội LHPN Thành phố xin trao đổi một số kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý hội viên và tổ chức hoạt động Hội, tập trung vào hai nội dung: số hóa dữ liệu hội viên và ứng dụng nền tảng số trong họp, sinh hoạt Chi hội theo hướng không giấy tờ.

Đối với một đô thị có quy mô dân số, số lượng hội viên lớn, địa bàn rộng, dân cư biến động nhanh và phụ nữ có nhu cầu, điều kiện tham gia hoạt động Hội rất đa dạng, chúng tôi nhận thấy chuyển đổi số không chỉ là "đưa dữ liệu lên phần mềm", mà quan trọng hơn là từng bước đổi mới phương thức quản trị Hội dựa trên dữ liệu, đồng thời giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho cán bộ và hội viên.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Hội LHPN Thành phố xác định dữ liệu hội viên là một tài sản số quan trọng của tổ chức Hội, là cơ sở để nắm chắc lực lượng, phục vụ công tác tập hợp, phát triển hội viên, chỉ đạo, điều hành và tổ chức hoạt động. Vì vậy, rà soát, chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật dữ liệu hội viên được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, phải được thực hiện liên tục, đồng bộ trong toàn hệ thống, không chỉ thực hiện khi có yêu cầu báo cáo.

Từ thực tiễn triển khai, Thành phố tập trung một số cách làm:

Thứ nhất, gắn trách nhiệm quản lý dữ liệu với từng cấp Hội và từng cán bộ phụ trách. Hội LHPN Thành phố phân công cán bộ làm đầu mối phụ trách phần mềm; Hội LHPN cấp xã phân công cán bộ trực tiếp cập nhật, quản lý dữ liệu. Danh sách cán bộ phụ trách tại cơ sở được tập hợp thành mạng lưới hỗ trợ, qua đó kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ, trao đổi và xử lý những khó khăn phát sinh trong quá trình sử dụng.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu. Các cơ sở Hội được yêu cầu cập nhật đầy đủ các trường thông tin cần thiết, duy trì việc theo dõi, đối soát và báo cáo định kỳ về tiến độ, chất lượng dữ liệu. Qua đó, từng bước hạn chế tình trạng dữ liệu thiếu, trùng lặp, không đồng bộ hoặc không còn phù hợp với thực tế.

Thứ ba, chủ động xử lý dữ liệu trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính. Sau khi sắp xếp, hợp nhất các đơn vị hành chính, Thành phố tập trung rà soát, chuyển đổi và sắp xếp lại tài khoản, dữ liệu theo đơn vị hành chính mới, bảo đảm việc quản lý hội viên được liên tục, hạn chế tối đa tình trạng gián đoạn, thất thoát hoặc sai lệch dữ liệu.

Thứ tư, chuyển từ "quản lý dữ liệu" sang "khai thác dữ liệu". Dữ liệu sau khi được chuẩn hóa không chỉ phục vụ báo cáo, mà từng bước được sử dụng để phân tích cơ cấu hội viên, xác định nhóm phụ nữ cần tập hợp, phát triển hội viên theo địa bàn, nghề nghiệp, độ tuổi, sở thích và nhu cầu; qua đó hỗ trợ cơ sở Hội lựa chọn phương thức tổ chức hoạt động phù hợp hơn.

Thứ năm, gắn chuyển đổi số với mô hình "Cơ sở Hội số", "Chi hội số". Thành phố định hướng cơ sở ứng dụng công nghệ số trong quản lý hội viên, thông tin tuyên truyền, cung cấp tài liệu, tổ chức sinh hoạt, điểm danh, khảo sát, lưu trữ hồ sơ và duy trì tương tác với hội viên. Từ đó, từng bước hình thành phương thức sinh hoạt linh hoạt hơn, giảm giấy tờ hơn và tăng tương tác hơn.

Thứ sáu, từng bước đưa kết quả chuyển đổi số vào đánh giá thi đua. Chất lượng cập nhật dữ liệu hội viên, mức độ ứng dụng nền tảng số và triển khai mô hình "Cơ sở Hội số", "Chi hội số" được quan tâm đưa vào tiêu chí đánh giá, qua đó nâng cao trách nhiệm của cơ sở và tạo động lực triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, Thành phố quan tâm triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", gắn nâng cao kỹ năng số với hoạt động Hội. Phát huy vai trò của cán bộ Hội, hội viên nòng cốt và phụ nữ trẻ có kỹ năng công nghệ để hỗ trợ cán bộ, hội viên tiếp cận các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt; đồng thời nâng cao khả năng nhận diện thông tin xấu, độc, phòng tránh lừa đảo và bảo đảm an toàn trên môi trường mạng.

2. Kết quả đạt được

2.1. Về số hóa dữ liệu hội viên

Qua thực tiễn triển khai, Hội LHPN Thành phố nhận thấy khâu khó nhất không phải là thao tác trên phần mềm mà là rà soát, làm sạch, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu từ cơ sở. Đây cũng là quá trình đòi hỏi sự kiên trì, thống nhất và phối

hợp đồng bộ của các cấp Hội, trong đó Chi hội giữ vai trò quan trọng vì là nơi trực tiếp nắm tình hình và biến động của hội viên.

Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống có hơn 437 tài khoản cấp xã. Sau sắp xếp, Hội LHPN Thành phố đã tổ chức rà soát, chuyển đổi và đồng bộ dữ liệu về 168 tài khoản cấp xã theo đơn vị hành chính mới, bảo đảm việc quản lý hội viên được liên tục, không bị gián đoạn trong quá trình chuyển đổi.

Để hỗ trợ cơ sở, Thành phố tổng hợp danh sách cán bộ phụ trách phần mềm tại từng đơn vị, hình thành nhóm trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ và xử lý kịp thời những khó khăn phát sinh. Đồng thời, xây dựng video clip hướng dẫn thao tác, văn bản hướng dẫn theo từng bước, từng nội dung cụ thể, giúp cán bộ cơ sở dễ tiếp cận, thực hiện thống nhất và hạn chế sai sót trong quá trình cập nhật, chuyển đổi dữ liệu.

Một kết quả quan trọng là phương thức quản lý hội viên từng bước chuyển từ danh sách phân tán sang dữ liệu tập trung, giúp việc theo dõi biến động hội viên, tổng hợp số liệu và phục vụ chỉ đạo, điều hành thuận lợi hơn. Cấp trên từng bước có thể khai thác trực tiếp thông tin trên hệ thống, giảm yêu cầu cơ sở phải tổng hợp lại nhiều lần những nội dung đã có trong dữ liệu, qua đó góp phần giảm áp lực báo cáo và thủ tục hành chính cho cán bộ Hội cơ sở.

Đặc biệt, việc cập nhật các trường thông tin như ngày, tháng, năm sinh; số CCCD; nghề nghiệp; nhóm đối tượng; địa bàn cư trú; loại hình sinh hoạt; thời gian tham gia hoạt động Hội... từng bước được thực hiện thống nhất hơn. Đây là cơ sở để dữ liệu hội viên không chỉ dừng lại ở việc "biết có bao nhiêu hội viên", mà từng bước trả lời được những câu hỏi quan trọng hơn trong công tác Hội: hội viên là ai, đang ở đâu, thuộc nhóm nào, nhu cầu như thế nào và nhóm phụ nữ nào còn chưa được tập hợp.

Từ đó, dữ liệu bước đầu hỗ trợ các cấp Hội phân tích cơ cấu hội viên, nhận diện nhóm phụ nữ theo địa bàn, nghề nghiệp, độ tuổi và nhu cầu; xác định những địa bàn, nhóm phụ nữ có tỷ lệ tập hợp còn thấp để lựa chọn phương thức tiếp cận, vận động và tổ chức hoạt động phù hợp.

Có thể nói, giá trị lớn nhất của việc số hóa dữ liệu không chỉ nằm ở việc thay đổi hình thức lưu trữ từ giấy sang điện tử, mà là từng bước thay đổi cách Hội nắm lực lượng, quản lý hội viên và ra quyết định trên cơ sở dữ liệu.

2.2. Về họp, sinh hoạt Chi hội không giấy

Cùng với số hóa dữ liệu hội viên, Hội LHPN Thành phố từng bước ứng dụng nền tảng số trong họp, sinh hoạt Chi hội theo hướng giảm giấy tờ, tăng tương tác và linh hoạt về thời gian, phương thức tham gia.

Việc triển khai trước hết được thực hiện từ những công cụ quen thuộc, dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở như Zalo, mã QR, Google Forms, Google Drive và trình chiếu điện tử. Cách làm này không đòi hỏi đầu tư lớn về hạ tầng nhưng bước đầu mang lại hiệu quả rõ rệt trong tổ chức hoạt động.

Qua thực hiện, lượng tài liệu phải in, sao gửi được giảm đáng kể; thời gian phát hành, cập nhật và chia sẻ tài liệu được rút ngắn; việc lưu trữ, tìm kiếm và sử dụng lại tài liệu thuận lợi hơn. Cán bộ Chi hội có thể gửi tài liệu trước buổi sinh hoạt, cập nhật nội dung khi cần thiết và lưu trữ tập trung để sử dụng cho các lần sinh hoạt tiếp theo.

Đáng chú ý, các nhóm trực tuyến của Chi hội từng bước chuyển từ kênh thông báo đơn thuần thành kênh kết nối thường xuyên giữa cán bộ Hội và hội viên. Thông qua các nhóm này, Chi hội không chỉ chuyển tải chủ trương, thông tin hoạt động mà còn có thể khảo sát nhanh nhu cầu, tiếp nhận ý kiến, phản ánh của hội viên, chia sẻ tài liệu, tuyên truyền và tổ chức một số hoạt động tương tác.

Đây cũng là giải pháp phù hợp với đặc thù của một đô thị lớn, khi nhiều hội viên đi làm theo giờ hành chính, làm việc theo ca, kinh doanh, buôn bán hoặc có điều kiện thời gian khác nhau, khó tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt trực tiếp. Việc cung cấp tài liệu và thông tin trước, trong và sau buổi sinh hoạt giúp hội viên có thêm lựa chọn về thời gian tiếp cận, qua đó hạn chế tình trạng hội viên không tham dự trực tiếp thì hoàn toàn không nắm được nội dung hoạt động.

Một điểm đáng ghi nhận là chuyển đổi số đang góp phần thay đổi cách tổ chức sinh hoạt Chi hội: từ phương thức chủ yếu "họp – phổ biến – ghi chép" sang kết hợp trực tiếp và trực tuyến, cung cấp thông tin và tương tác nhiều chiều. Hội viên không chỉ tiếp nhận thông tin mà từng bước có điều kiện phản hồi, trao đổi và tham gia vào quá trình tổ chức hoạt động.

Từ thực tiễn này, Thành phố nhận thấy "sinh hoạt Chi hội không giấy" không nên hiểu đơn thuần là thay tài liệu giấy bằng tài liệu điện tử, mà cần hướng đến mục tiêu rộng hơn là đổi mới phương thức sinh hoạt, giảm việc hành chính, dành nhiều thời gian hơn cho tương tác, nắm bắt tâm tư và nhu cầu thực tế của hội viên.

3. Một số mô hình, cách làm tiêu biểu

Từ quá trình triển khai thực tế, Hội LHPN Thành phố bước đầu hình thành một số cách làm có tính thực tiễn, dễ áp dụng tại cơ sở và có khả năng nhân rộng trong toàn hệ thống:

3.1. Quản lý dữ liệu hội viên theo nguyên tắc "một hội viên - một hồ sơ dữ liệu"

Hội LHPN Thành phố xem đây là yêu cầu quan trọng để bảo đảm tính chính xác, thống nhất và có thể khai thác của dữ liệu hội viên.

Đối với trường hợp phát hiện trùng số CCCD hoặc có dấu hiệu trùng hồ sơ, cán bộ đầu mối thực hiện xác minh thông tin, phối hợp với các đơn vị liên quan để thống nhất xử lý, hạn chế tình trạng một hội viên được quản lý tại nhiều đơn vị hoặc phát sinh nhiều hồ sơ trên hệ thống.

Đồng thời, cơ sở Hội được yêu cầu **cập nhật biến động hội viên thường xuyên**, thực hiện ngay khi có thay đổi thay vì chờ đến các đợt tổng rà soát. Qua đó, dữ liệu từng bước được duy trì theo hướng **"đúng, đủ, sạch và cập nhật"**, phục vụ tốt hơn công tác quản lý và phát triển hội viên.

3.2. Nhóm hỗ trợ cán bộ phụ trách phần mềm

Một kinh nghiệm của Thành phố là không chỉ tập huấn một lần rồi giao cơ sở tự thực hiện, mà duy trì cơ chế hỗ trợ thường xuyên trong quá trình sử dụng. Để khi phát sinh lỗi hoặc khó khăn trong thao tác, cán bộ cơ sở có thể trao đổi trực tiếp, gửi hình ảnh hoặc mô tả tình huống để được hướng dẫn, xử lý kịp thời.

Những nội dung nhiều đơn vị cùng gặp được Thành phố tổng hợp, chuẩn hóa thành hướng dẫn ngắn theo từng bước, từng thao tác hoặc video clip, giúp cơ sở dễ thực hiện và hạn chế tình trạng mỗi nơi xử lý một cách khác nhau.

Cách làm này giúp chuyển từ phương thức "tập huấn tập trung" sang "hướng dẫn và đồng hành thường xuyên", phù hợp với thực tế kỹ năng số của cán bộ cơ sở không đồng đều.

3.3. Mô hình "Chi hội số - sinh hoạt không giấy"

Đối với cơ sở, Hội LHPN Thành phố xác định chuyển đổi số cần bắt đầu từ những công cụ đơn giản, quen thuộc, dễ sử dụng và không làm phát sinh nhiều chi phí.

Mô hình "Chi hội số – sinh hoạt không giấy" được triển khai theo hướng số hóa từng bước toàn bộ quy trình trước, trong và sau buổi sinh hoạt:

Trước buổi sinh hoạt: chương trình, tài liệu và những nội dung cần nghiên cứu được gửi qua nhóm Zalo hoặc cung cấp bằng mã QR để hội viên có thể chủ động tiếp cận trước.

Trong buổi sinh hoạt: tài liệu được trình chiếu hoặc truy cập bằng mã QR thay cho việc in phát toàn bộ; một số nội dung như điểm danh, khảo sát, lấy ý kiến được thực hiện bằng biểu mẫu điện tử.

Sau buổi sinh hoạt: biên bản, tài liệu, hình ảnh và các nội dung cần tiếp tục triển khai được lưu trữ trên kho dữ liệu điện tử và chia sẻ lại qua nhóm trực tuyến.

Điểm quan trọng là "không giấy" không có nghĩa là thay thế hoàn toàn sinh hoạt trực tiếp bằng hình thức trực tuyến, mà là số hóa từng khâu trong quy trình tổ chức sinh hoạt. Qua đó, giảm thời gian và chi phí hành chính, hạn chế in ấn, đồng thời tạo thêm kênh để hội viên tiếp cận thông tin và tương tác với Chi hội.

3.4. "Bình dân học vụ số" gắn với hoạt động Hội

Bên cạnh số hóa công tác quản lý và tổ chức hoạt động, Hội LHPN Thành phố xác định nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, hội viên là điều kiện để chuyển đổi số đi vào thực chất.

Thông qua các hoạt động hưởng ứng phong trào "Bình dân học vụ số", các cấp Hội tập trung hướng dẫn những kỹ năng thiết thực, gần với đời sống hằng ngày như sử dụng điện thoại thông minh, quét mã QR, truy cập và chia sẻ tài liệu trực tuyến, sử dụng dịch vụ công, thanh toán không dùng tiền mặt, bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện và phòng tránh các hình thức lừa đảo trên không gian mạng.

Đặc biệt, Thành phố khuyến khích phát huy vai trò của cán bộ Hội, hội viên nòng cốt, phụ nữ trẻ có kỹ năng công nghệ để hỗ trợ những hội viên còn hạn chế về kỹ năng số. Qua đó, việc phổ cập kỹ năng số được thực hiện theo hướng "người biết hướng dẫn người chưa biết, người sử dụng thành thạo hỗ trợ người còn khó khăn", tạo sự lan tỏa ngay từ cộng đồng.

4. Một số khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thực tiễn triển khai, Hội LHPN Thành phố nhận thấy quá trình chuyển đổi số trong quản lý hội viên và tổ chức hoạt động Hội vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục tháo gỡ:

Một là, dữ liệu hội viên biến động nhanh, khó duy trì tính cập nhật. Đặc biệt tại các địa bàn đô thị có đông phụ nữ tạm trú, lao động di cư, thường xuyên thay đổi nơi ở, nơi làm việc, nếu không có cơ chế rà soát, cập nhật thường xuyên thì dữ liệu dễ phát sinh chênh lệch so với thực tế.

Hai là, kỹ năng số của cán bộ Hội cơ sở chưa đồng đều. Đặc biệt, năng lực sử dụng công nghệ của đội ngũ Chi hội trưởng còn có sự khác biệt. Có nơi cán bộ sử dụng thành thạo các nền tảng số, nhưng cũng có nơi còn hạn chế về thao tác, thiết bị và kỹ năng xử lý dữ liệu. Vì vậy, việc triển khai chuyển đổi số tại Chi hội chưa thể áp dụng hoàn toàn đồng loạt mà cần có lộ trình và phương thức hỗ trợ phù hợp với từng địa bàn, từng nhóm cán bộ, hội viên.

Ba là, việc xử lý dữ liệu trùng số CCCD còn mất nhiều thời gian. Một số trường hợp nhập liệu trùng số CCCD vẫn phát sinh, ảnh hưởng đến tiến độ rà soát, chuẩn hóa dữ liệu. Việc xác minh, đối chiếu và xử lý hồ sơ trùng giữa các đơn vị hiện còn phải thực hiện qua nhiều bước và chủ yếu bằng phương thức thủ công.

Bốn là, yêu cầu về bảo mật và an toàn dữ liệu ngày càng cao. Khi ngày càng nhiều thông tin cá nhân của hội viên được số hóa, yêu cầu về bảo vệ dữ liệu, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập và bảo đảm an toàn thông tin trở nên quan trọng hơn. Trong khi đó, nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn dữ liệu của cán bộ tại một số cơ sở vẫn chưa đồng đều.

Năm là, chưa có bộ công cụ thống nhất phục vụ họp, sinh hoạt Chi hội theo hướng không giấy. Hiện nay, các đơn vị chủ yếu tận dụng những nền tảng sẵn có như Zalo, Google Forms, Google Drive, mã QR... nên cách thức tổ chức, biểu mẫu, lưu trữ và quản lý tài liệu còn khác nhau. Điều này dẫn đến mức độ đồng bộ và khả năng khai thác dữ liệu giữa các đơn vị chưa cao.

Sáu là, một số chức năng quản trị trên Phần mềm Quản lý cán bộ, hội viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý ở cấp Thành phố. Hiện nay, một số thao tác hỗ trợ tài khoản cấp xã như xử lý trường hợp quên mật khẩu, đưa mật khẩu về trạng thái mặc định vẫn phải đề nghị bộ phận kỹ thuật Trung ương hỗ trợ, làm giảm tính chủ động và kéo dài thời gian xử lý khi phát sinh tình huống.

5. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn triển khai, Hội LHPN Thành phố Hồ Chí Minh rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất, chuyển đổi số phải bắt đầu từ nhu cầu thực tế và những công việc cụ thể của cơ sở. Không chạy theo số lượng phần mềm hay hình thức, mà lựa chọn những giải pháp thực sự giúp cán bộ Hội giảm thời gian, giảm giấy tờ, thuận tiện hơn trong quản lý và tăng tương tác với hội viên.

Thứ hai, dữ liệu phải được xem là nền tảng của chuyển đổi số. Muốn khai thác hiệu quả thì trước hết dữ liệu phải được rà soát, làm sạch, chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên. Đồng thời, công cụ phải đơn giản, phù hợp với năng lực của cán bộ cơ sở và hội viên. Mục tiêu cuối cùng không phải là có thật nhiều dữ liệu trên phần mềm, mà là biến dữ liệu thành thông tin có giá trị phục vụ quản trị, chỉ đạo, tập hợp và phát triển hội viên.

Thứ ba, chuyển đổi số phải giúp "giảm việc", không tạo thêm việc. Một thông tin đã được cập nhật cần có khả năng tái sử dụng cho nhiều mục đích quản lý, thống kê, báo cáo và tổ chức hoạt động, hạn chế tình trạng cơ sở phải nhập lại hoặc cung cấp nhiều lần cùng một nội dung.

Thứ tư, phải có cơ chế đồng hành và hỗ trợ thường xuyên đối với cơ sở. Tập huấn một lần là chưa đủ; cần có hướng dẫn trực quan, ngắn gọn, theo từng thao tác và duy trì đầu mối hỗ trợ để cán bộ có thể được giải đáp kịp thời ngay trong quá trình sử dụng.

Thứ năm, chuyển đổi số phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, công tác kiểm tra và đánh giá thi đua. Khi chuyển đổi số trở thành một nội dung trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, sẽ tạo được sự quan tâm, trách nhiệm và chuyển biến đồng đều hơn giữa các đơn vị.

6. Giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

Trên cơ sở kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai, thời gian tới, Hội LHPN Thành phố Hồ Chí Minh xác định tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao chất lượng dữ liệu, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp Hội. Tiếp tục rà soát, làm sạch, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu cán bộ, hội viên; duy trì cơ chế theo dõi, đối soát định kỳ; gắn trách nhiệm của cán bộ phụ trách và người đứng đầu đơn vị với chất lượng, tính chính xác và tính cập nhật của dữ liệu.

Thứ hai, nâng chất mô hình "Cơ sở Hội số", "Chi hội số" theo hướng thiết thực, dễ làm và có khả năng nhân rộng. Tập trung trước vào những nội dung cơ sở có thể triển khai ngay như quản lý hội viên, cung cấp tài liệu bằng mã QR, tương tác qua nhóm trực tuyến, điểm danh và khảo sát điện tử, lưu trữ hồ sơ số; từng bước hình thành quy trình sinh hoạt Chi hội theo hướng trước – trong – sau đều có sự hỗ trợ của công nghệ số.

Thứ ba, số hóa nội dung sinh hoạt để hỗ trợ Chi hội trưởng. Nghiên cứu xây dựng kho tài liệu sinh hoạt Chi hội số theo từng chủ đề, gồm video ngắn, slide trình chiếu, infographic, câu hỏi tương tác và tài liệu tham khảo. Qua đó, giảm thời gian chuẩn bị nội dung, tạo sự thống nhất về thông tin và giúp Chi hội trưởng có thêm công cụ tổ chức sinh hoạt sinh động, phù hợp với từng nhóm hội viên.

Thứ tư, tiếp tục triển khai "Bình dân học vụ số" theo hướng cầm tay chỉ việc và lấy hội viên làm trung tâm. Phát huy vai trò của cán bộ trẻ, hội viên nòng cốt, phụ nữ có kỹ năng công nghệ để hỗ trợ những cán bộ, hội viên còn hạn chế về kỹ năng số; ưu tiên những kỹ năng gần với đời sống, giúp phụ nữ biết sử dụng, sử dụng an toàn và sử dụng có ích các tiện ích số.

Thứ năm, gắn chuyển đổi số với thi đua, kiểm tra và nhân rộng mô hình. Tiếp tục đưa chất lượng cập nhật dữ liệu hội viên, mức độ ứng dụng nền tảng số và kết quả thực hiện "Cơ sở Hội số", "Chi hội số" vào tiêu chí đánh giá phù hợp; đồng thời thường xuyên phát hiện, giới thiệu và nhân rộng những cách làm hiệu quả, không áp dụng máy móc mà lựa chọn giải pháp phù hợp với đặc điểm từng địa bàn và nhóm hội viên.

Thứ sáu, chuyển từ "có dữ liệu" sang "dùng dữ liệu để quản trị Hội". Từng bước khai thác dữ liệu để theo dõi cơ cấu, biến động hội viên, tỷ lệ tập hợp phụ nữ theo địa bàn, nhóm tuổi, nghề nghiệp và đối tượng; qua đó xác định những nhóm phụ nữ chưa được tập hợp hoặc có tỷ lệ tập hợp thấp, giúp cơ sở lựa chọn đúng đối tượng, đúng phương thức và đúng nhu cầu trong công tác vận động, tập hợp và phát triển hội viên.

7. Một số đề xuất, kiến nghị với Trung ương Hội

Từ thực tiễn triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội LHPN Thành phố trân trọng đề xuất Trung ương Hội quan tâm nghiên cứu, hỗ trợ một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện Phần mềm Quản lý cán bộ, hội viên theo hướng ổn định, thân thiện, dễ sử dụng, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; tối ưu các thao tác, hạn chế nhập liệu trùng lặp và tăng khả năng khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, thống kê và chỉ đạo, điều hành.

Hai là, nghiên cứu khả năng kết nối, đối soát với các cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định, nhằm hỗ trợ xác minh, cập nhật thông tin hội viên, nhất là tại các đô thị có dân cư biến động lớn. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung chức năng quản lý biến động hội viên theo hướng liên thông giữa các đơn vị: khi hội viên chuyển địa bàn, tài khoản cấp xã nơi hội viên chuyển đi có thể thực hiện thao tác chuyển hồ sơ đến đơn vị nơi hội viên chuyển đến.

Ba là, nghiên cứu xây dựng bộ công cụ mẫu phục vụ mô hình "Chi hội số – sinh hoạt không giấy". Bộ công cụ có thể gồm mã QR tài liệu, biểu mẫu điểm danh, khảo sát trực tuyến, mẫu lưu trữ hồ sơ số và hướng dẫn quy trình thực hiện trước, trong và sau buổi sinh hoạt. Việc có bộ công cụ dùng chung sẽ giúp cơ sở dễ triển khai, dễ nhân rộng và hạn chế mỗi nơi thực hiện một cách khác nhau.

Bốn là, xây dựng kho tài liệu sinh hoạt Chi hội số dùng chung. Đề nghị Trung ương Hội nghiên cứu xây dựng thư viện điện tử theo từng chủ đề, gồm video ngắn, slide, infographic, câu hỏi tương tác và tài liệu tham khảo, để Chi hội trưởng có thể lựa chọn và sử dụng ngay. Đây sẽ là nguồn nội dung quan trọng giúp giảm thời gian chuẩn bị của cán bộ cơ sở, đồng thời nâng cao chất lượng và tính thống nhất của sinh hoạt Chi hội.

Năm là, tăng cường hướng dẫn về kỹ năng số, bảo mật và an toàn dữ liệu. Tiếp tục xây dựng các tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, trực quan, dễ thực hiện; tổ chức tập huấn theo nhiều hình thức, phù hợp với từng nhóm cán bộ, nhất là cán bộ trực tiếp quản lý dữ liệu tại cơ sở.

Sáu là, nghiên cứu mở rộng phân cấp, phân quyền phù hợp đối với tài khoản cấp tỉnh trên Phần mềm Quản lý cán bộ, hội viên. Trước hết, xem xét bổ sung một số chức năng phục vụ quản trị và hỗ trợ cơ sở như đặt lại mật khẩu, khóa/mở tài khoản cấp cơ sở; hỗ trợ xử lý, rà soát, làm sạch dữ liệu hội viên; cho phép điều chỉnh hoặc xử lý dữ liệu theo nhóm trong phạm vi được phân quyền.

Kính thưa các đồng chí!

Từ thực tiễn triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội LHPN Thành phố nhận thấy hiệu quả của chuyển đổi số trong hoạt động Hội cần được đo bằng những thay đổi cụ thể: dữ liệu hội viên có chính xác, đầy đủ và được cập nhật hơn không; cán bộ cơ sở có giảm được thời gian, thủ tục hành chính không; công tác chỉ đạo, điều hành có nhanh, kịp thời và sát thực tiễn hơn không; và quan trọng nhất, hội viên có được kết nối, tương tác và phục vụ tốt hơn không.

Nếu giải quyết được những vấn đề đó, chuyển đổi số sẽ không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ, mà sẽ thực sự trở thành một phương thức quản trị mới của tổ chức Hội – giúp Hội nắm chắc hội viên hơn, hiểu đúng nhu cầu của phụ nữ hơn, tổ chức hoạt động thiết thực hơn và phục vụ hội viên hiệu quả hơn.

Đó cũng là hướng mà Hội LHPN Thành phố Hồ Chí Minh xác định trong thời gian tới: lấy dữ liệu làm nền tảng, lấy cán bộ và hội viên làm trung tâm, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo của chuyển đổi số.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí!

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH SỐ HÓA DỮ LIỆU HỘI VIÊN VÀ ỨNG DỤNG HỌP/SINH HOẠT CHI HỘI KHÔNG GIẤY TỜ TRÊN NỀN TẢNG SỐ

Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý đại biểu!

Kính thưa Hội thảo!

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển đất nước, việc đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội là yêu cầu tất yếu. Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long xác định chuyển đổi số không đơn thuần là đưa công nghệ vào thay thế một số công việc thủ công, mà quan trọng hơn là thay đổi phương thức quản trị, phương thức nắm hội viên, phương thức tổ chức hoạt động và cách thức phục vụ hội viên, phụ nữ.

Với số lượng hội viên lớn, tổ chức Hội rộng khắp đến xã, phường, chi hội, Hội LHPN tỉnh tập trung xây dựng quản trị dựa trên dữ liệu, giảm giấy tờ và tăng cường hoạt động trên môi trường số, góp phần thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong hệ thống Hội.

Tại Hội thảo hôm nay, Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long xin chia sẻ một số mô hình, cách làm của các cấp Hội trong số hóa dữ liệu hội viên và ứng dụng họp, sinh hoạt Chi hội không giấy trên nền tảng số, qua đó góp phần đổi mới phương thức hoạt động Hội, nâng cao chất lượng quản trị và phục vụ hội viên.

Kính thưa quý đại biểu!

Đối với triển khai mô hình số hóa dữ liệu hội viên. Hiện toàn tỉnh có trên 522.000 hội viên, sinh hoạt tại 1.541 chi hội thuộc 124 xã, phường. Với quy mô hội viên lớn như vậy, nếu tiếp tục quản lý chủ yếu bằng sổ sách, biểu mẫu giấy hoặc các bảng tổng hợp riêng lẻ thì việc cập nhật, rà soát, điều chỉnh thông tin sẽ mất nhiều thời gian, khó bảo đảm tính thống nhất và đặc biệt khó khai thác dữ liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Từ đó, Hội xác định dữ liệu hội viên không chỉ là một danh sách để phục vụ thống kê, mà phải trở thành "nguồn tài nguyên" của tổ chức Hội". Theo đó, Hội LHPN tỉnh chỉ đạo Hội LHPN các xã, phường rà soát, đối chiếu thông tin hội viên thực tế với dữ liệu trên Phần mềm Quản lý cán bộ - hội viên; cập nhật, bổ sung các trường thông tin còn thiếu; đồng thời xử lý những trường hợp trùng lặp, sai thông tin hoặc chưa được phân bổ đúng chi hội. Đến nay, đã có 517.852/522.004 hội viên được cập nhật thông tin đầy đủ, đạt 99,20%. Trong đó, có 119/124 đơn vị đạt từ 90% đến 100%, riêng 91 đơn vị

đã hoàn thành 100%. Hiện còn 04 đơn vị có tỷ lệ cập nhật dưới 90%[4]. Điều đó cho thấy không nên chờ dữ liệu hoàn hảo mới bắt đầu sử dụng; vừa làm sạch dữ liệu, vừa khai thác dữ liệu, vừa phát hiện lỗi để tiếp tục hoàn thiện.

Để dữ liệu hội viên đúng, đủ, sạch và được cập nhật thường xuyên, Hội LHPN tỉnh xác định rõ: số hóa dữ liệu không phải là nhiệm vụ riêng của cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, mà là trách nhiệm của từng cấp Hội, từng cán bộ Hội, trong đó cấp cơ sở giữ vai trò trực tiếp rà soát, cập nhật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin hội viên.

Trên cơ sở đó, Hội LHPN tỉnh tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, theo dõi và đôn đốc Hội LHPN các xã, phường thực hiện rà soát, đối chiếu dữ liệu hội viên trên Phần mềm Quản lý cán bộ - hội viên với tình hình thực tế tại cơ sở; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh, nhất là tại các đơn vị có tỷ lệ cập nhật còn thấp. Đặc biệt, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, việc quản lý dữ liệu hội viên đặt ra yêu cầu cao hơn, không chỉ cập nhật thông tin cá nhân mà còn phải đồng bộ giữa dữ liệu hội viên với cơ cấu tổ chức Hội và đơn vị hành chính mới. Hội LHPN tỉnh đã tập trung hỗ trợ cơ sở thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: sắp xếp, điều chỉnh chi hội, tổ hội sau sáp nhập ấp, khóm, khu phố; làm sạch dữ liệu hội viên; điều chuyển dữ liệu về đúng tài khoản, đúng đơn vị hành chính; kết thúc hoạt động các xã, phường đã sáp nhập trên phần mềm và phối hợp đề nghị Trung ương Hội đóng tài khoản đối với các đơn vị không còn hoạt động.

Kính thưa quý đại biểu!

Đối với mô hình "Họp, sinh hoạt Chi hội không giấy", Hội LHPN tỉnh xác định "không giấy" không có nghĩa là loại bỏ hoàn toàn giấy tờ, mà là giảm tối đa việc sử dụng giấy đối với những nội dung có thể chia sẻ, khai thác và lưu trữ trên môi trường số, phù hợp với điều kiện tiếp cận công nghệ của cán bộ, hội viên. Theo đó, trước mỗi cuộc họp, chi hội trưởng gửi thông báo, chương trình và tài liệu qua Zalo hoặc nền tảng số phù hợp để hội viên nghiên cứu trước. Cách làm này giúp giảm giấy tờ, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao tính chủ động trong điều hành và từng bước hình thành thói quen sử dụng công nghệ số trong cán bộ, hội viên, phụ nữ.

Bên cạnh đó, các cấp Hội đã triển khai nhiều mô hình sáng tạo, phù hợp với thực tiễn, tiêu biểu:

(1) Mô hình "Ban Chấp hành thời đại số" của Hội LHPN xã Trà Ôn và Vĩnh Thành, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, trao đổi thông tin và tổ chức hoạt động Hội. Qua đó, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao

[4] *(xã Hòa Hiệp 69,78%; xã Tam Bình 84,03%; phường Duyên Hải 84,38%; phường Bến Tre 87,78%)*

hiệu quả quản lý hội viên và hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện trong bối cảnh chuyển đổi số;

(2) Mô hình "Chi hội số" ở nhiều xã/phường đã tạo phương thức sinh hoạt, kết nối linh hoạt, nhất là đối với hội viên, phụ nữ đi làm ăn xa; góp phần duy trì mối liên hệ và mở rộng khả năng tập hợp phụ nữ, thu hút phụ nữ tham gia sinh hoạt, khắc phục hạn chế về thời gian và khoảng cách địa lý.

(3) Mô hình "Tập hợp phụ nữ trên không gian mạng" của Hội LHPN xã Vinh Kim đã thông qua mạng xã hội và các nhóm trực tuyến để tuyên truyền, chia sẻ thông tin, kiến thức, kinh nghiệm; qua đó thu hút phụ nữ, nhất là phụ nữ trẻ và phụ nữ ít có điều kiện sinh hoạt trực tiếp.

(4) Mô hình "Nhóm Zalo hội viên làm ăn xa" và Hộp thư điện tử "LẮNG NGHE TIẾNG NÓI PHỤ NỮ" của Hội LHPN xã Phước Mỹ Trung, giúp duy trì kết nối với hội viên đi làm xa, cung cấp thông tin, vận động tham gia hoạt động Hội và tiếp nhận tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của phụ nữ.

Qua các mô hình cho thấy, giá trị của chuyển đổi số không nằm ở việc sử dụng bao nhiêu công nghệ, mà ở việc công nghệ có giúp Hội hoạt động hiệu quả hơn, gần hội viên hơn và phục vụ phụ nữ tốt hơn hay không.

Kính thưa quý đại biểu!

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn:

- *Một là,* kỹ năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ Hội và hội viên, phụ nữ cưa đồng đều, nhất là phụ nữ lớn tuổi, phụ nữ ở địa bàn khó khăn; tâm lý e ngại công nghệ và lo lắng về an toàn thông tin vẫn còn.

- *Hai là,* một số đơn vị mới dừng ở việc chuyển tài liệu giấy sang điện tử, chưa thực sự xây dựng được quy trình làm việc trên môi trường số nên tiết kiệm được thời gian và hiệu quả, chất lượng công việc như mong muốn.

- *Ba là,* dữ liệu hội viên chưa được khai thác đầy đủ nên dẫn đến việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu ở một số cơ sở chưa đồng bộ; dữ liệu chưa thực sự trở thành công cụ phục vụ lãnh đạo, điều hành và xác định đúng nhóm phụ nữ cần hỗ trợ.

- *Bốn là,* mô hình "Chi hội số" hoạt động trên môi trường số chưa đồng đều, mặc dù có tổ chức sinh hoạt trực tuyến, tập hợp phụ nữ trên không gian mạng đã được triển khai nhưng chưa thường xuyên; nội dung truyền thông chưa đôi lúc còn một chiều, tính tương tác chưa cao.

- *Năm là*, ứng dụng số trong phát triển kinh tế còn hạn chế, một số mô hình kinh doanh trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá và tiêu thụ sản

phẩm trên nền tảng số đã hình thành nhưng quy mô còn nhỏ; khả năng khai thác thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường của phụ nữ chưa đồng đều.

Kính thưa quý đại biểu!

Từ thực tiễn triển khai, Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long rút ra một số giải pháp:

- *Một là, chuyển từ "số hóa công việc" sang "đổi mới phương thức hoạt động bằng dữ liệu và công nghệ số".* Dữ liệu hội viên phải bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống và khai thác được", được cập nhật thường xuyên để phục vụ quản lý, chăm lo, hỗ trợ và tập hợp phụ nữ; đồng thời rà soát quy trình để giảm các khâu trung gian, công việc lặp lại.

- *Hai là, lấy cán bộ Hội làm hạt nhân, lấy hội viên, phụ nữ làm trung tâm.* Mỗi cán bộ Hội cần chủ động nâng cao năng lực số, trở thành người hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ sử dụng công nghệ an toàn, hiệu quả; xây dựng lực lượng "nòng cốt số" tại cơ sở.

- *Ba là, hoàn thiện và nhân rộng mô hình "Chi hội số", "Chi hội không giấy" theo hướng dễ làm, dễ sử dụng, dễ nhân rộng.* Căn cứ điều kiện từng địa bàn để lựa chọn mức độ số hóa phù hợp, bắt đầu từ những việc thiết thực như thông báo, gửi tài liệu, lấy ý kiến, điểm danh và từng bước mở rộng sang sinh hoạt, tương tác trên nền tảng số.

- *Bốn là, khai thác dữ liệu hội viên để quản lý theo nhu cầu.* Từ dữ liệu xác định đúng nhóm phụ nữ cần hỗ trợ về vốn, sinh kế, việc làm, học nghề, kỹ năng số và những nhóm ít tham gia hoạt động Hội; qua đó chuyển từ "tổ chức hoạt động để hội viên tham gia" sang "tổ chức hoạt động từ nhu cầu của hội viên, phụ nữ".

- *Năm là, đổi mới truyền thông và hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế trên không gian số.* Tăng cường các sản phẩm ngắn, trực quan, dễ chia sẻ; tạo kênh để phụ nữ phản hồi, tương tác. Đồng thời hướng dẫn phụ nữ thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và khai thác thương mại điện tử.

- *Sáu là, bảo đảm an toàn thông tin và đánh giá hiệu quả thực chất.* Tăng cường tập huấn bảo vệ dữ liệu hội viên, bảo mật tài khoản, nhận diện tin giả, lừa đảo trên mạng; đồng thời đánh giá chuyển đổi số bằng kết quả cụ thể như giảm thời gian, giảm chi phí, tăng sự tham gia của hội viên và nâng cao hiệu quả phục vụ phụ nữ. Kịp thời biểu dương, tổng kết và nhân rộng những mô hình hiệu quả, gắn với thực hiện "Bình dân học vụ số" trong hệ thống Hội.

Kính thưa quý đại biểu!

Để việc chuyển đổi số trong hệ thống Hội được thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn, Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long đề xuất:

- Đối với Trung ương Hội: Tiếp tục hoàn thiện nền tảng số và hệ thống cơ sở dữ liệu hội viên thống nhất trong toàn hệ thống, bảo đảm kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả; đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ Hội và xây dựng mạng lưới cán bộ, hội viên nòng cốt hỗ trợ kỹ thuật tại cơ sở.

- Đối với cấp ủy, chính quyền các cấp: Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng, thiết bị, phần mềm và các điều kiện bảo đảm an toàn thông tin, tạo môi trường thuận lợi để tổ chức Hội chuyển đổi số thực chất và bền vững.

Kính thưa quý đại biểu!

Từ thực tiễn triển khai tại tỉnh Vĩnh Long, chúng tôi nhận thức rõ rằng: chuyển đổi số trong tổ chức Hội không phải là đưa thêm bao nhiêu công nghệ vào hoạt động, mà là làm thế nào để công nghệ giúp Hội làm việc hiệu quả hơn, quản lý tốt hơn, kết nối gần hơn và chăm lo tốt hơn cho hội viên, phụ nữ. Đó cũng chính là mục tiêu và giá trị cốt lõi mà Hội LHPN tỉnh Vĩnh Long hướng đến trong quá trình chuyển đổi số.

CHUYỂN ĐỔI SỐ: TỪ CHUẨN HÓA DỮ LIỆU HỘI VIÊN ĐẾN ĐỔI MỚI SINH HOẠT HỘI TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Hội LHPN thành phố Hải Phòng

Chuyển đổi số đang trở thành yêu cầu tất yếu trong đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức hoạt động của các cấp Hội. Đối với tổ chức Hội, chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, điều hành mà quan trọng hơn là tạo ra phương thức mới để tập hợp, thu hút hội viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và phát huy vai trò chủ động của hội viên, phụ nữ.

Trong quá trình đó, dữ liệu hội viên giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Dữ liệu đầy đủ, chính xác và được cập nhật thường xuyên sẽ giúp tổ chức Hội nắm chắc số lượng, đặc điểm, cơ cấu và tình hình hội viên; từ đó có cơ sở xây dựng nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

Từ thực tiễn triển khai công tác Hội tại địa phương, Hội LHPN thành phố Hải Phòng xác định: chuẩn hóa dữ liệu hội viên không phải là đích đến của chuyển đổi số, mà là nền tảng để đổi mới phương thức hoạt động Hội**.** Trên cơ sở đó, Hội tập trung thực hiện việc chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu hội viên, đồng thời từng bước khai thác dữ liệu để đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, tăng cường tương tác và gắn kết hội viên với tổ chức Hội.

*** Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu hội viên**

Thực tiễn cho thấy, khối lượng dữ liệu hội viên lớn, thông tin biến động thường xuyên, địa bàn rộng là những yếu tố khó khăn đối với công tác chuẩn hóa dữ liệu. Để hoàn thành nhiệm vụ, Hội LHPN thành phố Hải Phòng xác định rõ phương châm: quyết liệt trong chỉ đạo, cụ thể trong giao nhiệm vụ, thường xuyên trong kiểm tra, linh hoạt trong tổ chức thực hiện và lấy chất lượng dữ liệu làm thước đo kết quả**.**

Trước hết, Ban Thường vụ Hội LHPN Hải Phòng xác định rõ vai trò của người đứng đầu và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị; thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện. Việc kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên, không chỉ tập trung vào thời điểm cuối kỳ, qua đó giúp cơ sở chủ động xử lý công việc và kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh. Thời kỳ cao điểm, cần tập trung nguồn lực để hoàn thành tiến độ, Hội LHPN thành phố đã phối hợp với cấp ủy, Ủy ban MTTQ Việt Nam các địa phương để chỉ đạo quyết liệt công tác làm sạch dữ liệu hội viên hoàn thành đúng tiến độ. Đối với các

đơn vị tiến độ chậm, Ban Thường vụ tổ chức làm việc trực tiếp, yêu cầu xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp và cam kết thời gian hoàn thành; đồng thời biểu dương các đơn vị hoàn thành sớm.

Thứ hai, giao chỉ tiêu và thời hạn hoàn thành cụ thể. Việc xác định rõ khối lượng dữ liệu cần hoàn thành theo từng giai đoạn, gắn với mốc thời gian cụ thể giúp các đơn vị nắm chắc nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và tạo động lực hoàn thành tiến độ. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, để công tác chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu hội viên được triển khai đồng bộ, hiệu quả, cần xác định rõ chỉ tiêu, tiến độ, thời hạn hoàn thành và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện tại các đơn vị. Nếu không nhiệm vụ dễ bị xem nhẹ, dẫn đến tiến độ và chất lượng thực hiện không đồng đều giữa các đơn vị.

Thứ ba, phát huy hiệu quả phối hợp với lực lượng Công an trong thực hiện Đề án 06. Hội LHPN thành phố đã chủ động tham mưu đề nghị UBND cấp xã chỉ đạo Công an cơ sở phối hợp với Hội Phụ nữ trong đối chiếu, xác nhận số căn cước công dân của hội viên. Các cơ sở Hội tập trung nguồn lực, phối hợp rà soát, đối chiếu và bổ sung thông tin còn thiếu, góp phần nâng cao độ chính xác của dữ liệu hội viên.

Thứ tư, tăng cường hỗ trợ cơ sở trong suốt quá trình thực hiện. Hội LHPN thành phố tổ chức tập huấn, duy trì nhóm zalo hỗ trợ nghiệp vụ, cung cấp đầu mối cán bộ phụ trách để cơ sở có thể trao đổi và xử lý khó khăn trực tiếp. Những lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng phần mềm được tổng hợp, phản ánh và hướng dẫn xử lý kịp thời.

Thứ năm, phát huy tinh thần trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ cơ sở. Trong những thời điểm hệ thống có lượng truy cập lớn, phần mềm hoạt động chậm, nhiều cán bộ Hội đã chủ động huy động lực lượng, bố trí thời gian ngoài giờ hành chính, tranh thủ thời điểm hệ thống ổn định để hoàn thành khối lượng dữ liệu lớn. Điều này cho thấy công nghệ là công cụ, còn sự kiên trì, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội vẫn là yếu tố quyết định kết quả chuyển đổi số ở cơ sở.

Với cách làm quyết liệt, đồng bộ, đến ngày 07/5/2026, Hải Phòng đã hoàn thành chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu hội viên trên phần mềm đạt 99,94%, thuộc nhóm các địa phương có kết quả cao. Đây là kết quả có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự vào cuộc của các cấp Hội và sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ Hội cơ sở.

*** Từ chuẩn hóa dữ liệu hội viên đến đổi mới sinh hoạt hội trong thời đại số**

Nếu chuẩn hóa dữ liệu chỉ dừng lại ở việc hoàn thành một chỉ tiêu thì giá trị của dữ liệu chưa được phát huy đầy đủ. Vấn đề đặt ra là phải khai thác dữ liệu để phục vụ công tác Hội, biến dữ liệu thành cơ sở để tổ chức các hoạt động thiết thực hơn, sát với hội viên hơn. Sau khi chuẩn hóa dữ liệu hội viên, các cấp Hội có dữ liệu để phân loại nhóm đối tượng hội viên và đặc điểm, nhu cầu khác nhau của từng nhóm đối tượng. Đây là cơ sở quan trọng để lựa chọn nội dung tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ và tổ chức sinh hoạt phù hợp.

Thực tế cho thấy, hội viên không phải là một nhóm đồng nhất. Hội viên trẻ có nhu cầu khác với hội viên cao tuổi; phụ nữ kinh doanh có nhu cầu khác với phụ nữ làm việc trong doanh nghiệp; phụ nữ ở khu vực đô thị có điều kiện tiếp cận công nghệ khác với phụ nữ ở khu vực nông thôn. Vì vậy, đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt hội trong thời đại số trước hết phải bắt đầu từ việc hiểu hội viên và nắm bắt sự khác biệt về nhu cầu của hội viên, từng bước ứng dụng nền tảng số vào hoạt động của chi hội, theo hướng thiết thực, hấp dẫn, dễ tiếp cận và phù hợp với nhu cầu của hội viên trong thời đại số.

Để tạo nền tảng cho cơ sở triển khai thống nhất, Hội LHPN thành phố đã tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ hội cơ sở và chi hội trưởng của 114/114 xã, phường, đặc khu về chuyên đề *"Sinh hoạt hội viên trong thời đại số"*. Lớp tập huấn không chỉ thay đổi nhận thức về sự cần thiết phải đổi mới phương thức sinh hoạt mà còn hướng dẫn những cách làm cụ thể để chi hội trưởng có thể ứng dụng ngay tại đơn vị, từng bước chuyển từ phương thức sinh hoạt truyền thống sang phương thức sinh hoạt có sự hỗ trợ của công nghệ số.

Hội LHPN Hải Phòng không chỉ triển khai nội dung theo hình thức tuyên truyền, phổ biến một chiều, mà còn nghiên cứu xây dựng các tài liệu sinh hoạt hội viên theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tương tác và tăng tính chủ động của hội viên. Các nội dung trọng tâm của công tác Hội như tìm hiểu Nghị quyết Đại hội Phụ nữ các cấp, phong trào thi đua, cuộc vận động, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và những nội dung cần tuyên truyền trong từng thời điểm được chuyển thành các câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tương tác và trò chơi tìm hiểu trên nền tảng số.

Việc sử dụng các phần mềm như Quizizz, Kahoot, Google form… để thiết kế trò chơi, câu hỏi trắc nghiệm giúp nội dung sinh hoạt trở nên sinh động hơn, tạo không khí tương tác và khuyến khích hội viên chủ động tham gia. Thay vì nghe phổ biến toàn bộ nội dung, hội viên có thể cùng trả lời câu hỏi, lựa chọn đáp án, kiểm tra kết quả và qua đó ghi nhớ những nội dung cốt lõi. Qua đó, giúp cơ sở chuyển những nội dung chính trị, nghị quyết, nhiệm vụ công tác Hội thành hình thức sinh hoạt hội gần gũi, sôi nổi hơn với hội viên.

Đồng thời, Hội LHPN thành phố triển khai là xây dựng tài khoản gmail dùng chung để lưu trữ và chia sẻ tài liệu sinh hoạt hội viên. Các tài liệu do Hội LHPN thành phố xây dựng được tập hợp, phân loại và đưa lên gmail chung để cán bộ Hội cơ sở có thể chủ động truy cập, lựa chọn nội dung phù hợp với từng nhóm hội viên, từng thời điểm và điều kiện thực tế của địa bàn để sử dụng trong các buổi sinh hoạt chi hội. Cách làm này góp phần hình thành kho tài liệu số sử dụng chung trong hệ thống Hội, hạn chế việc mỗi cơ sở phải tự xây dựng lại nội dung từ đầu, đồng thời tạo sự thống nhất về nội dung tuyên truyền, giáo dục và triển khai các nhiệm vụ của Hội.

Tuy nhiên, một buổi sinh hoạt có thể kết hợp nhiều hình thức: giới thiệu ngắn một nội dung trọng tâm, sử dụng mã QR hoặc đường dẫn để hội viên tiếp cận tài liệu, tổ chức trò chơi hoặc trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên điện thoại, trao đổi và thảo luận trực tiếp. Như vậy, công nghệ số được sử dụng như một công cụ hỗ trợ cán bộ chi hội tổ chức sinh hoạt, chứ không thay thế sự tương tác trực tiếp giữa hội viên với tổ chức Hội.

Qua triển khai thực tế, cách làm này bước đầu tạo sự chuyển biến trong nhận thức và kỹ năng của đội ngũ chi hội trưởng về tổ chức sinh hoạt hội viên trong thời đại số. Quan trọng hơn, cán bộ cơ sở có thêm nguồn tài liệu, công cụ và phương pháp để chủ động đổi mới nội dung sinh hoạt; còn hội viên được tiếp cận thông tin của Hội theo hình thức trực quan, sinh động và thuận tiện hơn.

Hội LHPN Hải Phòng xác định đổi mới sinh hoạt hội viên trong thời đại số cần được thực hiện theo hướng "dễ tiếp cận - dễ sử dụng - dễ tương tác - dễ nhân rộng". Chuyển đổi số trong sinh hoạt Hội không nhất thiết phải bắt đầu bằng những ứng dụng phức tạp mà có thể bắt đầu từ những công cụ quen thuộc, phù hợp với điều kiện cơ sở, nhưng tạo ra sự thay đổi rõ rệt về phương pháp tổ chức hoạt động.

Từ thực tiễn triển khai, Hội LHPN Hải Phòng có thể rút ra một số bài học:

Một là, chuẩn hóa dữ liệu hội viên phải được xác định là nhiệm vụ nền tảng, thường xuyên của công tác Hội; cần gắn trách nhiệm của từng cấp Hội, từng cán bộ và từng đơn vị.

Hai là, phải thực hiện theo phương châm rõ mục tiêu, rõ chỉ tiêu, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và thường xuyên kiểm tra, giám sát. Đây là yếu tố quan trọng để tạo sự chuyển biến đồng đều và bền vững.

Ba là, phải chuyển từ tư duy "làm sạch dữ liệu" sang "khai thác dữ liệu". Dữ liệu sau khi chuẩn hóa cần được sử dụng để phục vụ công tác quản lý, nắm bắt

đặc điểm, nhu cầu từng nhóm đối tượng hội viên để tổ chức hoạt động Hội phù hợp.

Bốn là, chuyển đổi số trong sinh hoạt Hội phải lấy hội viên làm trung tâm. Công nghệ chỉ là phương tiện; hiệu quả thực sự được đo bằng sự tham gia và mức độ gắn bó của hội viên với tổ chức Hội.

Với phương châm lấy hội viên làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng và công nghệ làm công cụ hỗ trợ, Hội LHPN thành phố Hải Phòng tiếp tục duy trì dữ liệu hội viên theo hướng "đúng - đủ - sạch - sống", đồng thời từng bước khai thác hiệu quả dữ liệu và nền tảng số để đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, góp phần xây dựng tổ chức Hội ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, gần hội viên và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI PHONG TRÀO "BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ" GẮN VỚI PHONG TRÀO "XÂY DỰNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM THỜI ĐẠI MỚI" TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

Hội LHPN thành phố Huế

Kính thưa quý vị đại biểu, cùng toàn thể hội nghị!

Trước hết, thay mặt Ban Thường vụ Hội LHPN thành phố, xin trân trọng cảm ơn Ban Thường vụ Hội LHPN Việt Nam đã chủ trì Hội thảo *"Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội - giải pháp đổi mới phương thức hoạt động Hội, góp phần thúc đẩy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW"*; tạo cơ hội để Hội LHPN các tỉnh, thành cùng trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm, cách làm từ thực tiễn, góp phần thực hiện tốt hơn công tác chuyển đổi số trong hệ thống Hội trong thời gian tới.

Kính thưa Hội nghị !

Chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện của hạ tầng công nghệ hay phần mềm hiện đại, mà quan trọng hơn hết là câu chuyện về con người và kỹ năng số. Nhìn từ thực tiễn thành phố Huế - một địa phương tiên phong về đô thị thông minh, phát triển dựa trên nền tảng Hue-S, chúng tôi càng nhận thức rõ: Muốn chuyển đổi số thành công thì phải bắt đầu từ cấp cơ sở, từ từng hộ gia đình và từng hội viên, phụ nữ.

Hưởng ứng phong trào "Bình dân học vụ số" do Chính phủ phát động, với tinh thần "toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau", Hội LHPN thành phố Huế đã triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với phong trào "Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới" đến toàn thể các cấp Hội trong địa bàn thành phố. Hôm nay, tôi xin đại diện chia sẻ một số kinh nghiệm thực tiễn trong việc triển phong trào này.

Kính thưa Hội nghị!

Tại địa bàn thành phố Huế, phong trào "Bình dân học vụ" được Hội LHPN thành phố phối hợp chặt chẽ cùng các cấp, các ngành triển khai mạnh mẽ. Việc lồng ghép "Bình dân học vụ số" với phong trào thi đua "Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới" (có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội) đã tạo ra lực đẩy kép, giúp chị em phụ nữ Huế làm chủ công nghệ, nâng cao chất lượng cuộc sống và khẳng định vị thế trong thời đại mới.

Huế là trung tâm văn hóa, giáo dục và khoa học - công nghệ của khu vực, đồng thời là địa phương tiên phong trong xây dựng chính quyền số với ứng dụng tiêu biểu Hue-S. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp cận làn sóng chuyển đổi số, lực lượng hội viên phụ nữ vẫn đối mặt với không ít rào cản như sự chênh lệch về kỹ

năng và tâm lý e ngại công nghệ, nhất là ở nhóm phụ nữ trung niên, phụ nữ vùng ven, bán sơn địa và vùng biển. Việc thao tác trên smartphone, cài đặt phần mềm hay tra cứu thông tin còn nhiều ngập ngừng; Tình trạng lừa đảo qua mạng, đánh cắp thông tin cá nhân và tin giả diễn biến phức tạp, trong đó phụ nữ thường là đối tượng dễ bị tổn thương do thiếu kỹ năng nhận biết và phòng ngừa trên không gian mạng; Việc dung hòa giữa chăm sóc gia đình, công việc thu nhập và dành thời gian tự học kỹ năng số là một bài toán khó với đa số chị em.

Nhận thức rõ những điểm nghẽn này, các cấp Hội LHPN Huế đã xác định: Muốn phụ nữ phát triển toàn diện trong thời đại mới, phải bắt đầu từ việc xóa "mù công nghệ", biến công nghệ thành công cụ đắc lực phục vụ cho chính cuộc sống hằng ngày của họ.

Trong thời gian qua, hội viên phụ nữ đã phát huy phương châm "Đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người", tận dụng sự khéo léo, kiên trì, chị em không tổ chức lớp học cứng nhắc mà hướng dẫn thực hành theo nhóm nhỏ, nhóm sinh hoạt chi hội, hoặc đến tận nhà hội viên phụ nữ vào buổi tối để thực hành tại chỗ. Cách làm "cầm tay chỉ việc" giúp xóa bỏ tâm lý e ngại công nghệ của người lớn tuổi và phụ nữ yếu thế, giúp chị em thao tác từ những việc đơn giản nhất như tải ứng dụng đến việc tự bảo vệ thông tin, tài khoản cá nhân.

Ban Thường vụ Hội LHPN Huế đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức hơn **70** lớp tập huấn, truyền thông cho đội ngũ cán bộ, hội viên với hơn **4.000** lượt tham dự các nội dung cốt lõi như: Làm chủ ứng dụng Hue-S, hướng dẫn hội viên gửi phản ánh hiện trường về môi trường, an ninh trật tự, đô thị; tra cứu thông tin quy hoạch, lịch cúp điện, cảnh báo thiên tai, mưa lũ; Hướng dẫn chị em nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua Cổng dịch vụ công (đăng ký khai sinh, xác nhận cư trú, dịch vụ y tế, bảo hiểm), kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2, giúp tiết kiệm tối đa thời gian, chi phí đi lại.

Việc ứng dụng AI và Công nghệ số trong tuyên truyền, sản xuất và quảng bá sản phẩm đặc sản của Huế là bước tiến đột phá, thể hiện tinh thần "có tri thức, có trách nhiệm" của người phụ nữ Huế thời đại mới. Cán bộ Hội đã sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) cơ bản (ChatGPT, Canva, CapCut AI...) để thiết kế, đăng tải hơn **800** poster, dựng video ngắn truyền thông về phòng chống bạo lực gia đình, xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, giới thiệu nét đẹp văn hóa di sản Huế một cách sinh động, thu hút giới trẻ.

Chú trọng nâng cao năng lực kinh tế cho hơn **1.200** phụ nữ khởi nghiệp qua **50** lớp tập huấn, hướng dẫn nhiều mô hình phụ nữ Huế kinh doanh đặc sản, nghề truyền thống (nón lá, áo dài, tinh dầu tràm, mắm Lăng Cô, bánh mứt truyền thống) đã được hỗ trợ đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử (Shopee, TikTok

Shop, Lazada...). Chị em được hướng dẫn livestream bán hàng, dùng phần mềm quản lý đơn hàng, chăm sóc khách hàng tự động và ứng dụng AI hỗ trợ viết bài mô tả sản phẩm, chụp ảnh sản phẩm.

Kính thưa Hội nghị !

Bên cạnh những kết quả đó, công tác chuyển đổi số trong toàn hệ thống Hội vẫn còn một số khó khăn, thách thức khách quan như:

- Một số hội viên lớn tuổi có tâm lý e ngại công nghệ, sợ thao tác nhầm làm mất tiền trong tài khoản hoặc hư hỏng thiết bị.

- Một bộ phận hội viên, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn vẫn sử dụng điện thoại đời cũ hoặc điện thoại thông minh cấu hình thấp, dung lượng kém, khó cài đặt nhiều ứng dụng như VNeID, Hue-S hay các app AI.

- Đội ngũ cán bộ Hội ở cơ sở đa phần kiêm nhiệm, quỹ thời gian có hạn; việc tập huấn ứng dụng công nghệ chuyên sâu (như AI, thương mại điện tử) đòi hỏi chuyên gia hoặc chi phí đào tạo nhưng nguồn ngân sách Hội còn hạn chế;

- Nhiều hội viên sau khi được hướng dẫn "bắt tay chỉ việc" thì thao tác được, nhưng khi về nhà không thực hành thường xuyên nên lại quên bài.

- Đối với mảng hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, việc ứng dụng AI hay đưa sản phẩm OCOP/đặc sản Huế lên sàn thương mại điện tử mới dừng ở bước ban đầu; chị em vẫn gặp khó trong khâu đóng gói chuẩn hóa, chi phí vận chuyển (logistics) và quản lý đơn hàng tự động.

Từ thực tế đó, chúng tôi nhận thấy để phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với "Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới" tiếp tục lan tỏa chiều sâu, trước hết cần chủ động đổi mới mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động, lấy hội viên phụ nữ làm trung tâm và lấy lợi ích thiết thân của chị em làm thước đo hiệu quả. Chủ động chuyển đổi từ "đào tạo diện rộng" sang "cầm tay chỉ việc - phân loại đối tượng" việc hướng dẫn phải đi từ những thao tác gần gũi nhất, với phương châm xuyên suốt là "Học đi đôi với hành".

Cùng với đó, xóa "mù công nghệ" phải gắn liền với việc tạo ra giá trị kinh tế thực tế, việc tổ chức các lớp hướng dẫn chị em ứng dụng các công cụ AI đơn giản (như ChatGPT, Canva, CapCut) để tự sáng tạo nội dung, thiết kế hình ảnh, quay video giới thiệu sản phẩm đặc sản Huế, đồng thời, đồng hành cùng chị em trong việc đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử (Shopee, TikTok Shop), hướng dẫn kỹ năng livestream và quản lý đơn hàng thông minh, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho phụ nữ khởi nghiệp.

Chuyển đổi số không phải là câu chuyện xa rời thực tế, mà là công cụ để nâng cao chất lượng cuộc sống cho mỗi gia đình. Việc triển khai phong trào "Bình

dân học vụ số" gắn với phong trào thi đua "Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới" tại thành phố Huế đã và đang chứng minh hiệu quả thiết thực: vừa giúp gìn giữ, phát huy nét đẹp dịu dàng, trí tuệ của phụ nữ Huế, vừa trang bị cho họ tâm thế chủ động, năng động, tự tin hội nhập vào kỷ nguyên công nghệ.

Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự đồng lòng của hệ thống Hội và tinh thần ham học hỏi của chị em, chúng tôi tin tưởng rằng phong trào sẽ tiếp tục gặt hái nhiều kết quả rực rỡ, góp phần xây dựng thành phố Huế phát triển nhanh, bền vững, hiện đại và giàu bản sắc.

Xin trân trọng cảm ơn!

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ, TỔ CÔNG NGHỆ CỘNG ĐỒNG, TỔ PHỤ NỮ SỐ, GIA ĐÌNH SỐ, CHI HỘI SỐ

Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp

Trân trọng cảm ơn Ban Tổ chức đã tạo điều kiện để Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp được tham gia Hội nghị và chia sẻ một số kinh nghiệm thực tiễn trong triển khai chuyển đổi số, góp phần thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Chủ đề "Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội - giải pháp đổi mới phương thức hoạt động Hội, góp phần thúc đẩy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW" có ý nghĩa rất thiết thực đối với tổ chức Hội trong giai đoạn hiện nay.

Bởi chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện của công nghệ. Đối với tổ chức Hội, sâu xa hơn, đó là sự chuyển đổi về tư duy, phương thức lãnh đạo, quản lý, tuyên truyền, tập hợp hội viên và tổ chức phong trào; đồng thời mở ra những cơ hội mới để phụ nữ học tập, lao động, khởi nghiệp, phát triển kinh tế và tham gia tích cực vào đời sống xã hội.

Từ thực tiễn công tác Hội tại địa phương, chúng tôi xác định một vấn đề rất căn bản: Muốn chuyển đổi số đi vào cuộc sống thì trước hết phải bắt đầu từ con người; muốn phụ nữ tham gia chuyển đổi số thì phải giúp chị em thấy được công nghệ có ích gì và giải quyết được vấn đề gì trong chính cuộc sống của mình.

Vì vậy, Đồng Tháp lựa chọn cách làm bắt đầu từ cơ sở, lấy cán bộ Hội làm lực lượng tiên phong, lấy hội viên, phụ nữ làm trung tâm, lấy mô hình làm phương thức triển khai, lấy dữ liệu làm nền tảng quản trị và lấy hiệu quả thực tế làm thước đo.

Hôm nay, tôi xin chia sẻ một số cách làm, kết quả và bài học kinh nghiệm của Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp trong triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", xây dựng các mô hình phụ nữ tham gia chuyển đổi số và từng bước đổi mới phương thức hoạt động Hội.

I. MỘT SỐ CÁCH LÀM CỦA HỘI LHPN TỈNH ĐỒNG THÁP

Kính thưa quý đại biểu!

Bám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các định hướng của Trung ương Hội LHPN Việt Nam, của tỉnh, Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp đã chủ động cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số thành các kế hoạch, chương trình, nội dung hoạt động và tiêu chí thi đua, triển khai đến cơ sở Hội, chi hội.

Trong quá trình thực hiện, chúng tôi thống nhất một quan điểm: chuyển đổi số không nhất thiết bắt đầu bằng những công nghệ lớn, mà phải bắt đầu bằng những việc nhỏ, thiết thực, giải quyết đúng nhu cầu của cán bộ và hội viên phụ nữ.

Từ đó, phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai theo phương châm: "*Cán bộ tiên phong - Hội viên thực hành - Cơ sở làm nền tảng - Mô hình để nhân rộng - Hiệu quả thực tế làm thước đo*". Đây không chỉ là khẩu hiệu mà được chúng tôi xác định là cách tiếp cận xuyên suốt trong tổ chức thực hiện.

Thứ nhất, lấy phổ cập kỹ năng số thiết yếu làm nền tảng

Hội tập trung trang bị cho cán bộ, hội viên và phụ nữ những kỹ năng số cơ bản, thiết thực, có thể sử dụng ngay trong cuộc sống như: sử dụng định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tiếp cận thông tin trên môi trường số, ứng dụng công nghệ trong học tập, sản xuất và kinh doanh.

Đối với phụ nữ lớn tuổi, phụ nữ nông thôn, phụ nữ còn hạn chế về kỹ năng công nghệ, chúng tôi không đặt nặng việc "học cho biết", mà tập trung vào "học để làm được". Phương pháp chủ yếu là "cầm tay chỉ việc", hướng dẫn trực tiếp, thao tác mẫu, để hội viên thực hành và được hỗ trợ khi cần. Đồng thời, Hội phát huy vai trò của cán bộ Hội, hội viên nòng cốt và phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng để đưa việc hướng dẫn kỹ năng số đến gần hơn với từng hộ gia đình, từng nhóm phụ nữ.

Mục tiêu rất rõ: không để phụ nữ đứng ngoài quá trình chuyển đổi số; mỗi phụ nữ có ít nhất một kỹ năng số thiết yếu để sử dụng được trong cuộc sống.

Thứ hai, chuyển đổi số phải gắn với đổi mới phương thức hoạt động Hội

Chúng tôi xác định, nếu chỉ tuyên truyền về chuyển đổi số nhưng bản thân tổ chức Hội vẫn làm việc theo phương thức cũ thì chưa thể nói chuyển đổi số đã thực chất.

Do đó, Hội từng bước đổi mới cách tuyên truyền, điều hành, trao đổi thông tin, tập hợp hội viên và tổ chức phong trào trên môi trường số.

Hội đã tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng nhiều sản phẩm truyền thông dưới dạng infographic, video ngắn; tăng cường sử dụng các nền tảng số để thông tin của Hội đến với hội viên nhanh hơn, trực quan hơn và phù hợp hơn với thói quen tiếp nhận thông tin hiện nay.

Điều chúng tôi quan tâm không chỉ là "Hội đưa thông tin lên môi trường số", mà quan trọng hơn là: "Hội có đến gần hội viên hơn nhờ môi trường số hay không?". Đây là sự thay đổi quan trọng trong tư duy hoạt động Hội.

Bên cạnh đó, Hội chú trọng xây dựng văn hóa số, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện và phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng, sử dụng mạng xã hội có trách nhiệm, ứng xử văn minh và tự học tập thường xuyên trong môi trường số.

Thứ ba, lấy mô hình ở cơ sở để tạo sức lan tỏa

Một trong những kinh nghiệm chúng tôi thấy rõ là: Phong trào muốn bền vững thì phải được "địa phương hóa", phải có mô hình cụ thể để hội viên nhìn thấy, tham gia và làm theo.

Từ thực tiễn đó, các cấp Hội đã xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình như "Đại sứ số", "Tổ phụ nữ số", "Chi hội số", "Cơ sở Hội số", "Gia đình số", "Phụ nữ giúp nhau chuyển đổi số" và các mô hình gắn với nhu cầu thực tế của phụ nữ.

Chúng tôi không áp dụng một mô hình giống nhau cho tất cả các địa bàn mà lựa chọn nội dung phù hợp với từng nhóm phụ nữ. Ở nơi có nhiều phụ nữ sản xuất, kinh doanh, Hội tập trung vào kinh tế số: bán hàng trực tuyến, sử dụng mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số. Ở địa bàn nông thôn, Hội ưu tiên kỹ năng số cơ bản, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán số và an toàn trên không gian mạng.

Trong gia đình, mô hình "Gia đình số" hướng đến việc phụ nữ không chỉ sử dụng công nghệ mà còn đồng hành, hướng dẫn các thành viên trong gia đình sử dụng công nghệ an toàn, văn minh và hiệu quả.

Qua đó, chúng tôi muốn chuyển một thông điệp rất đơn giản đến hội viên: Chuyển đổi số không ở đâu xa; chuyển đổi số bắt đầu từ chính công việc, gia đình và cuộc sống hằng ngày của mỗi người.

Thứ tư, đưa chuyển đổi số vào thi đua để tạo động lực thực hiện

Một cách làm chúng tôi xác định có ý nghĩa quan trọng là đưa các nội dung chuyển đổi số vào nhiệm vụ và tiêu chí thi đua của các cấp Hội.

Từ đó, chuyển đổi số không còn là một nhiệm vụ riêng của cán bộ chuyên môn, mà trở thành trách nhiệm chung của các cấp Hội.

Cơ sở Hội chủ động lựa chọn mô hình phù hợp; cán bộ Hội phải tự học, tự nâng cao kỹ năng; hội viên được khuyến khích thực hành; những mô hình có hiệu quả được chia sẻ, nhân rộng.

Qua đó, từng bước chuyển chuyển đổi số từ "nhiệm vụ được giao" thành "năng lực cần có" và "việc làm thường xuyên" của cán bộ, hội viên.

Thứ năm, tập trung cao điểm để tháo gỡ điểm nghẽn

Chúng tôi xác định đây không chỉ là một đợt thi đua, mà là dịp để toàn hệ thống Hội rà soát, nhìn thẳng vào những khó khăn, hạn chế và tập trung nguồn lực để xử lý.

Một nhiệm vụ trọng tâm là làm sạch dữ liệu hội viên, rà soát, chuẩn hóa, bổ sung và cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin hội viên trên phần mềm quản lý. Hội xác định: Dữ liệu hội viên đúng, đủ, sạch và được cập nhật thường xuyên là nền tảng quan trọng

để đổi mới phương thức quản lý, điều hành và nắm bắt nhu cầu hội viên. Qua đó, từng bước chuyển từ quản lý hội viên bằng hồ sơ, phương thức thủ công sang quản lý bằng dữ liệu số.

Điều chúng tôi hướng đến không chỉ là "nhập dữ liệu cho đủ", mà là hình thành thói quen "có thay đổi là cập nhật, có phát sinh là bổ sung, có dữ liệu là khai thác". Khi dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, Hội sẽ có điều kiện tốt hơn để nắm được hội viên của mình là ai, ở đâu, có nhu cầu gì, nhóm phụ nữ nào cần được hỗ trợ; từ đó công tác tuyên truyền, vận động, chăm lo, hỗ trợ phụ nữ và tổ chức phong trào có thể đúng đối tượng, sát nhu cầu và hiệu quả hơn.

Song song với đó, các cấp Hội tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn về nhận thức, kỹ năng và tâm lý e ngại công nghệ; đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số thiết yếu.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ GIÁ TRỊ THỰC TIỄN

Kính thưa quý đại biểu!

Từ những cách làm trên, đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng và duy trì 525 mô hình chuyển đổi số gắn với phong trào "Bình dân học vụ số", thu hút 8.834 thành viên tham gia; 100% cơ sở Hội có hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Hội đã tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ Hội và hội viên; xây dựng nhiều sản phẩm truyền thông số; tăng cường tuyên truyền trên các nền tảng số.

Tuy nhiên, với trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức Hội, tôi cho rằng không nên chỉ nhìn vào những con số này. Điều chúng tôi quan tâm hơn là sự thay đổi trong nhận thức và hành động. Từ chỗ e ngại công nghệ, nhiều chị em đã mạnh dạn sử dụng các tiện ích số. Từ chỗ chỉ tiếp nhận thông tin, cán bộ Hội cơ sở đã chủ động sản xuất nội dung số, truyền thông trên các nền tảng số. Từ phương thức tuyên truyền tập trung, Hội từng bước chuyển sang cách thức "thông tin đến đúng người, đúng lúc, đúng nhu cầu". Từ việc xem chuyển đổi số là một nhiệm vụ mới, các cấp Hội đang từng bước coi đây là một phương thức để làm công tác Hội tốt hơn.

Đặc biệt, sau tổng kết một năm triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", đã có 3 cơ sở Hội được UBND tỉnh tặng Bằng khen vì có thành tích tốt trong thực hiện phong trào.

Những kết quả đó cho chúng tôi thêm một niềm tin: khi chuyển đổi số bắt đầu từ nhu cầu thực tế và có tổ chức Hội đồng hành, công nghệ có thể trở thành công cụ trao quyền cho phụ nữ.

II. NĂM BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn triển khai, chúng tôi rút ra 5 bài học:

Một là, người đứng đầu phải thực sự tiên phong.

Chuyển đổi số trước hết phải bắt đầu từ đội ngũ cán bộ Hội. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách phải chủ động học tập, sử dụng công nghệ, từng bước làm chủ các công cụ số, trong đó có những công cụ mới như trí tuệ nhân tạo (AI). Cán bộ chưa chuyển đổi thì rất khó dẫn dắt hội viên chuyển đổi.

Hai là, phải lấy phụ nữ làm trung tâm.

Không chạy theo số lượng mô hình hay công nghệ, mà phải xuất phát từ câu hỏi: Công nghệ giúp gì cho phụ nữ?

Giúp bán hàng thuận lợi hơn? Thanh toán an toàn hơn? Tiếp cận thủ tục hành chính nhanh hơn? Học tập dễ hơn? Hay bảo vệ bản thân và gia đình tốt hơn?. Khi trả lời được những câu hỏi đó, chuyển đổi số mới thực sự có ý nghĩa.

Ba là, phương pháp phải dễ hiểu, dễ làm, dễ áp dụng.

Đặc biệt đối với phụ nữ lớn tuổi, phụ nữ nông thôn và những người còn hạn chế về công nghệ, không thể chỉ tuyên truyền bằng tài liệu mà phải "cầm tay chỉ việc", hướng dẫn trực tiếp, kiên trì và thường xuyên.

Bốn là, phải phát huy sức mạnh phối hợp.

Hội không thể chuyển đổi số một mình. Cần có sự phối hợp của chính quyền, ngành Công an, ngành thông tin và truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; qua đó huy động nguồn lực, chuyên môn và hạ tầng để hỗ trợ phụ nữ.

Năm là, phải biến phong trào thành năng lực thường xuyên.

"Bình dân học vụ số" không nên chỉ là một phong trào theo đợt. Mục tiêu cuối cùng là hình thành thói quen tự học, tự cập nhật và sử dụng công nghệ thường xuyên của cán bộ, hội viên phụ nữ.

Vì vậy, cần tiếp tục đưa các tiêu chí chuyển đổi số vào thi đua, duy trì các mô hình có hiệu quả và nhân rộng những cách làm tốt.

III. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Kính thưa quý đại biểu!

Thời gian tới, Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp xác định chuyển đổi số tiếp tục là một trong những giải pháp quan trọng để đổi mới phương thức hoạt động Hội, nâng cao chất lượng phục vụ hội viên và thực hiện tốt hơn nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện. Chúng tôi tập trung vào một số định hướng:

- Tiếp tục nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ Hội, nhất là cán bộ cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ Hội chủ động học tập, biết sử dụng và từng bước làm chủ các công cụ số.

- Tiếp tục nâng chất phong trào "Bình dân học vụ số", chuyển từ phổ cập kỹ năng cơ bản sang hình thành năng lực số thiết thực, phù hợp với từng nhóm phụ nữ.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình "Phụ nữ số", "Gia đình số", "Chi hội số", "Cơ sở Hội số", nhưng lấy hiệu quả và khả năng duy trì làm tiêu chí đánh giá, không chạy theo số lượng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và dữ liệu số trong quản lý hội viên, truyền thông, tổ chức phong trào; từng bước hình thành phương thức hoạt động Hội linh hoạt hơn, nhanh hơn, gần hội viên hơn.

- Chú trọng hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế số, thương mại điện tử, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; đồng thời nâng cao kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện lừa đảo và an toàn trên không gian mạng.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội, tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp công nghệ để tạo hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ chuyển đổi số.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Qua thực tiễn triển khai tại Đồng Tháp, chúng tôi càng nhận thức rõ rằng: Chuyển đổi số không bắt đầu từ máy móc, phần mềm hay công nghệ; chuyển đổi số bắt đầu từ con người và sự thay đổi cách nghĩ, cách làm của mỗi cán bộ, hội viên.

Đối với tổ chức Hội, chuyển đổi số càng không phải là mục tiêu tự thân. Mục tiêu cuối cùng là để Hội hoạt động hiệu quả hơn, gần hội viên hơn; để phụ nữ có thêm cơ hội học tập, phát triển kinh tế, tiếp cận dịch vụ, bảo vệ mình và gia đình; để không một phụ nữ nào bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số.

Với tinh thần đó, Hội LHPN tỉnh Đồng Tháp sẽ tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, lấy cơ sở làm nền tảng, lấy phụ nữ làm trung tâm và lấy hiệu quả thực tế làm thước đo; quyết tâm góp phần cùng cả hệ thống chính trị triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, đưa chuyển đổi số thực sự đi vào đời sống.

Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, định hướng của Trung ương Hội LHPN Việt Nam; sự phối hợp, đồng hành của các cơ quan, đơn vị và sự chia sẻ kinh nghiệm của Hội LHPN các tỉnh, thành để cùng nhau làm tốt hơn công tác chuyển đổi số trong hệ thống Hội.

Xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÁT HUY VAI TRÒ PHỤ NỮ NÒNG CỐT TRONG PHỔ CẬP KỸ NĂNG SỐ VÀ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CƠ SỞ

Hội LHPN tỉnh Bắc Ninh

Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 đã đề ra Khâu đột phá số 1: "***Chuyển đổi số toàn diện trong tổ chức Hội, đồng hành cùng phụ nữ nâng cao năng lực số***" và coi đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Hội trong giai đoạn mới. Để quyết liệt thực hiện thành công nhiệm vụ này, đồng thời phát huy vai trò phụ nữ nòng cốt trong phổ cập kỹ năng số và xây dựng các mô hình chuyển đổi số tại cơ sở, Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh Bắc Ninh đã tập trung một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, quan tâm công tác chỉ đạo, điều hành

Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời ban hành Quy chế phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Ban hành một số văn bản chỉ đạo trọng tâm như: Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025- 2028 và triển khai nền tảng mặt trận số trong các cấp Hội, Kế hoạch thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số", Kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số…Duy trì và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp Mặt trận Tổ quốc tại cơ quan Hội LHPN tỉnh và 100% Hội LHPN xã, phường; Tích cực khai thác Cổng thông tin điện tử, các trang Fanpage, nhóm Zalo, Facebook; ứng dụng rộng rãi văn bản điện tử, quét mã QR, biểu mẫu trực tuyến và phần mềm "Mặt trận số"; tập trung rà soát, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu hội viên trên phần mềm quản lý cán bộ, hội viên, tạo tiền đề cho việc khai thác dữ liệu số an toàn và chính xác.

Thứ hai, Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ Hội

Xác định cán bộ Hội là lực lượng nòng cốt, Hội LHPN tỉnh đã chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số như: tổ chức lớp tập huấn "Bình dân học vụ số" cho hơn 200 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội LHPN cấp xã, phường; chỉ đạo các xã/phường tổ chức 161 lớp tập huấn về chuyển đổi số, thu hút 14.399 lượt hội viên, phụ nữ tham gia. Thông qua các lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng. Đến nay cơ bản cán bộ Hội đã từng bước làm chủ các công cụ như ChatGPT, Gemini, Canva, PowerPoint, Google Forms, Google Sheets, CapCut... để phục vụ công tác tham mưu, xây dựng văn bản, thiết kế sản phẩm truyền thông, quản lý dữ liệu và tổ chức hoạt động Hội. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã tạo bứt phá trong

truyền thông như: Ứng dụng AI giúp biên tập, thiết kế các sản phẩm truyền thông đa dạng dưới dạng infographic, video ngắn, bài viết chuẩn hóa, tích hợp mã QR... Chỉ tính riêng trong quý III/2026, các cấp Hội đã biên tập, đăng tải 59 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử và 398 tin, bài, video clip trên các nền tảng mạng xã hội…. Đây là bước chuyển quan trọng, góp phần hình thành đội ngũ cán bộ Hội năng động, thích ứng nhanh với yêu cầu của thời đại số.

Hội LHPN các cấp tích cực tham gia và phát huy vai trò phụ nữ trong các **Tổ công nghệ số cộng đồng**. Đến nay, **225 cán bộ Hội tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng** phối hợp với đoàn thanh niên, công an, cán bộ chuyên môn và bộ phận một cửa hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng thiết yếu, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số, thanh toán điện tử; đồng thời cảnh báo các thủ đoạn giả mạo và lừa đảo trên không gian mạng.

Thứ ba, đẩy mạnh Phong trào "Bình dân học vụ số"; định hướng chỉ đạo thành lập các mô hình số tại cộng đồng

Song song với việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, các cấp Hội cũng tích cực triển khai Phong trào **"Bình dân học vụ số"**; định hướng chỉ đạo thành lập các mô hình, tổ, nhóm chuyển đổi số như: **Chi hội số; Gia đình số; Chi hội phụ nữ số; Tổ phụ nữ kinh doanh số; Phụ nữ giúp nhau chuyển đổi số; Tổ phụ nữ công nghệ số cộng đồng...**

Bước đầu thành lập, một số mô hình đã tuyên truyền, phổ biến chính sách, hỗ trợ phụ nữ tiếp cận dịch vụ công và cảnh báo các thủ đoạn lừa đảo công nghệ cao kịp thời ngay tại cơ sở..; Ngoài ra, các cấp Hội chú trọng hướng dẫn hội viên phụ nữ tiếp cận các kỹ năng số thiết yếu như sử dụng điện thoại thông minh, dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng và ứng dụng nền tảng số trong phát triển kinh tế gia đình. Qua đó, nhiều hội viên đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quảng bá sản phẩm trên mạng xã hội và các sàn thương mại điện tử, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

Những kết quả bước đầu đã khẳng định chuyển đổi số đang làm thay đổi rõ nét phương thức hoạt động của tổ chức Hội. Từ mô hình quản lý truyền thống chuyển sang quản lý trên nền tảng số; từ tuyên truyền trực tiếp sang kết hợp hiệu quả với truyền thông số; từ phương thức làm việc thủ công sang khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Quan trọng hơn, chuyển đổi số đã mở ra nhiều cơ hội để phụ nữ tiếp cận tri thức, phát triển kinh tế, khởi nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống và tham gia tích cực hơn vào quá trình phát triển của địa phương.

Khó khăn và thách thức

Bên cạnh những kết quả tích cực, năng lực số giữa các địa bàn và nhóm hội viên vẫn còn sự khác nhau. Một bộ phận cán bộ chi hội lớn tuổi còn lúng túng khi sử dụng phần mềm và nền tảng trực tuyến. Việc ứng dụng AI cũng đặt ra yêu cầu về kiểm tra thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của người sử dụng; Các mô hình tổ, nhóm chuyển đổi số ở cơ sở bước đầu được thành lập, tuy nhiên, về cơ bản, các mô hình được thành lập chưa theo văn bản hướng dẫn đồng bộ từ Hội cấp trên, còn thiếu các tiêu chí định lượng để đánh giá hiệu quả hoạt động;…

Để nâng cao hiệu quả chuyển đổi số; phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ Hội và hiệu quả các mô hình chuyển đổi số trong thời gian tới, Hội LHPN tỉnh Bắc Ninh tiếp tục thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ Hội và hội viên phụ nữ; thực hiện có hiệu quả Khâu đột phá"***Chuyển đổi số toàn diện trong tổ chức Hội, đồng hành cùng phụ nữ nâng cao năng lực số***" , coi chuyển đổi số là nhiệm vụ thường xuyên, là giải pháp quan trọng để đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội.

Thứ hai, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ Hội các cấp theo hướng thực chất, gắn với nhu cầu công việc; khuyến khích mỗi cán bộ Hội chủ động học tập, làm chủ các công cụ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác như: tổ chức Hội thi "Ứng dụng chuyển đổi số trong tuyên truyền Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I"….

Thứ ba, tiếp tục triển khai sâu rộng Phong trào **"Bình dân học vụ số"**, xây dựng và nhân rộng các mô hình **"Chi hội số"**, **"Gia đình số"**, **"Tổ phụ nữ Bình dân học vụ số"**, **"Câu lạc bộ phụ nữ ứng dụng AI"**, tạo điều kiện để ngày càng nhiều phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ số trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống.

Thứ tư, đẩy mạnh số hóa hoạt động Hội; khai thác hiệu quả phần mềm quản lý hội viên, hồ sơ điện tử, văn bản điện tử, chữ ký số, phần mềm ***"Mặt trận số"***, tăng cường ứng dụng mã QR và các nền tảng số trong công tác tuyên truyền, quản lý và tổ chức hoạt động.

Thứ năm, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ Hội, hội viên nòng cốt, Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ phụ nữ, nhất là phụ nữ cao tuổi, phụ nữ ở khu vực nông thôn tiếp cận và sử dụng công nghệ số an toàn, hiệu quả; đồng thời tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để huy động nguồn lực, đa dạng hóa nội dung tập huấn và xây dựng hệ sinh thái số phục vụ phụ nữ.

Một số đề xuất, kiến nghị với Trung ương Hội

Một là, Đề nghị Trung ương Hội sớm có văn bản hướng dẫn thành lập, hoạt động, tiêu chí đánh giá cho các mô hình chuyển đổi số theo chỉ đạo để các mô hình hoạt động, vận hành có hiệu quả, thực chất .

Hai là, xây dựng **kho học liệu số dùng chung**, trong đó ưu tiên các bài hướng dẫn ngắn, trực quan về điện thoại thông minh, VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhận diện lừa đảo và sử dụng AI an toàn.

Ba là, tiếp tục đào tạo và phát triển **đội ngũ hạt nhân số của Hội**, nhất là cán bộ cơ sở, hội viên trẻ và phụ nữ có kỹ năng công nghệ; gắn đào tạo với nhiệm vụ cụ thể và sản phẩm ứng dụng.

Bốn là, quan tâm hoàn thiện các nền tảng, phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung của Hội theo hướng **đơn giản, dễ sử dụng, liên thông, tránh nhập liệu nhiều lần** tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khi thực hiện.

HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU TỪ MÔ HÌNH HƯỚNG DẪN VIÊN SỐ 1+1 VÀ CHI HỘI PHỤ NỮ SỐ

Hội LHPN tỉnh Nghệ An

Chuyển đổi số hiện nay không còn là giải pháp công nghệ thuần túy, mà đã trở thành động lực then chốt, quyết định sự đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương Đảng và chỉ đạo của Trung ương Hội LHPN Việt Nam từ phong trào "Bình dân học vụ số" đến khâu đột phá "Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng mạnh vè cơ sở, gần dân, vì dân", Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh Nghệ An đã xác định trọng tâm lấy cán bộ, hội viên làm trung tâm trong khâu chỉ đạo, điều hành, thực hiện chuyển đổi số trong hệ thống tổ chức Hội. Một trong những mô hình được Hội LHPN tỉnh lựa chọn, chỉ đạo điểm đó là mô hình "Hướng dẫn viên số 1+1", mô hình "Chi hội phụ nữ số".

Từ đặc điểm, tình hình của tỉnh, Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn, địa hình phức tạp; tổng số 130 xã, phường trong đó 79 xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số (40 xã miền núi và biên giới"; phụ nữ từ 18 tuổi trở lên 1.130.861, trong đó phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 57,5%; tổng số hội viên hơn 650 nghìn người, trong đó hội viên vùng đồng bào DTTS, tôn giáo 32.896 người, chiếm tỷ lệ 60%... ; khoảng cách về điều kiện hạ tầng kỹ thuật, trình độ dân trí và mức độ tiếp cận công nghệ thông tin giữa các vùng miền chính là rào cản lớn nhất đối với tiến trình chuyển đổi số trong hệ thống tổ chức Hội.

Xuất phát từ thực trạng trên, Hội LHPN tỉnh Nghệ An xác định chuyển đổi số trong hệ thống tổ chức Hội phải bắt đầu từ cơ sở, lấy hội viên, phụ nữ và gia đình làm trung tâm với mục đích giúp hội viên, phụ nữ "ứng dụng công nghệ để giải quyết công việc và nâng cao chất lượng cuộc sống". Từ nhận thức đó, các cấp Hội LHPN tỉnh Nghệ An đã từng bước cụ thể hóa chuyển đổi số thông qua các mô hình gần dân, sát cơ sở, trong đó nổi bật là mô hình "Chi hội số", "Hướng dẫn viên số 1+1".

Hội LHPN tỉnh tiến hành khảo sát, lựa chọn đối tượng, xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện mô hình. Trong năm 2026, Hội LHPN tỉnh chỉ đạo 03 mô hình "Hướng dẫn viên số 1+1", 02 mô hình "Chi hội phụ nữ số" tại các vùng miền với phương châm: Một cán bộ, hội viên thành thạo công nghệ sẽ chủ động kèm cặp, hướng dẫn trực tiếp cho ít nhất 01 hội viên khác cùng biết sử dụng và khai thác các tiện ích số phục vụ cuộc sống, công việc và hoạt động Hội; nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho hội viên, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt Hội; tăng cường kết nối, tập hợp hội viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động Hội tại chi hội phụ nữ; đặc biệt hướng dẫn tổ chức sinh hoạt hội trên không

gian mạng. Qua đó, mô hình vừa tạo môi trường học tập, chia sẻ, vừa giúp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, vừa giải quyết khâu khó khăn, hỗ trợ ùn tắc tại các trung tâm dịch vụ công;, nâng cao tỷ lệ tham gia sinh hoạt Hội.

Tại các mô hình, Hội LHPN tỉnh tập trung tổ chức các hoạt động, cụ thể: Tập huấn nâng cao: 100% thành viên tham gia mô hình được bồi dưỡng trực tiếp các kỹ năng thiết thực như sử dụng điện thoại thông minh, tương tác mạng xã hội an toàn, cài đặt ứng dụng định danh điện tử VNeID (mức độ 2), ứng dụng bảo hiểm số VSSID, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng Google Meet và bước đầu tiếp cận các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) cơ bản.Quán triệt Quy tắc "6 không" bảo mật an toàn mạng: Hướng dẫn viên số được đào tạo sâu để ghi nhớ và tuyên truyền quy tắc phòng tránh lừa đảo công nghệ cao bao gồm: (1) Không chuyển tiền cho người lạ hoặc qua yêu cầu chưa xác thực; (2) Không click vào các đường link lạ; (3) Không cung cấp mã OTP, mật khẩu; (4) Không chia sẻ thông tin cá nhân quá chi tiết trên mạng; (5) Không kết bạn với người lạ không rõ danh tính; (6) Không tin vào các lời mời chào "việc nhẹ lương cao" hoặc trúng thưởng lớn. Cập nhật các phần mềm: Phần mềm quản lý cán bộ hội viên của Trung ương Hội; thành lập và duy trì nhóm Zalo hoạt động thường xuyên để điều hành công việc. Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt trực tuyến: Thông qua các nền tảng Google Meet, Zoom, Zalo Group... giúp tháo gỡ khó khăn về thời gian và địa lý, đặc biệt phù hợp với hội viên trẻ, hội viên đi làm ăn xa. Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong truyền thông: Các chi hội trưởng, chi hội phó được hướng dẫn và khuyến khích sử dụng các công cụ AI cơ bản (như ChatGPT, các phần mềm thiết kế hình ảnh, video ngắn) để tự biên tập nội dung, xây dựng các infographic tuyên truyền sinh động phục vụ sinh hoạt chi hội, phấn đấu có ít nhất 02 sản phẩm truyền thông tự thiết kế bằng AI trong năm.

Qua chỉ đạo, đến thời điểm này, các mô hình bước đầu có kết quả khả quan: 100% thành viên tham gia mô hình biết sử dụng, cập nhật các phần mềm cơ bản, tự cài đặt các dịch vụ công; 70% hội viên chi hội sử dụng thành thạo VNeID, VSSID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt. Tổ chức…. cuộc sinh hoạt chi hội trên không gian mạng, thu hút… hội viên tham gia; vận động thêm 331 thành viên mô hình “Hướng dẫn viên số 1+1”.

Qua chỉ đạo mô hình, Hội LHPN tỉnh rút ra các bài học kinh nghiệm như sau: Đổi mới cách tiếp cận từ hội họp chung sang hướng dẫn trực tiếp, thực hành tại chỗ và bám sát nhu cầu thiết thực của hội viên, phụ nữ và mục đích chính của tổ chức Hội. Lựa chọn thành viên thông thạo công nghệ, phát huy vai trò gương mẫu của các thành viên thạo công nghệ để làm nòng cốt lan tỏa, nhân rộng đến từng gia đình và khu dân cư. Lựa chọn nội dung hướng dẫn sát sườn với cuộc sống hằng ngày như kích hoạt định danh điện tử VNeID, dịch vụ công, thanh toán điện tử và phòng chống lừa đảo mạng để hướng dẫn, thực hiện.

Có thể khẳng định rằng, chuyển đổi số trong hệ thống tổ chức Hội là chủ trương đúng đắn và cần thiết của TW Hội LHPN Việt Nam, nhất trong thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Thực hiện chuyển đổi số trong hệ thống tổ chức Hội nhằm đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc góp phần nâng cao chất lượng hoạt động Hội và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

PHỤ NỮ THANH HÓA TÍCH CỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Hội LHPN tỉnh Thanh Hóa

Kính thưa các đồng chí! Thưa toàn thể hội nghị!

Hôm nay, tham dự Hội thảo *"Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống Hội - giải pháp đổi mới phương thức hoạt động Hội, góp phần thúc đẩy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW",* thay mặt Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh Thanh Hoá, tôi xin được tham luận với chủ đề: "*Phụ nữ Thanh Hóa tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới*".

Kính thưa các đồng chí!

Nghị quyết số 57 đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, là đột phá chiến lược để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Cùng với đó, phong trào "*Bình dân học vụ số*" đang được triển khai sâu rộng, góp phần phổ cập tri thức số, kỹ năng số cho người dân, tạo nền tảng xây dựng công dân số, xã hội số và kinh tế số.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 57 và phong trào "*Bình dân học vụ số*", với phương châm "*Lấy phụ nữ làm trung tâm của sự phát triển*", Hội LHPN tỉnh xác định chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu đổi mới hoạt động Hội mà còn là giải pháp quan trọng nâng cao năng lực, mở rộng cơ hội học tập, việc làm, khởi nghiệp, phát triển kinh tế và thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ. Trong bối cảnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp với nhiều khó khăn, thách thức, Hội đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, vừa khẩn trương kiện toàn bộ máy, tổ chức Đại hội đại biểu Phụ nữ các cấp, vừa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hệ thống Hội, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có tư duy số, có kiến thức, kỹ năng số. Qua đó góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; xây dựng tổ chức Hội hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong thời đại số. Tôi xin được nhấn mạnh một số nét nổi bật sau:

Một là, đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số, đưa chuyển đổi số đến gần hơn với hội viên phụ nữ. Hội LHPN tỉnh ban hành kế hoạch triển khai phong trào "*Bình dân học vụ số*"; chỉ đạo 100% cơ sở Hội xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức trên 1.300 cuộc truyền thông, tập huấn, nói chuyện chuyên đề về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thu hút hàng chục nghìn lượt cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia. Tham gia phong trào "*Bình dân học vụ số*", nhiều cán bộ Hội đã trở thành hạt nhân của các "*Tổ công nghệ số cộng*

đồng", thực hiện sứ mệnh "*đi từng ngõ, gõ từng nhà*", để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ số, đưa chuyển đổi số đến từng gia đình và khu dân cư. Trong gia đình, phụ nữ được xác định là "bộ lọc" thông tin, góp phần hình thành "*văn hóa số*" an toàn cho thế hệ tương lai.

Hai là, tiên phong ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ. Nhằm đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong thời đại số, tháng 12/2025, Hội LHPN tỉnh ra mắt và đưa vào vận hành ứng dụng "*Trợ lý AI - Phụ nữ Thanh Hóa sống tự tin - hiểu luật*" – Đây là công trình chào mừng Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh lần thứ XIX; là một trong những sản phẩm chuyển đổi số tiêu biểu của Hội, tích hợp các quy định pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình như: Luật bảo vệ trẻ em; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều lệ Hội LHPN Việt Nam... Thông qua nền tảng AI, hội viên phụ nữ có thể dễ dàng tra cứu, tìm hiểu pháp luật mọi lúc, mọi nơi bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ tiếp cận. Chỉ với một chiếc điện thoại thông minh, mỗi phụ nữ đều có thể sở hữu một "*trợ lý pháp luật số*" đồng hành 24/7. Ứng dụng không chỉ góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, kỹ năng tự bảo vệ cho phụ nữ mà còn thể hiện tinh thần đổi mới, sáng tạo, mạnh dạn ứng dụng công nghệ mới của Hội. Đến nay, ứng dụng thu hút trên 1.000 lượt truy cập mỗi ngày và đang từng bước trở thành kênh hỗ trợ pháp lý hữu ích, thân thiện đối với hội viên, phụ nữ.

Ba là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của tổ chức Hội.

Xác định chuyển đổi số phải bắt đầu từ chính tổ chức Hội, Hội LHPN tỉnh đã triển khai thực hiện khâu đột phá *"Chuyển đổi số toàn diện trong tổ chức Hội; đồng hành cùng phụ nữ nâng cao năng lực số*"; chủ động đề xuất xây dựng mô hình "*Phòng họp không giấy*", nâng cấp Cổng Thông tin điện tử và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, xử lý công việc theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả. Đến nay, 100% cơ sở Hội sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, hội viên và phần mềm báo cáo thống kê; thực hiện rà soát, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu và cập nhật thông tin hơn 531.000 hội viên trên môi trường số, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, thống kê. 100% Hội LHPN các cấp duy trì Fanpage, nhóm Zalo để tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, triển khai nhiệm vụ công tác Hội. Đội ngũ cán bộ Hội từng bước làm chủ các phần mềm quản lý công việc, họp trực tuyến, lưu trữ dữ liệu điện tử; tích cực ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng văn bản, thiết kế sản phẩm truyền thông. Từ chỗ ứng dụng công nghệ trong hoạt động chuyên môn, đến nay nhiều cán bộ Hội

đã chủ động khai thác AI như một "*trợ lý số*", góp phần hình thành tư duy làm việc số trong toàn hệ thống Hội.

Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh lần thứ XIX, chúng tôi đã mạnh dạn ứng dụng chuyển đổi số trong hầu hết các khâu tổ chức Đại hội như: tuyên truyền trên nền tảng số, điểm danh bằng nhận diện khuôn mặt, quản lý đại biểu, số hóa tài liệu, sử dụng mã QR để tra cứu tài liệu và tăng cường tương tác trực tuyến trước, trong và sau Đại hội. Đây là minh chứng rõ nét cho quyết tâm xây dựng tổ chức Hội hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng với xu thế chuyển đổi số.

Thứ tư, xây dựng và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số tại cơ sở. Từ phong trào "*Bình dân học vụ số*", nhiều mô hình sáng tạo được các cấp Hội triển khai phù hợp với điều kiện thực tế như: "*Gia đình số*", "*Chi hội phụ nữ số*", "*Tổ phụ nữ chuyển đổi số*",... Thông qua các mô hình, hội viên phụ nữ được hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh, cài đặt và khai thác hiệu quả ứng dụng VNeID, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, mua sắm trực tuyến an toàn và tiếp cận các tiện ích số phục vụ đời sống. Các mô hình không chỉ giúp nâng cao kỹ năng số mà còn góp phần hình thành thói quen sử dụng công nghệ trong đời sống hằng ngày, từng bước xây dựng công dân số từ mỗi gia đình.

Thứ năm, hỗ trợ phụ nữ ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và khởi nghiệp. Hội LHPN tỉnh phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số, thương mại điện tử, quản trị sản xuất, kinh doanh, trang bị kỹ năng livestream, bán hàng trực tuyến, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số cho hàng ngàn hội viên, phụ nữ; hỗ trợ hơn 1.000 sản phẩm do phụ nữ làm chủ quảng bá trên không gian mạng. Từ những người nông dân ứng dụng công nghệ trong sản xuất đến các nữ doanh nhân phát triển kinh doanh trên nền tảng số, phụ nữ Thanh Hóa đang từng bước làm chủ công nghệ, khẳng định vai trò là chủ thể tích cực trong tiến trình chuyển đổi số. Đây không chỉ là sự thay đổi về phương thức hoạt động mà còn là sự thay đổi về tư duy, nhận thức và năng lực thích ứng của phụ nữ trong kỷ nguyên số.

Kính thưa Hội nghị!

Bên cạnh những kết quả đạt được, chúng tôi thẳng thắn nhìn nhận những rào cản từ thực tế, đó là: Hội LHPN tỉnh hiện chưa có cán bộ được đào tạo chuyên môn về công nghệ thông tin; không có nguồn lực để tổ chức các hoạt động cần thiết; đã xây dựng đề án "*Xây dựng phòng họp không giấy*" những chưa được phê duyệt. Ở cơ sở, trình độ công nghệ thông tin giữa các nhóm phụ nữ và các cấp Hội vẫn có sự chênh lệnh; một bộ phận cán bộ Hội cơ sở vẫn lúng túng khi tiếp cận các nền tảng mới. Song song đó, hạ tầng công nghệ và nguồn lực đầu tư cho

chuyển đổi số còn hạn chế; dữ liệu liên quan đến phụ nữ và trẻ em chưa được tích hợp, kết nối chia sẻ đồng bộ.

Từ những thành công bước đầu, Hội đã rút ra những bài học cốt lõi: Luôn bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động chọn nhiệm vụ trọng tâm để tham mưu phối hợp và đặc biệt là phải đầu tư cho con người thông qua đào tạo kỹ năng số đi đôi với nâng cấp trang, thiết bị hiện đại, hướng tới tương lai xây dựng hình ảnh người phụ nữ làm chủ công nghệ.

Trong thời gian tới, chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở vai trò một công cụ trợ mà được xác định là động lực thúc đẩy sự đổi mới toàn diện trong mọi phương thức hoạt động Hội. Hội LHPN tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh tập huấn kỹ năng số, nhân rộng "*Tổ công nghệ số", "Chi hội số", "Gia đình số",* hướng dẫn phụ nữ thanh toán không dùng tiền mặt và nâng cao cảnh giác phòng chống tội phạm công nghệ cao; phối hợp, hoàn thiện các trường dữ liệu công nghệ số để phục vụ công tác giám sát, phản biện, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của phụ nữ theo hình thức trực tuyến.

Kính thưa Hội nghị!

Sự tích cực của Hội LHPN tỉnh trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đang từng bước khắc hoạ lên chân dung người phụ nữ thời đại mới, có sức khoẻ, có đạo đức, có tri thức, bản lĩnh, sáng tạo, tự tin làm chủ công nghệ. Với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ, chúng tôi tin tưởng rằng, mỗi hội viên sẽ trở thành một công dân số tích cực, mỗi gia đình là một hạt nhân của đời sống số, mỗi cơ sở Hội là một điểm sáng trong chuyển đổi số cộng đồng; qua đó lan tỏa sâu rộng phong trào "*Bình dân học vụ số*", đóng góp thiết thực vào quá trình xây dựng xã hội số, kinh tế số, công dân số, thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Thanh Hóa trong nhóm dẫn đầu cả nước.

Cuối cùng, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ HOẶC MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ

Hội LHPN thành phố Hà Nội

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành những động lực quan trọng của phát triển, phương thức sản xuất, kinh doanh và khởi nghiệp cũng đang thay đổi nhanh chóng. Không gian số mở ra nhiều cơ hội để phụ nữ tiếp cận tri thức, công nghệ, nguồn vốn, thị trường và các mạng lưới hỗ trợ, đồng thời đặt ra yêu cầu mới về năng lực số, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, nguồn lực và động lực của quá trình này.

Từ yêu cầu đó, Hội LHPN thành phố Hà Nội xác định chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ hay tạo thêm phương thức kinh doanh cho phụ nữ, mà phải trở thành công cụ nâng cao quyền năng kinh tế, giúp phụ nữ tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ, thông tin, thị trường và các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và chủ động trong các quyết định kinh tế.

Đây cũng là sự chuyển đổi trong cách tiếp cận của tổ chức Hội: từ "hỗ trợ phụ nữ sử dụng công nghệ" sang "trao quyền kinh tế cho phụ nữ thông qua công nghệ", để phụ nữ từng bước trở thành chủ thể của kinh tế số.

Từ nhận thức đó, Hội LHPN Hà Nội đã đổi mới phương thức hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo hướng nâng cao năng lực, hoàn thiện sản phẩm, mở rộng thị trường, kết nối nguồn lực và xây dựng hạ tầng số.

Sau đây, tôi xin chia sẻ một số đặc thù, cách làm và kinh nghiệm thực tiễn của Hà Nội trong quá trình triển khai.

1. Đặc thù và lợi thế của Hà Nội trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên nền tảng số

Hà Nội có nhiều điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên nền tảng số. Là đô thị đặc biệt, Hà Nội có quy mô thị trường lớn, tập trung đông doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, chuyên gia, tổ chức khoa học -

công nghệ và các thiết chế hỗ trợ kinh doanh. Đây là điều kiện để phụ nữ tiếp cận tri thức, công nghệ, vốn, chuyên gia và các cơ hội hợp tác.

Đồng thời, khu vực ngoại thành có hệ thống nông nghiệp, làng nghề, sản phẩm OCOP, hợp tác xã, du lịch cộng đồng và nhiều sản phẩm gắn với văn hóa Thủ đô. Đây là nguồn lực quan trọng để phụ nữ phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu và hình thành các mô hình khởi nghiệp dựa trên giá trị bản địa.

Đặc biệt, Hà Nội có sự kết nối giữa thị trường đô thị lớn với nguồn cung đa dạng từ khu vực ngoại thành. Công nghệ số nếu được khai thác phù hợp sẽ giúp rút ngắn khoảng cách giữa sản xuất và tiêu dùng, mở rộng cơ hội tiếp cận khách hàng, doanh nghiệp và các kênh phân phối cho sản phẩm của phụ nữ.

Tuy nhiên, lợi thế về sản phẩm và thị trường chưa tự động chuyển hóa thành lợi thế kinh tế. Những điểm nghẽn về năng lực quản trị, thương hiệu, ứng dụng công nghệ, tiếp cận thị trường và liên kết nguồn lực vẫn là những vấn đề cần được giải quyết.

Vì vậy, với Hội LHPN Hà Nội, yêu cầu đặt ra không chỉ là đưa phụ nữ lên môi trường số, mà phải giúp phụ nữ có đủ năng lực để khai thác cơ hội và phát triển trên môi trường số. Từ đó, Hội tập trung vào 4 nhóm giải pháp: nâng cao năng lực; hoàn thiện sản phẩm và thương hiệu; xây dựng hạ tầng, mở rộng thị trường; kết nối nguồn lực hỗ trợ.

2. Những giải pháp, cách làm và mô hình đã triển khai

Thứ nhất, nâng cao năng lực số gắn với năng lực sản xuất, kinh doanh

Hội xác định năng lực của phụ nữ là nền tảng của chuyển đổi số. Vì vậy, các hoạt động đào tạo tập trung vào khả năng ứng dụng công nghệ để giải quyết những vấn đề cụ thể trong sản xuất, kinh doanh, thay vì chỉ phổ biến kiến thức công nghệ.

Hội tổ chức tập huấn, tọa đàm, hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến, kết nối tới 126 điểm cầu xã, phường, với các nội dung thiết thực như thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu, livestream, truyền thông số, thanh toán không dùng tiền mặt, quản trị sản xuất - kinh doanh, an toàn và phòng tránh rủi ro trên không gian mạng.

Phương pháp được chú trọng là "cầm tay chỉ việc, học đến đâu thực hành đến đó", đồng thời phân nhóm đối tượng để hỗ trợ sát nhu cầu. Với nữ chủ hợp tác xã, hộ sản xuất tập trung vào chuẩn hóa sản phẩm, bao bì, thương hiệu, quảng bá; với nữ doanh nhân chú trọng quản trị, tiếp thị số, truyền thông và phát triển thị trường.

Tại cơ sở, Hội triển khai các mô hình Chi hội phụ nữ số, Tổ phụ nữ số, Gia đình số, thanh toán không dùng tiền mặt, Tổ phụ nữ liên kết khởi nghiệp trên nền tảng số. Đến nay, toàn Thành phố có 628 mô hình chuyển đổi số.

Thứ hai, hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, xây dựng thương hiệu và đổi mới mô hình kinh doanh

Thực tiễn cho thấy sản phẩm tốt chưa đủ để tạo nên một mô hình kinh doanh bền vững. Vì vậy, Hội hướng dẫn phụ nữ chuyển từ tư duy "mình có gì thì bán cái đó" sang "thị trường cần gì, khách hàng coi trọng điều gì"; chú trọng chất lượng, mẫu mã, bao bì, tiêu chuẩn, thương hiệu và ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm.

Đối với sản phẩm OCOP, làng nghề và nông nghiệp, Hội khai thác các giá trị đặc trưng như vùng nguyên liệu, nghề truyền thống, văn hóa, con người và câu chuyện sản phẩm.

Qua đó, sản phẩm được nâng cao cả về chất lượng, nhận diện và giá trị, tạo nền tảng để phụ nữ nâng cao sức cạnh tranh và phát triển kinh doanh bền vững.

Thứ ba, xây dựng hạ tầng số, mở rộng thị trường và kết nối phụ nữ với khách hàng: Từ nhu cầu thực tế, Hội đã tham mưu huy động nguồn lực Thành phố xây dựng nền tảng số "Kết nối cung - cầu, hỗ trợ phụ nữ Thủ đô khởi nghiệp", hoàn thành và vận hành thử từ tháng 1/2026, với kinh phí trên 3 tỷ đồng.

Hội đã thành lập Ban quản trị, xây dựng quy chế vận hành, phân công cán bộ phụ trách và vận động nữ doanh nhân, nữ chủ hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh và hội viên tham gia.

Nền tảng được định hướng là hạ tầng kết nối phụ nữ với thị trường, khách hàng và các nguồn lực hỗ trợ, không chỉ đơn thuần giới thiệu sản phẩm. Sau thời gian vận hành, nền tảng có gần 750 tài khoản, gần 40 gian hàng, trên 200 sản phẩm, 135 tin, bài, 22 video và 27 tài liệu.

Song song, Hội đẩy mạnh truyền thông số và xúc tiến thương mại; trong 8 tháng qua tổ chức 18 phiên livestream quảng bá sản phẩm OCOP, làng nghề, nông sản và sản phẩm của nữ doanh nhân, nữ chủ hợp tác xã; duy trì Fanpage Hội LHPN Hà Nội, Fanpage và YouTube "Phụ nữ Hà Nội khởi nghiệp".

Hội cũng từng bước hoàn thiện Bản đồ số Hội LHPN thành phố Hà Nội và 126 Hội LHPN xã, phường, nghiên cứu xây dựng Bản đồ số đặc sản Hà Nội, qua đó giới thiệu sản phẩm gắn với địa danh, vùng sản xuất, nghề truyền thống và giá trị văn hóa.

Cách làm này hướng tới không chỉ đưa sản phẩm lên môi trường số mà còn xây dựng nhận diện, kể câu chuyện và gia tăng giá trị, qua đó tạo niềm tin và mở rộng thị trường.

Thứ tư, kết nối nguồn lực, hình thành hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp

Hội xác định không thể tự mình đáp ứng toàn bộ nhu cầu của phụ nữ khởi nghiệp. Vì vậy, Hội phát huy vai trò của Hiệp hội Nữ doanh nhân Hà Nội, Hội Nữ doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội, Câu lạc bộ nữ doanh nhân Thành phố; đồng thời kết nối doanh nghiệp, chuyên gia, ngân hàng, đơn vị công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và đối tác thị trường.

Việc kết nối được thực hiện theo nhu cầu: cần kiến thức có chuyên gia; cần hoàn thiện sản phẩm có đơn vị đồng hành; cần vốn có kết nối tín dụng; cần thị trường có đối tác tiêu thụ.

Qua đó, Hội tập trung vào vai trò kiến tạo, kết nối và điều phối nguồn lực, tạo môi trường để các bên cùng tham gia hỗ trợ phụ nữ.

3. Kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn

Từ quá trình triển khai, Hội LHPN Hà Nội rút ra 5 kinh nghiệm:

Một là, chuyển đổi số phải bắt đầu từ nhu cầu thực tế của phụ nữ, lấy vấn đề cần giải quyết làm điểm xuất phát, không chạy theo công nghệ.

Hai là, năng lực của phụ nữ là yếu tố quyết định. Công nghệ, nền tảng hay công cụ chỉ phát huy hiệu quả khi phụ nữ có khả năng tiếp cận, sử dụng và từng bước làm chủ.

Ba là, hỗ trợ phải có tính liên kết và theo quá trình, gắn từ ý tưởng, sản phẩm, thương hiệu, quản trị đến thị trường, tránh hỗ trợ rời rạc từng khâu.

Bốn là, chuyển đổi số phải bao trùm, có phương thức phù hợp với phụ nữ ở cơ sở, phụ nữ lớn tuổi, hộ sản xuất nhỏ và những người còn hạn chế về kỹ năng số.

Năm là, lấy hiệu quả thực chất làm thước đo: năng lực quản trị được nâng lên, sản phẩm có giá trị hơn, thị trường được mở rộng, thu nhập được cải thiện và phụ nữ chủ động hơn trong các quyết định kinh tế.

4. Một số đề xuất, kiến nghị với Trung ương Hội LHPN Việt Nam

Từ thực tiễn Hà Nội, chúng tôi đề xuất Trung ương Hội quan tâm:

Một là, xây dựng mô hình khung hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên nền tảng số trong toàn hệ thống Hội, gồm các cấu phần cơ bản về năng lực số, sản phẩm, thương hiệu, thương mại điện tử, thị trường, chuyên gia, vốn và nguồn lực; các địa phương vận dụng linh hoạt theo điều kiện thực tế.

Hai là, nghiên cứu hình thành mạng lưới phụ nữ khởi nghiệp và kinh doanh số toàn quốc, kết nối nữ doanh nhân, nữ chủ hợp tác xã, hộ kinh doanh và các mô hình tiêu biểu giữa các địa phương, tạo cơ hội hợp tác và mở rộng thị trường.

Ba là, nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về phụ nữ khởi nghiệp, cập nhật thông tin về phụ nữ, sản phẩm, mô hình, nhu cầu hỗ trợ, chuyên gia, doanh nghiệp và thị trường; làm cơ sở chuyển sang hỗ trợ dựa trên dữ liệu và nhu cầu thực tế.

Bốn là, tăng cường vai trò đầu mối của Trung ương Hội trong kết nối đối tác chiến lược, nhất là doanh nghiệp công nghệ, ngân hàng, sàn thương mại điện tử, đơn vị phân phối và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, để hình thành các chương trình hỗ trợ thiết thực cho phụ nữ.

Năm là, xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ "cán bộ Hội số", có kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số, thương mại điện tử, truyền thông số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn số và hỗ trợ khởi nghiệp, thực sự là người hướng dẫn và kết nối phụ nữ tại cơ sở.

Từ thực tiễn Hà Nội, chúng tôi nhận thấy: chuyển đổi số chỉ thực sự có ý nghĩa khi công nghệ được chuyển hóa thành cơ hội, và cơ hội được chuyển hóa thành quyền năng kinh tế của phụ nữ.

Vì vậy, tổ chức Hội không chỉ hỗ trợ phụ nữ biết sử dụng công nghệ, mà hướng tới giúp phụ nữ khai thác công nghệ để tạo giá trị, mở rộng thị trường và chủ động hơn trong các quyết định kinh tế.

Đó cũng là quá trình đổi mới phương thức hoạt động của Hội: từ hỗ trợ sang trao quyền, từ hoạt động đơn lẻ sang đồng hành theo quá trình, từ kết nối nguồn lực sang kiến tạo hệ sinh thái, từ tiếp cận công nghệ đến từng bước làm chủ công nghệ và thị trường.

Hội LHPN Hà Nội mong muốn tiếp tục phối hợp với Trung ương Hội, các địa phương và đối tác để chia sẻ kinh nghiệm, kết nối nguồn lực, mở rộng thị trường và nhân rộng những mô hình hiệu quả.

Mỗi phụ nữ có thêm năng lực số; mỗi sản phẩm của phụ nữ có thêm cơ hội vươn xa; và mỗi bước chuyển đổi số thực sự trở thành một bước nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ.

Xin trân trọng cảm ơn!

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ TẠI TỈNH LAI CHÂU

Hội LHPN tỉnh Lai Châu

Kính thưa các đồng chí chủ trì hội thảo!

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, khách quý!

Thưa toàn thể Hội nghị!

Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới, địa bàn rộng, giao thông còn nhiều khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận thị trường, công nghệ và các phương thức kinh doanh hiện đại của phụ nữ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, thương mại điện tử và kinh tế số đang mở ra cơ hội mới để phụ nữ vùng cao vượt qua giới hạn về địa lý, đưa sản phẩm địa phương đến với thị trường rộng lớn hơn.

Từ thực tiễn hoạt động Hội cho thấy: **Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong thời đại số không chỉ là hỗ trợ vốn hay hướng dẫn bán hàng trực tuyến, mà phải từng bước hình thành năng lực kinh doanh số, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và kết nối phụ nữ với thị trường.**

Từ cách tiếp cận đó, tôi xin chia sẻ một số kết quả, khó khăn và giải pháp chủ yếu của Hội LHPN tỉnh Lai Châu.

I. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Nâng cao năng lực số, tạo nền tảng để phụ nữ tham gia kinh tế số

Hội LHPN tỉnh xác định, muốn phụ nữ tham gia kinh tế số trước hết phải nâng cao nhận thức và kỹ năng số. Từ năm 2021 đến nay, Hội LHPN tỉnh đã tổ chức **10 lớp tập huấn cho 439 cán bộ Hội, thành viên ban lãnh đạo HTX, tổ hợp tác và nhóm sinh kế** về kỹ năng quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin và tham gia sàn thương mại điện tử. Các hoạt động tập huấn được chú trọng theo phương pháp "cầm tay chỉ việc", giúp chị em từng bước làm quen với sử dụng công nghệ, quảng bá sản phẩm, bán hàng trực tuyến và tiếp cận các dịch vụ số. Đặc biệt, các mô hình **"Chi hội số", "Tổ phụ nữ số"** được triển khai theo hướng phù hợp với điều kiện miền núi. Đến nay, đã thành lập **13 "Tổ phụ nữ số"** tại xã, phường và tiếp tục nhân rộng. Qua đó, nhiều hội viên được hỗ trợ sử dụng điện thoại thông minh, tiếp cận thông tin, dịch vụ công và từng bước hình thành thói quen sử dụng công nghệ trong đời sống và sản xuất.

2. Đưa sản phẩm của phụ nữ lên không gian số và mở rộng thị trường

Hội đã tích cực hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và hộ sản xuất do phụ nữ làm chủ tiếp cận thương mại điện tử; hướng dẫn đưa sản phẩm lên các sàn như **laichau.biz, buudien.vn**; đồng thời khai thác các nền tảng **Zalo, Facebook, TikTok** để quảng bá và livestream bán hàng. Hội đã hỗ trợ **15 cơ sở do nữ làm chủ** tham gia các gian hàng trưng bày nông sản, kết nối và giới thiệu **trên 50 sản phẩm OCOP** ra ngoài tỉnh. Đến nay, có trên **350 hội viên bán hàng qua Zalo/Facebook; 58 gian hàng trên Shopee/TikTok Shop; trên 150 phiên livestream, tổ phụ nữ kinh doanh online Phường Đoàn Kết mới thành lập ngày 07/7/2026 với doanh thu trên 300 triệu đồng**… Những kết quả này cho thấy, khi được hướng dẫn phù hợp, phụ nữ miền núi hoàn toàn có khả năng tiếp cận thị trường số và từng bước chuyển từ phương thức bán hàng truyền thống sang kinh doanh đa kênh.

3. Gắn kinh tế số với phát huy lợi thế sản phẩm và văn hóa địa phương

Một hướng đi được Hội quan tâm là khai thác lợi thế về sản vật, nghề truyền thống và bản sắc văn hóa của các dân tộc Mông, Thái, Dao. Các sản phẩm như chè, nếp tan Co Giàng, thổ cẩm, trang phục truyền thống và các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng khi được quảng bá trên không gian mạng không chỉ tạo thêm giá trị kinh tế mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, văn hóa và con người Lai Châu. Hội đã phối hợp hỗ trợ thành lập mới **11 HTX và 11 THT do phụ nữ tham gia quản lý hoạt động hiệu quả**, tạo nền tảng để phụ nữ liên kết sản xuất, nâng cao quy mô và từng bước tham gia chuỗi giá trị.

4. Kết hợp hỗ trợ kỹ năng với nguồn lực tài chính

Hội xác định vốn là một trong những điều kiện quan trọng để phụ nữ phát triển sản xuất, kinh doanh. Tính đến ngày **31/7/2026**, tổng dư nợ ủy thác qua Hội LHPN tỉnh đạt **1.255,11tỷ đồng** với **13.630 hộ dư nợ tại 355 Tổ tiết kiệm và vay vốn**. Nguồn vốn đã góp phần hỗ trợ **14.328 lượt hộ gia đình phát triển sản xuất, giúp 8.746 hộ có phụ nữ thoát nghèo và cận nghèo**. Bên cạnh đó, ngân sách thực hiện **Đề án 939 hơn 2,1 tỷ đồng, Đề án 01 là 359 triệu đồng**; Hội chủ động khai thác **trên 8 tỷ đồng** từ các tổ chức phi chính phủ như Plan, Care, SPV, AeA để hỗ trợ sinh kế và kỹ năng số cho phụ nữ.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, ĐIỂM NGHẼN

Bên cạnh kết quả đạt được, việc hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên nền tảng thương mại điện tử và kinh tế số còn một số khó khăn.

Một là, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở một bộ phận cơ sở còn hạn chế; phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, phụ nữ dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ và thông tin thị trường.

Hai là, quy mô sản xuất của nhiều cơ sở do phụ nữ làm chủ còn nhỏ lẻ; công nghệ sản xuất chưa cao, mẫu mã chưa đa dạng, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường số còn hạn chế.

Ba là, một bộ phận phụ nữ mới dừng ở việc sử dụng mạng xã hội để giới thiệu sản phẩm, chưa hình thành đầy đủ kỹ năng quản trị kinh doanh số, xây dựng thương hiệu, chăm sóc khách hàng và tổ chức bán hàng chuyên nghiệp.

Bốn là, liên kết giữa sản xuất, chuẩn hóa sản phẩm, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ trên nền tảng số chưa thật sự chặt chẽ.

Từ thực tiễn đó, rút ra một số bài học kinh nghiệm, đó là: **Hỗ trợ kinh tế số phải phù hợp với từng nhóm phụ nữ; phải huy động sự vào cuộc của chính quyền, các ngành, doanh nghiệp và tổ chức liên quan; đặc biệt đào tạo kỹ năng số phải gắn với thực hành và sản phẩm cụ thể**, từ chụp ảnh, livestream, bán hàng đến truy xuất nguồn gốc và hoàn thiện thủ tục cần thiết.

III. GIẢI PHÁP HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG SỐ

1. Phổ cập năng lực số gắn với nhu cầu kinh doanh thực tế

Tiếp tục đưa nội dung nâng cao năng lực số đến chi, tổ Hội và cộng đồng; tập trung vào kỹ năng thực hành, nhất là đối với nữ chủ HTX, tổ hợp tác và hộ kinh doanh. Nội dung cần chú trọng: Xây dựng thương hiệu, chụp ảnh và quay video sản phẩm, livestream, bán hàng đa nền tảng, thanh toán số, chăm sóc khách hàng, bảo đảm an toàn thông tin và nhận diện các hình thức lừa đảo trên môi trường mạng. Tiếp tục củng cố và nhân rộng **"Tổ phụ nữ số", "Chi hội số", nhóm phụ nữ kinh doanh online**, hình thành lực lượng phụ nữ nòng cốt có khả năng hỗ trợ chị em ngay tại cơ sở.

2. Nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và tăng sức cạnh tranh

Tập trung hỗ trợ các cơ sở do phụ nữ làm chủ hoàn thiện bao bì, nhãn mác, mã số, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng và thương hiệu sản phẩm. Ưu tiên các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, sản phẩm thủ công, thổ cẩm và sản phẩm gắn với văn hóa các dân tộc. Cần chuyển mạnh tư duy từ **"có sản phẩm thì đưa lên mạng bán" sang "nghiên cứu thị trường để tạo ra sản phẩm thị trường cần"**.

3. Phát triển mô hình liên kết phụ nữ - HTX - doanh nghiệp - sàn thương mại điện tử

Khuyến khích hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến, đóng gói đến tiêu thụ. Trong đó, HTX cần trở thành hạt nhân tổ chức sản xuất; doanh nghiệp hỗ trợ công nghệ, thị trường và logistics; các sàn thương mại điện tử hỗ trợ kết nối người tiêu dùng; Hội LHPN làm tốt vai trò tập hợp, đào tạo và kết nối phụ nữ. Qua đó, từng bước hình thành **hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và kinh doanh số**, tránh tình trạng hỗ trợ riêng lẻ, dàn trải.

4. Tăng cường xúc tiến thương mại trên nền tảng số

Hội LHPN tỉnh tiếp tục phối hợp tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá sản phẩm của phụ nữ trên nền tảng số; tăng cường livestream, kết nối cung cầu và giới thiệu sản phẩm OCOP. Đồng thời, lựa chọn những sản phẩm có tiềm năng để tập trung đầu tư xây dựng thương hiệu thay vì hỗ trợ dàn trải.

5. Gắn nguồn vốn với năng lực và phương án kinh doanh

Tiếp tục phát huy nguồn vốn tín dụng chính sách và các nguồn lực xã hội hóa; đồng thời, nâng cao chất lượng tư vấn để phụ nữ sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả. Thực hiện theo hướng: **Có ý tưởng - được tư vấn; có phương án - được đào tạo; có sản phẩm - được chuẩn hóa; có thị trường - được kết nối vốn và mở rộng quy mô.**

6. Tăng cường truyền thông, lan tỏa các mô hình phụ nữ khởi nghiệp thành công

Phát huy hiệu quả các nền tảng Facebook, Zalo và các kênh truyền thông của Hội để tuyên truyền chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, kinh tế số; giới thiệu các mô hình hay, cách làm hiệu quả và gương phụ nữ khởi nghiệp tiêu biểu. Qua đó, tạo động lực để phụ nữ mạnh dạn đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ và tham gia kinh tế số.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ thực tiễn, Hội LHPN tỉnh Lai Châu đề xuất Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các cơ quan liên quan:

Một là, tiếp tục quan tâm có chương trình hỗ trợ chuyên sâu cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, miền núi tham gia kinh tế số và thương mại điện tử.

Hai là, tăng cường kết nối tổ chức Hội với các sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp công nghệ, ngân hàng, đơn vị logistics để tạo chuỗi hỗ trợ đồng bộ cho phụ nữ khởi nghiệp.

Ba là, tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về thương mại điện tử, marketing số, xây dựng thương hiệu và ứng dụng công nghệ mới cho nữ chủ doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và phụ nữ khởi nghiệp.

Bốn là, hỗ trợ chuẩn hóa, số hóa và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm do phụ nữ dân tộc thiểu số sản xuất, nhất là sản phẩm OCOP và sản phẩm gắn với văn hóa bản địa.

Năm là, tạo điều kiện để các mô hình phụ nữ khởi nghiệp tiêu biểu được tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu và quảng bá sản phẩm ở phạm vi khu vực, quốc gia.

Kính thưa Hội nghị!

Đối với phụ nữ Lai Châu, thương mại điện tử và kinh tế số đang mở ra một không gian phát triển mới, giúp chị em từng bước vượt qua rào cản về địa lý, mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm và tạo sinh kế ngay tại quê hương. Chúng tôi xác định, trong giai đoạn tới, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp không chỉ dừng ở **"có vốn để sản xuất"**, mà phải hướng tới **"có năng lực để kinh doanh, có công nghệ để tiếp cận thị trường, có thương hiệu để cạnh tranh và có liên kết để phát triển bền vững".**

Với sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương Hội LHPN Việt Nam và Tỉnh ủy Lai Châu, các cấp Hội Phụ nữ tỉnh Lai Châu sẽ tiếp tục đổi mới phương thức hỗ trợ, đồng hành cùng phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, đưa sản phẩm và hình ảnh phụ nữ Lai Châu vươn xa trên không gian số.

Cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu và toàn thể Hội nghị!

Kính chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cảm ơn./.

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ HOẶC MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ

Hội LHPN tỉnh Gia Lai

Kính thưa quý vị đại biểu!

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Trong bối cảnh bùng nổ của chuyển đổi số, phương thức sản xuất, kinh doanh và tiếp cận thị trường đang thay đổi sâu sắc. Đối với phụ nữ - đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số - công nghệ không dừng lại ở kỹ năng số, mà đã trở thành công cụ để nâng cao quyền năng kinh tế và mở rộng thị trường.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Gia Lai sở hữu không gian phát triển rộng lớn, nguồn nguyên liệu phong phú cùng hệ thống sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng vùng miền vô cùng đa dạng. Tuy nhiên, thực tiễn công tác cho thấy: *Phụ nữ không thiếu sản phẩm, nhưng còn thiếu năng lực đưa sản phẩm ra thị trường để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.* Nhiều sản phẩm chưa được chuẩn hóa; thương hiệu chưa định hình rõ nét; kỹ năng tiếp thị và việc ứng dụng công nghệ trong kinh doanh còn thiếu đồng đều.

Nhận thức rõ thực trạng đó, Hội LHPN tỉnh Gia Lai xác định giải pháp trọng tâm là chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy "hỗ trợ tạo ra sản phẩm" sang "hỗ trợ sản phẩm có thương hiệu, có thị trường và tạo ra doanh thu bền vững". Trong đó:

- Sản phẩm OCOP là nền tảng;
- Chuyển đổi số là công cụ mở rộng thị trường;
- Kinh tế tập thể là phương thức nâng cao quy mô và sức cạnh tranh.

Kính thưa Hội nghị!

Để cụ thể hóa định hướng trên, thời gian qua, các cấp Hội Phụ nữ tỉnh Gia Lai đã chủ động triển khai 3 nhóm giải pháp đột phá:

- Hội không dừng ở việc vận động, mà trực tiếp tổ chức tập huấn hướng dẫn ứng dụng công nghệ trong việc hoàn thiện chất lượng, bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc và xây dựng "câu chuyện sản phẩm" (gồm hình ảnh, video, thông tin sản phẩm, mã QR...). Qua đó, sản phẩm dễ dàng được nhận diện đồng bộ trên mạng xã hội, các sàn thương mại điện tử cũng như các kênh xúc tiến thương mại.

- Gắn liền với Phong trào *"Bình dân học vụ số"* và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các cấp Hội toàn tỉnh đã thành lập 221 mô hình số

với 6.228 thành viên. Tiêu biểu như các mô hình: *"Chi hội số"*, *"Phụ nữ giúp nhau chuyển đổi số"*, *"Tổ phụ nữ chuyển đổi số trong cộng đồng"*. Nhiều cách làm hay đã lan tỏa tích cực như: Mô hình *Thanh toán không dùng tiền mặt và quét mã QR* tại Tuy Phước Bắc; Mô hình *"Không gian Livestream"* tại Hoài Nhơn Bắc - giúp hội viên phụ nữ thực hành kỹ năng bán hàng trực tuyến bài bản, chuyên nghiệp.

- Thúc đẩy kinh tế tập thể và liên kết chuỗi giá trị vì Hội xác định một hộ phụ nữ đơn lẻ rất khó tự giải quyết các bài toán về quy hoạch vùng nguyên liệu, chuẩn hóa chất lượng, nguồn vốn, máy móc hay logistics cho các đơn hàng lớn. Do đó, phát triển Tổ hợp tác (THT) và Hợp tác xã (HTX) do phụ nữ quản lý là nội dung quan trọng cần tập trung.

Thực tiễn đã chứng minh tính hiệu quả qua các mô hình điểm:

+ Tại Lơ Pang: Hội phối hợp cùng HTX Dịch vụ nông nghiệp Lơ Pang thành lập 3 tổ liên kết sản xuất và tiêu thụ cà phê tại các làng Roh, Chứp và Hlim, thu hút 243 hội viên tham gia trên diện tích 157 ha.

+ Tại HTX NN&DV Hùng Thơm Gia Lai: Do phụ nữ quản lý, HTX đã tạo việc làm ổn định cho hơn 40 lao động nữ, sở hữu 8 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, đồng thời liên kết sản xuất - tiêu thụ chanh dây bền vững với hội viên phụ nữ xã Đak Ta Ley.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Thực hiện khâu đột phá *"Thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, làm giàu chính đáng"* theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Gia Lai lần thứ I (nhiệm kỳ 2025-2030), trong thời gian tới, Hội LHPN tỉnh sẽ tập trung thực hiện 4 giải pháp trọng tâm:

1. Rà soát toàn diện, phân loại và lập danh sách chi tiết về năng lực kinh tế và sản phẩm của phụ nữ, các mô hình kinh tế tập thể do phụ nữ tham gia quản lý, điều hành đang hoạt động hiệu quả tại địa phương để chuyển từ hỗ trợ dàn trải sang hỗ trợ có trọng tâm, đúng đối tượng và đúng nhu cầu.

2. Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống gian hàng số, điểm giới thiệu sản phẩm và các kênh bán hàng đa nền tảng cho phụ nữ.

3. Tập huấn, bồi dưỡng cho lực lượng hội viên nòng cốt có kỹ năng công nghệ tốt để "cầm tay chỉ việc", hỗ trợ lại cho phụ nữ lớn tuổi, phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ ở địa bàn khó khăn.

4. Gắn phát triển kinh tế tập thể do phụ nữ làm chủ với mô hình Kinh tế xanh, Kinh tế tuần hoàn và thương mại số.

Kính thưa quý vị!

Phụ nữ không thiếu ý tưởng, không thiếu sự cần cù. Vấn đề là làm thế nào để sản phẩm đi xa hơn, giá trị cao hơn và thu nhập bền vững hơn. Cần khẳng định vai trò kiến tạo của tổ chức Hội: Chuyển từ tuyên truyền, vận động đơn thuần sang kết nối nguồn lực, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực quản trị cho HVPN những người phụ nữ sản xuất nhỏ lẻ thành những nữ chủ thể kinh tế tự tin, làm chủ công nghệ và chủ động hội nhập vào nền kinh tế số.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị đại biểu và toàn thể Hội nghị!

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ, THIẾT KẾ SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN VÀ KHAI THÁC TRỢ LÝ SỐ TRÊN NỀN TẢNG ZALO, FACEBOOK – KINH NGHIỆM THỰC TIỄN GIÚP "GẦN DÂN, SÁT CƠ SỞ" CỦA HỘI LHPN TỈNH THÁI NGUYÊN

Hội LHPN tỉnh Thái Nguyên

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thưa toàn thể Hội thảo!

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ, phương thức tiếp nhận thông tin của cán bộ, hội viên phụ nữ và Nhân dân đã có những thay đổi sâu sắc. Nếu như trước đây, thông tin chủ yếu được truyền tải thông qua hội nghị, cuộc họp, văn bản giấy hoặc hệ thống loa truyền thanh; thì hiện nay, điện thoại thông minh và các nền tảng mạng xã hội đã trở thành kênh tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận tiện và trực diện nhất.

Đối với tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN), đây không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về phương tiện truyền thông, mà còn là cơ hội chiến lược để đổi mới phương thức hoạt động; đưa chủ trương, chính sách đến gần hội viên hơn; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ kịp thời hơn và tăng cường sự gắn kết chặt chẽ giữa tổ chức Hội với cơ sở.

Từ thực tiễn triển khai công tác Hội và phong trào phụ nữ tại tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi xin phép được chia sẻ một số kinh nghiệm thực tế trong việc thiết kế infographic, video clip, xây dựng trợ lý số trên các nền tảng xã hội Zalo, Facebook, góp phần thực hiện hiệu quả phương châm "gần dân, sát cơ sở".

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT

Những năm qua, các cấp Hội LHPN tỉnh Thái Nguyên đã chủ động, tích cực ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành và tuyên truyền. 100% hệ thống Hội từ tỉnh đến cơ sở đã triển khai văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, nền tảng họp trực tuyến và các công cụ số trong điều hành, tập huấn.

Hội LHPN tỉnh đã xây dựng Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 triển khai trong toàn hệ thống Hội. Xác định con người là yếu tố then chốt, Hội đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp. 6 tháng đầu năm 2026, Hội đã tổ chức 05 lớp tập huấn chuyển đổi số cho 350 cán bộ Hội; 11 lớp chuyên đề tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ Hội LHPN các cấp, an toàn thông tin và ứng xử văn hoá trên không gian mạng cho 825 cán bộ chủ chốt,

Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, chi hội trưởng, chi hội phó và hội viên phụ nữ các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Đặc biệt, 100% cơ sở Hội trên địa bàn tỉnh đã thành lập và duy trì hiệu quả các nhóm Zalo, Facebook; đồng thời phát triển các nhóm chuyên đề theo sở thích, nghề nghiệp và nhu cầu của hội viên. Điển hình như Fanpage của Hội LHPN thành phố Thái Nguyên hiện thu hút hơn 3.200 lượt theo dõi thường xuyên, đạt gần 150.000 lượt xem và trên 100.000 lượt tương tác. Các kênh này không chỉ dùng để truyền thông chủ trương, đường lối, giới thiệu mô hình hay gương điển hình tiên tiến, mà còn là không gian sinh hoạt số gần gũi của chị em.

Điểm đột phá quan trọng là các cấp Hội đã chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức truyền thông một chiều (Hội đăng - hội viên đọc) sang truyền thông tương tác hai chiều. Hội viên chủ động phản hồi, trao đổi, đặt câu hỏi và bày tỏ ý kiến. Qua đó, cán bộ Hội nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tình hình phụ nữ ngay từ cơ sở, đặc biệt là trong những thời điểm gặp khó khăn khi tổ chức gặp gỡ trực tiếp.

Từ một nội dung, Hội từng bước xây dựng nhiều hình thức truyền tải: văn bản được hệ thống thành infographic; chuyên đề được chuyển thành video clip; nội dung trọng tâm được biên tập thành bài đăng Facebook, nội dung Zalo, câu hỏi tương tác hoặc tài liệu phục vụ sinh hoạt Chi hội. Qua đó, nội dung tuyên truyền không chỉ "được đưa lên mạng" mà được thiết kế phù hợp hơn với thói quen tiếp nhận thông tin của hội viên.

Một số sản phẩm cụ thể là Sổ tay điện tử triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026-2031; triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; triển khai Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026-2031 được xây dựng dưới hình thức sách lật điện tử. Các nội dung trọng tâm như mục tiêu, chỉ tiêu, phong trào thi đua, khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm và nhóm giải pháp được hệ thống hóa thành từng phần, từng trang, trực quan và thuận tiện tra cứu. Sổ tay điện tử không chỉ nhằm tạo ra một sản phẩm công nghệ, mà hướng tới trở thành công cụ hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn và sinh hoạt Hội. Cán bộ có thể chia sẻ sản phẩm qua môi trường số, sử dụng trong các buổi sinh hoạt và mở lại khi cần tra cứu. Đây là một minh chứng cho cách làm "biến tài liệu thành sản phẩm số, biến nội dung khó tiếp cận thành nội dung dễ sử dụng".

Từ thực tiễn đó, công nghệ có thể hỗ trợ cả ba giai đoạn của một buổi sinh hoạt: trước sinh hoạt gửi infographic, video và khảo sát nhanh; trong sinh hoạt sử dụng hình ảnh, video, câu hỏi, tình huống; sau sinh hoạt chia sẻ lại tài liệu và tiếp tục trao đổi trên nhóm. Như vậy, sinh hoạt Chi hội được mở rộng từ một buổi gặp mặt thành quá trình kết nối trước - trong - sau hoạt động.

Bên cạnh đó, Hội LHPN tỉnh đã bước đầu thử nghiệm khai thác Trí tuệ nhân tạo (AI) như một "Trợ lý số" hỗ trợ cán bộ Hội tóm tắt văn bản, gợi ý đề cương tuyên truyền, biên tập kịch bản video, ý tưởng infographic và nội dung truyền thông. Qua đó giúp tiết kiệm đáng kể thời gian, giải phóng sức lao động để cán bộ Hội dành nhiều thời gian đi thực tế cơ sở.

II. MỘT SỐ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

1. Chuyển đổi số phải lấy nhu cầu của hội viên làm trung tâm, không xuất phát từ việc chạy theo công nghệ đơn thuần.

Trước khi triển khai công cụ số, phải trả lời được câu hỏi: *"Hội viên đang cần gì, gặp khó khăn gì và tiếp nhận thông tin bằng cách nào?"* Hội viên cần thông tin ngắn gọn thì dùng Infographic; cần hướng dẫn thao tác thì dùng Video; cần trao đổi nhanh thì dùng Zalo; cán bộ cần xử lý tài liệu dài thì dùng Sách lật điện tử và AI. Công nghệ phải phục vụ thực tiễn, tuyệt đối không làm theo phong trào.

2. Cán bộ Hội phải thay đổi nhận thức trước và chủ động thực hành trước.

Chuyển đổi số không thể đi vào thực chất nếu cán bộ Hội ngại khó hay thiếu tự tin. Đào tạo cán bộ phải theo phương châm "cầm tay chỉ việc", học đến đâu thực hành đến đó, làm được rồi mới hướng dẫn lại cho cơ sở. Cán bộ không nhất thiết phải là chuyên gia công nghệ, nhưng phải đủ năng lực để thao tác, kiểm tra và hướng dẫn hội viên.

3. Một nội dung nên được tạo thành nhiều sản phẩm và sử dụng nhiều lần.

Đây là kinh nghiệm rõ từ việc xây dựng Sổ tay điện tử dạng sách lật. Một nội dung gốc có thể tiếp tục được chuyển thành nhiều sản phẩm: Nghị quyết → Sổ tay điện tử → infographic → video clip → bài Facebook → nội dung Zalo → câu hỏi sinh hoạt Chi hội. Cách làm này giúp tiết kiệm thời gian, tránh làm lại từ đầu và tạo sự thống nhất về nội dung trong toàn hệ thống.

4. Các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook, Tiktok... phải là kênh tương tác hai chiều.

Một nhóm có đông thành viên nhưng chỉ có cán bộ đăng thông báo thì chưa tạo được sự kết nối. Cần đặt câu hỏi, khảo sát nhanh, đưa ra tình huống, xin ý kiến, tiếp nhận phản ánh và chia sẻ những câu chuyện gần gũi. Khi hội viên phản hồi, cán bộ Hội có thêm thông tin để điều chỉnh nội dung tuyên truyền và hoạt động Hội. Đây chính là giá trị lớn nhất của môi trường số đối với yêu cầu "gần dân, sát cơ sở".

5. Sản phẩm số phải ngắn gọn, trực quan và phù hợp từng nhóm phụ nữ.

Không áp dụng công thức *"một sản phẩm dùng cho tất cả"*. Với phụ nữ trẻ: ưu tiên video ngắn, hình ảnh bắt mắt, tính tương tác cao; với cán bộ cơ sở: ưu tiên dạng tài liệu tra cứu, sách lật, biểu mẫu chuẩn; với phụ nữ sản xuất - kinh doanh: tập trung nội dung về thương mại điện tử, livestream, bán hàng đa kênh.

6. Khai thác AI theo nguyên tắc: "AI gợi ý – Cán bộ kiểm chứng – Cán bộ quyết định – Cán bộ chịu trách nhiệm".

AI giúp tăng năng suất lao động nhưng không thể thay thế tư duy và bản lĩnh chính trị của cán bộ Hội. Mọi thông tin do AI gợi ý (đặc biệt là luật pháp, chính sách, quyền lợi của phụ nữ) đều phải được cán bộ thẩm định kỹ lưỡng trước khi phát hành, đồng thời chú trọng bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin.

7. Hiệu quả phải được đo bằng mức độ gần hội viên, không chỉ bằng số lượng sản phẩm.

Một video có nhiều lượt xem chưa chắc đã hiệu quả nếu hội viên không hiểu hoặc không áp dụng. Vì vậy cần quan tâm: hội viên có tiếp cận không, có phản hồi không, có tham gia hoạt động nhiều hơn không, cán bộ cơ sở có tiết kiệm thời gian không và hoạt động Hội có thiết thực hơn không. Đây mới là thước đo thực chất.

III. NHIỆM VỤ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được, Hội LHPN tỉnh Thái Nguyên tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục nâng cao năng lực số và kỹ năng ứng dụng AI cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp theo hướng cầm tay chỉ việc, dễ hiểu, dễ làm, gắn trực tiếp với công việc hằng ngày.

2. Xây dựng "Kho sản phẩm truyền thông số dùng chung" trong toàn hệ thống Hội (gồm Infographic, Video clip, Sách lật, kịch bản sinh hoạt Chi hội mẫu) nhằm chia sẻ tài nguyên và giảm áp lực tạo nội dung cho cấp cơ sở.

3. Đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi hội thông qua mô hình kết nối trực tiếp kết hợp trực tuyến (Zalo/Facebook), đẩy mạnh khảo sát trực tuyến và lắng nghe ý kiến hội viên trên môi trường số.

4. Phát huy vai trò nòng cốt của phụ nữ trong các Tổ công nghệ số cộng đồng; tích cực hỗ trợ phụ nữ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, kinh doanh số và xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP.

5. Đẩy mạnh phổ cập AI theo phương châm "bình dân – an toàn – có trách nhiệm"; hình thành thói quen kiểm chứng thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

6. Thường xuyên đánh giá hiệu quả chuyển đổi số từ cơ sở, lấy mức độ hài lòng, sự tham gia tích cực của hội viên làm thước đo quan trọng nhất để cải tiến phương thức hoạt động

Kính thưa các đồng chí!

Thực tiễn tại Thái Nguyên khẳng định: Chuyển đổi số trong công tác Hội đang chuyển dịch mạnh mẽ từ *"ứng dụng công nghệ"* sang *"đổi mới toàn diện phương thức hoạt động"*. Giá trị cốt lõi của chuyển đổi số không nằm ở số lượng công cụ công nghệ chúng ta sở hữu, mà nằm ở chỗ: *Công cụ đó có giúp hội viên tiếp cận thông tin tốt hơn không? Có giúp cán bộ Hội hiểu cơ sở hơn không? Và có giúp hoạt động Hội thiết thực hơn không?*

Một infographic tốt là infographic giúp hội viên hiểu nhanh hơn. Một video tốt là video khiến hội viên muốn xem và nhớ được điều cần nhớ. Một cuốn sách lật điện tử tốt là sản phẩm giúp nội dung khó tiếp cận trở nên dễ đọc, dễ tra cứu hơn. Một nhóm Zalo hiệu quả là nhóm giúp Chi hội duy trì kết nối với hội viên. Và một trợ lý AI tốt là công cụ giúp cán bộ Hội tiết kiệm thời gian để dành nhiều thời gian hơn cho cơ sở và hội viên.

Từ thực tiễn đó, chúng tôi tin tưởng rằng: Chuyển đổi số không làm hoạt động Hội xa rời con người, mà làm cho tổ chức Hội ngày càng gần gũi với con người hơn. Công nghệ không thay thế cán bộ Hội, mà trao cho cán bộ Hội công cụ sắc bén hơn để phụng sự hội viên và phụ nữ tốt hơn

Đó cũng là cách Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, lấy hội viên, phụ nữ làm trung tâm và lấy hiệu quả thực chất làm thước đo.

Xin trân trọng cảm ơn Đoàn Chủ trì, các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu và toàn thể Hội thảo!

KINH NGHIỆM ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CÔNG CỤ SỐ TRONG ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG CỦA HỘI

Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo!

Kính thưa quý đại biểu!

Chuyển đổi số đang tác động ngày càng rõ nét đến yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ. Từ thực tiễn công tác, chúng tôi nhận thấy chuyển đổi số trong hoạt động Hội không nhất thiết phải bắt đầu từ những phần mềm lớn, những hệ thống công nghệ phức tạp hay những dự án cần nguồn kinh phí cao. Chuyển đổi số có thể bắt đầu từ chính việc thay đổi cách chúng ta thực hiện từng công việc hằng ngày: một văn bản dài được chuyển thành infographic dễ hiểu; một báo cáo nhiều số liệu được kể lại bằng video; một hoạt động ở cơ sở được lan tỏa trên mạng xã hội; các báo cáo của nhiều đơn vị cơ sở được thu thập qua một biểu mẫu duy nhất; các văn bản điều hành hoạt động được số hóa tiến tới hình thành những trợ lý số giúp cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ tiếp cận thông tin nhanh hơn.

Từ cách tiếp cận đó, thời gian qua Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công cụ số trong điều hành hoạt động và công tác truyền thông gắn với khai thác các nền tảng mạng xã hội để mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng tuyên truyền đến hội viên, phụ nữ. Trong tham luận này, chúng tôi nhấn mạnh đến kinh nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công cụ số trong đổi mới hoạt động truyền thông của Hội.

Một trong những công việc thường xuyên của tổ chức Hội là triển khai chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, hoạt động Hội và những vấn đề liên quan trực tiếp đến phụ nữ, gia đình và trẻ em. Tuy nhiên, phần lớn thông tin ban đầu đến với cán bộ Hội dưới dạng nghị quyết, kế hoạch, công văn, văn bản quy phạm pháp luật hoặc báo cáo có dung lượng tương đối dài, nhiều thuật ngữ chuyên môn và số liệu. Nếu chỉ số hóa nội dung, đăng nguyên văn hoặc một phần nội dung các văn bản lên mạng xã hội thì chắc chắn hiệu quả thu hút hội viên, phụ nữ không cao.

Từ thực tế đó, Hội LHPN thành phố Cần Thơ từng bước thực hiện quy trình: Văn bản gốc → xác định thông tin cốt lõi → lựa chọn nội dung hội viên, phụ nữ cần biết → diễn đạt lại ngắn gọn, dễ hiểu → trực quan hóa → kiểm chứng → phát hành trên các nền tảng số.

Trong quy trình này, trí tuệ nhân tạo chính là công cụ hỗ trợ ở các khâu đọc và tóm tắt tài liệu, đề xuất cấu trúc nội dung, gợi ý tiêu đề, ý tưởng hình ảnh và cách diễn đạt phù hợp với từng nhóm công chúng. Tuy nhiên, kinh nghiệm của chúng tôi là AI chỉ hỗ trợ tăng tốc độ xử lý công việc, không thay thế vai trò thẩm định của cán bộ Hội. Mọi thông tin về chủ trương, chính sách, số liệu, đối tượng, nội dung tuyên truyền và các nội dung quan trọng khác đều phải được đối chiếu lại với nguồn chính thức trước khi phát hành.

Từ ngày 01/01/2026 đến nay, Hội LHPN thành phố đã thiết kế và sản xuất 83 infographic, poster đơn và kể cả bộ infographic phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền trên các nền tảng trực tuyến. Nội dung khá đa dạng, từ tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật; các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn; phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người; bảo vệ môi trường; chuyển đổi số; đến thông tin về các sự kiện hoạt động của Hội và của thành phố. Các sản phẩm truyền thông trực quan này tạo hiệu ứng thu hút và dễ dàng lan tỏa qua các tài khoản mạng xã hội của Hội từ thành phố đến cơ sở nhờ ưu điểm biến những nội dung vốn khó tiếp cận thành thông tin trực quan, ngắn gọn, dễ nhớ.

Một minh chứng cụ thể là một poster giới thiệu ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã đạt 83.734 lượt tiếp cận. Con số này cho thấy khi lựa chọn đúng nội dung người dân quan tâm và có cách thể hiện phù hợp thì một sản phẩm truyền thông của Hội hoàn toàn có thể lan tỏa vượt ra ngoài phạm vi những người thường xuyên theo dõi trang.

Một ví dụ khác, nhân dịp hướng tới Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIV, Thành Hội đã thiết kế mẫu infographic chung với chủ đề "Phụ nữ thành phố Cần Thơ hướng về Đại hội" để Hội LHPN cơ sở cùng sử dụng, thể hiện niềm tin, tình cảm, nguyện vọng và tiếng nói của cán bộ, hội viên, phụ nữ hướng về Đại hội. Với cách làm này, sản phẩm truyền thông từ thành phố đến cơ sở về một sự kiện quan trọng có một mẫu thống nhất góp phần tạo nên "bộ nhận diện" tuyên truyền mang màu sắc riêng của thành phố về sự kiện của Hội.

Bên cạnh infographic, Hội LHPN thành phố Cần Thơ từng bước ứng dụng công cụ số vào xây dựng video, clip phục vụ báo cáo, tuyên truyền và lan tỏa hoạt động Hội. Từ đầu năm 2026 đến nay, Hội đã thực hiện 06 video, clip thông tin tuyên truyền. Trong đó có video báo cáo kết quả công tác Hội và phong trào phụ nữ 6 tháng đầu năm 2026.

Thay vì trình bày toàn bộ báo cáo bằng chữ và số liệu, chúng tôi lựa chọn những kết quả nổi bật, số liệu tiêu biểu, hình ảnh hoạt động, xây dựng kịch bản và chuyển thành sản phẩm video với giọng đọc AI. Qua đó, một nguồn thông tin

có thể đồng thời phục vụ nhiều mục đích: trình chiếu tại hội nghị, chuyển đến Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở để tuyên truyền, đăng tải trên mạng xã hội và lưu trữ làm tư liệu truyền thông. Nếu infographic có ưu thế trong việc truyền tải chính sách và những thông tin cần ghi nhớ, thì video lại có thế mạnh trong kể chuyện, tạo cảm xúc và giúp công chúng hiểu sâu hơn về giá trị của hoạt động Hội.

Một ví dụ là video giới thiệu và phóng sự về hoạt động "Mâm cơm bên Mẹ", chương trình do Hội phối hợp tổ chức nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7. Video đã đạt 2.563 lượt xem trên Fanpage. Điều chúng tôi rút ra từ sản phẩm này là công nghệ không làm hoạt động Hội trở nên xa cách hơn. Ngược lại, nếu sử dụng đúng cách, công nghệ giúp những câu chuyện giản dị, hoạt động thực tiễn giàu ý nghĩa từ hoạt động Hội được nhiều người biết đến hơn.

Ngoài ra, Hội cũng đã biên tập, đăng lại 6 video ứng cử viên đại biểu Quốc hội thuộc 6 đơn vị bầu cử, 28 video ứng cử viên đại biểu HĐND thuộc 28 đơn vị bầu cử do Báo và Phát thanh truyền hình Cần Thơ thực hiện cho phù hợp với định dạng của trang ZaloOA của Hội, phục vụ chuyên mục "Phụ nữ Cần Thơ với ngày hội non sông" trên trang mạng xã hội này.

Hiện nay, Hội LHPN thành phố Cần Thơ trực tiếp duy trì, quản trị Fanpage Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ và Trang Zalo Official Account của Hội. Fanpage hiện có 13.151 người theo dõi, Zalo OA có 1.188 người quan tâm. Từ đầu năm 2026 đến nay, Fanpage ghi nhận trên 2,1 triệu lượt xem.

Đối với chúng tôi, những con số trên không chỉ phản ánh phạm vi tiếp cận của các nền tảng mà còn cho thấy nhu cầu tiếp nhận thông tin chính thống của phụ nữ và cộng đồng trên môi trường số ngày càng lớn. Và mỗi nền tảng mạng xã hội có một ưu thế riêng. Facebook có ưu thế về khả năng lan tỏa, chia sẻ hình ảnh, infographic, video và kể câu chuyện hoạt động Hội. Zalo OA phù hợp với những thông tin ngắn gọn, nhiều hình ảnh trực quan.

Từ thực tiễn đó, chúng tôi nhận thức rằng hoạt động Hội "gần dân, sát cơ sở" trong môi trường số có thể hiểu là khi mỗi hội viên, phụ nữ có thể nhận được đúng thông tin mình cần ngay trên chiếc điện thoại đang sử dụng ở bất cứ thời gian nào và bất cứ nơi đâu. Các cấp Hội sát cơ sở không chỉ là nắm tình hình qua báo cáo, mà còn là tạo điều kiện để tiếng nói, hình ảnh, câu chuyện và nguyện vọng của phụ nữ từ cơ sở được chuyển tải nhanh hơn đến tổ chức Hội và cộng đồng. Và với cách hiểu này, công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa đối với tổ chức Hội khi góp phần rút ngắn khoảng cách giữa tổ chức Hội với hội viên, phụ nữ.

Từ thực tiễn ứng dụng AI và công cụ số trong hoạt động Hội, chúng tôi rút ra một số bài học:

Thứ nhất, chuyển đổi số phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của công việc. Không nên chạy theo công cụ mới mà phải xác định công nghệ có thể hỗ trợ cán bộ Hội giải quyết các khâu đang tốn nhiều thời gian và công sức, giúp nâng cao chất lượng và tiến độ công việc.

Thứ hai, nội dung vẫn là yếu tố quyết định. Một sản phẩm đẹp nhưng thông tin không đúng, không thiết thực hoặc không phù hợp với đối tượng thì khó tạo ra giá trị.

Thứ ba, AI là trợ lý, không phải người chịu trách nhiệm. Cán bộ sử dụng AI phải kiểm chứng thông tin, bảo đảm tính chính xác, tính chính trị, tính pháp lý, bảo mật và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng.

Thứ tư, cần chuẩn hóa để nhân rộng. Một sản phẩm tốt chỉ tạo ra một kết quả; nhưng một mẫu tốt, một quy trình tốt hay một kho dữ liệu dùng chung có thể giúp nhiều đơn vị tạo ra hàng trăm sản phẩm.

Thứ năm, chuyển đổi số không chỉ là đưa thông tin từ cấp trên xuống mà cần tạo dòng thông tin hai chiều, để tổ chức Hội vừa truyền tải chủ trương, vừa lắng nghe nhanh hơn tiếng nói và nhu cầu của phụ nữ từ cơ sở.

Một số đề xuất, giải pháp trong thời gian tới

Để nâng cao hơn nữa chất lượng chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông của Hội, từ thực tiễn địa phương, Hội LHPN thành phố Cần Thơ đề xuất một số giải pháp.

Một là, xây dựng kho truyền thông số dùng chung trong hệ thống Hội

Bên cạnh việc phát huy khả năng ứng dụng công nghệ số ở các cấp Hội, đối với một số thông tin trọng yếu, chúng ta vẫn cần một kho dữ liệu dùng chung để phục vụ truyền thông trong hệ thống Hội để đảm bảo tính thống nhất, chính xác. Cán bộ Hội cơ sở có thể tìm kiếm, tải về, chỉnh sửa những thông tin được phép thay đổi và sử dụng phù hợp với địa phương. Điều này vừa tiết kiệm nguồn lực, vừa góp phần chuẩn hóa nhận diện và chất lượng truyền thông trong toàn hệ thống Hội.

Hai là, hình thành lực lượng cán bộ Hội nòng cốt về kỹ năng số

Không nhất thiết tất cả cán bộ Hội phải trở thành chuyên gia công nghệ. Tuy nhiên, mỗi cấp, mỗi đơn vị cần có cán bộ nòng cốt có khả năng sử dụng AI, thiết kế nội dung trực quan, dựng video cơ bản, quản trị mạng xã hội và hỗ trợ đồng nghiệp.

Ba là, từng bước xây dựng trợ lý số phục vụ cán bộ Hội và hội viên, phụ nữ

Từ kinh nghiệm sử dụng AI trong xử lý tài liệu và sản xuất nội dung, chúng tôi cho rằng có thể nghiên cứu thí điểm trợ lý số dành cho cán bộ Hội cơ sở trước khi mở rộng phục vụ hội viên. Trợ lý có thể hỗ trợ học thêm kỹ năng ứng dụng công nghệ số, tra cứu văn bản, tài liệu nghiệp vụ, biểu mẫu, chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em, tài liệu sinh hoạt Hội, từ đó giúp cán bộ Hội có nội dung tuyên truyền phong phú và chất lượng hơn.

Bốn là, chuyển từ quản trị mạng xã hội bằng kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu

Bên cạnh lượt thích và lượt xem, cần từng bước phân tích chủ đề nào được phụ nữ quan tâm, sản phẩm nào được chia sẻ nhiều, video nào có khả năng giữ người xem, nội dung nào chưa hiệu quả. Dữ liệu từ các nền tảng phải trở thành căn cứ để điều chỉnh kế hoạch truyền thông và lựa chọn nội dung, thay vì chỉ sử dụng để báo cáo kết quả.

Năm là, xây dựng nguyên tắc sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm trong hệ thống Hội

Theo chúng tôi, cùng với việc khuyến khích cán bộ mạnh dạn ứng dụng AI, cần quan tâm đến nguyên tắc cơ bản: AI hỗ trợ - con người kiểm chứng - cơ quan chịu trách nhiệm. Sản phẩm truyền thông phải được thẩm định cẩn trọng, đảm đúng chủ trương, quy định của pháp luật và tính chính xác. Không sử dụng AI để tạo lập thông tin, hình ảnh gây hiểu lầm; xác định rõ trách nhiệm của người biên tập và người duyệt trước khi sản phẩm được phát hành.

Kính thưa các đồng chí!

Qua thực tiễn, một lần nữa, Hội LHPN thành phố Cần Thơ khẳng định chuyển đổi số trong truyền thông của Hội không nhất thiết bắt đầu từ một phần mềm lớn hay một dự án tốn nhiều kinh phí. Nó có thể bắt đầu từ việc một cán bộ biết sử dụng AI để đọc nhanh hơn một văn bản nhưng vẫn kiểm chứng thông tin; biết biến một báo cáo thành video; biết chuyển một văn bản về chính sách hay quy định thành infographic ngắn gọn, bắt mắt, nắm bắt thông tin nhanh chóng và biết đưa đúng thông tin đến đúng phụ nữ trên nền tảng mà họ đang sử dụng.

Từ 83 infographic và poster, 06 video/ clip, hơn 2,1 triệu lượt xem trên Fanpage hay những sản phẩm truyền thông được cơ sở cùng tham gia, điều Hội LHPN thành phố Cần Thơ hướng đến không phải là có thêm bao nhiêu sản phẩm số, mà là từng bước hình thành một phương thức hoạt động Hội linh hoạt hơn, nhanh hơn, trực quan hơn và gần hội viên hơn.

Chúng tôi cho rằng khi công nghệ giúp một chủ trương đến với phụ nữ dễ hiểu hơn; giúp cán bộ cơ sở bớt một phần thời gian chuẩn bị; giúp tiếng nói của

hội viên được lan tỏa rộng hơn; giúp một câu chuyện đẹp ở cơ sở đến được với cộng đồng, thì chuyển đổi số đã thực sự tạo ra giá trị. Với tinh thần đó, Hội LHPN thành phố Cần Thơ sẽ tiếp tục thúc đẩy ứng dụng AI và công cụ số theo hướng thiết thực, an toàn, tiết kiệm, có khả năng nhân rộng và lấy hội viên, phụ nữ làm trung tâm, góp phần đổi mới phương thức hoạt động Hội và thực hiện hiệu quả yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

Trân trọng cảm ơn các đồng chí lãnh đạo và quý đại biểu!

KINH NGHIỆM ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) VÀ CÔNG CỤ SỐ TRONG ĐỔI MỚI SINH HOẠT CHI HỘI VÀ TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG HỘI

Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh

Kính thưa Đoàn Chủ trì Hội nghị!

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Trung ương Hội LHPN Việt Nam!

Kính thưa các đồng chí đại biểu!

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang tác động ngày càng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội, đổi mới phương thức hoạt động Hội, nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động, tập hợp phụ nữ trở thành yêu cầu cấp thiết.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng định hướng của Trung ương Hội LHPN Việt Nam, Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh xác định chuyển đổi số không phải là đưa thật nhiều công nghệ vào hoạt động, mà là lựa chọn công nghệ phù hợp để giải quyết những vấn đề thực tiễn của công tác Hội, phục vụ hội viên, phụ nữ tốt hơn và giúp cán bộ Hội có thêm thời gian hướng về cơ sở.

Với phương châm "Công nghệ hiện đại, cách làm gần gũi, thông tin dễ hiểu, hoạt động sát cơ sở, hội viên là trung tâm", Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh từng bước đưa công nghệ số, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo vào quản lý, điều hành, tuyên truyền, tổ chức hoạt động và nắm bắt tình hình hội viên, phụ nữ. Từ thực tiễn đó, chúng tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm.

Thứ nhất, chuyển đổi số phải bắt đầu từ đổi mới phương thức hoạt động Hội. Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh xác định trước hết phải đổi mới từ bên trong tổ chức Hội, từ cách quản lý, điều hành đến cách tổ chức công việc của cán bộ Hội. Hội đã triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", từng bước nâng cao năng lực số cho cán bộ, hội viên, phụ nữ; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động Hội. Đây cũng là hướng đi phù hợp với định hướng của Trung ương Hội trong việc phổ cập kỹ năng số, xây dựng môi trường số an toàn và không để phụ nữ bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

Một trong những nền tảng quan trọng là từng bước chuẩn hóa dữ liệu hội viên. Đến nay, khoảng 93% dữ liệu cán bộ, hội viên trên địa bàn tỉnh đã được cập nhật lên phần mềm quản lý thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, tạo cơ sở để quản

lý hội viên, nắm tình hình và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ngày càng kịp thời, chính xác.

Cùng với đó, phương thức làm việc của cán bộ Hội từng bước được chuyển lên môi trường số: 100% cán bộ Hội sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản; 100% văn bản được tiếp nhận, xử lý và quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản; duy trì họp, hội nghị không giấy tờ.

Ứng dụng công nghệ giúp cán bộ Hội giảm thời gian xử lý công việc hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và dành nhiều thời gian hơn cho cơ sở, gần gũi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ. Vì vậy, hiệu quả chuyển đổi số không chỉ được đo bằng số lượng công nghệ, phần mềm được ứng dụng, mà quan trọng hơn là bằng việc cán bộ Hội có thêm thời gian, nguồn lực để hướng về cơ sở và phục vụ hội viên tốt hơn.

Thứ hai, đổi mới tuyên truyền theo hướng "một nội dung - nhiều hình thức - nhiều kênh tiếp cận". Quảng Ninh có địa bàn rộng, phụ nữ có độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ và điều kiện tiếp cận công nghệ khác nhau. Vì vậy, Hội không áp dụng một cách tuyên truyền duy nhất mà chuyển mạnh sang phương thức "một nội dung - nhiều hình thức - nhiều kênh tiếp cận". Một chủ trương, chính sách hoặc nội dung tuyên truyền có thể được cán bộ Hội chuyển hóa thành bài viết ngắn, hình ảnh, infographic, video, thông điệp trên Zalo, Facebook, mã QR hoặc nội dung phục vụ sinh hoạt chi hội. Đối với những nội dung liên quan trực tiếp đến chính sách, pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em, Hội ưu tiên cách truyền tải ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu, gắn với tình huống thực tế.

Qua đó, chuyển đổi số không làm công tác tuyên truyền xa rời cơ sở; ngược lại, nếu sử dụng đúng cách, công nghệ giúp một nội dung được truyền tải nhiều lần, bằng nhiều cách, đến nhiều nhóm đối tượng khác nhau.

Thứ ba, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành "trợ lý số" của cán bộ Hội. Đây là một hướng mới mà Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh đang quan tâm và từng bước triển khai. Chúng tôi xác định rõ: **AI không làm thay cán bộ Hội; AI giúp cán bộ Hội làm việc nhanh hơn, tốt hơn và có thêm thời gian cho cơ sở.** Trong công việc hằng ngày, AI có thể hỗ trợ cán bộ Hội xây dựng đề cương, gợi ý nội dung tuyên truyền, biên tập văn bản, xây dựng kịch bản video, phát triển ý tưởng truyền thông, thiết kế sản phẩm số, tổng hợp thông tin và chuẩn bị nội dung sinh hoạt chi hội.

Tuy nhiên, kinh nghiệm của Quảng Ninh là **không sử dụng AI theo kiểu "phó mặc cho máy"**. Quy trình được xác định rõ: **Cán bộ xác định mục tiêu, đối tượng → AI hỗ trợ gợi ý, xử lý → cán bộ kiểm chứng, biên tập → cơ sở**

triển khai → hội viên, phụ nữ tiếp nhận và hưởng lợi. Cán bộ Hội vẫn là người quyết định cuối cùng, bởi cán bộ hiểu địa bàn, hiểu hội viên, hiểu đặc điểm từng nhóm phụ nữ. AI có thể tạo nội dung nhanh, nhưng không thể thay thế sự thấu hiểu, trách nhiệm và tính nhân văn trong công tác Hội.

Đặc biệt, đối với thông tin liên quan đến chính sách, pháp luật, quyền lợi của phụ nữ, trẻ em và Nhân dân, cán bộ Hội phải sử dụng nguồn chính thống, kiểm chứng thông tin và chịu trách nhiệm về sản phẩm trước khi tuyên truyền.

Thứ tư, đưa công cụ số vào sinh hoạt chi hội nhưng vẫn giữ vững tính trực tiếp, gần gũi. Chúng tôi xác định chuyển đổi số trong sinh hoạt Hội không có nghĩa là thay thế sinh hoạt trực tiếp bằng sinh hoạt trực tuyến.Công nghệ chỉ là công cụ để làm cho sinh hoạt chi hội thiết thực, sinh động và phù hợp hơn với nhu cầu của hội viên.

Các cơ sở Hội có thể bắt đầu từ những việc rất đơn giản: sử dụng video ngắn, hình ảnh, infographic để minh họa nội dung; mã QR để chia sẻ tài liệu; khảo sát trực tuyến để nắm bắt nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng; sau đó kết hợp với trao đổi, thảo luận, hướng dẫn và hỏi - đáp trực tiếp.

Đặc biệt, với các nội dung về chuyển đổi số, Hội khuyến khích chuyển từ "tuyên truyền lý thuyết" sang "cầm tay chỉ việc": hướng dẫn hội viên sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, bảo vệ tài khoản và thông tin cá nhân, nhận diện thông tin giả, khai thác tiện ích số phục vụ đời sống, sản xuất và kinh doanh.

Mục tiêu cuối cùng là để công nghệ không trở thành một nội dung tuyên truyền mang tính hình thức, mà trở thành kỹ năng thiết thực trong cuộc sống hằng ngày của cán bộ, hội viên, phụ nữ.

Thứ năm, phát huy mạng xã hội thành "cầu nối số" giữa tổ chức Hội với hội viên, phụ nữ. Hội LHPN tỉnh xác định mạng xã hội không chỉ là nơi đăng tải thông tin, mà còn là kênh kết nối, tương tác, lắng nghe và nắm bắt tình hình từ cơ sở. Hiện nay, 100% cán bộ Hội và khoảng 85% hội viên, phụ nữ sử dụng điện thoại thông minh, Zalo; 100% cán bộ Hội và khoảng 75% hội viên, phụ nữ sử dụng Facebook. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành mạng lưới truyền thông số trong toàn hệ thống Hội. Hội định hướng sử dụng từng nền tảng phù hợp với mục đích. Zalo tập trung phục vụ chỉ đạo, điều hành, trao đổi nghiệp vụ, chia sẻ tài liệu, hướng dẫn và tiếp nhận phản hồi từ cơ sở. Facebook chú trọng lan tỏa các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương phụ nữ tiêu biểu, hoạt động chăm lo phụ nữ và trẻ em, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, khởi nghiệp và các phong trào của Hội.

Thứ sáu, nâng cao năng lực số và bảo đảm an toàn trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Qua thực tiễn, chúng tôi nhận thấy con người vẫn là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số. Do đó, Hội chú trọng tập huấn theo hướng "cầm tay chỉ việc", học đến đâu sử dụng được đến đó, gắn trực tiếp với công việc của cán bộ Hội. Nội dung tập huấn tập trung vào những kỹ năng thiết thực: sử dụng nền tảng số; quản lý dữ liệu hội viên; ứng dụng AI xây dựng nội dung; thiết kế sản phẩm truyền thông; biên tập video ngắn; sử dụng mã QR, khảo sát trực tuyến; tuyên truyền trên mạng xã hội; nhận diện và phòng tránh thông tin giả. Song song với kỹ năng sử dụng, Hội đặc biệt quan tâm đến kỹ năng sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm. Cán bộ Hội được lưu ý không đưa dữ liệu cá nhân, thông tin nhạy cảm của tổ chức, hội viên, phụ nữ và trẻ em lên các nền tảng AI không phù hợp; mọi thông tin do AI hỗ trợ tạo ra đều phải được kiểm chứng trước khi sử dụng. Hội LHPN tỉnh từng bước xây dựng các mẫu dùng chung, sản phẩm truyền thông số, giúp cơ sở có thể khai thác, chỉnh sửa và sử dụng phù hợp với địa bàn; vừa tiết kiệm thời gian, vừa nâng cao chất lượng và tính thống nhất trong toàn hệ thống.

Kính thưa Hội nghị!

Từ thực tiễn triển khai, Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh rút ra một số bài học:

Một là, chuyển đổi số phải xuất phát từ nhu cầu thực tế. Không chạy theo công nghệ, không làm sản phẩm số chỉ để "có sản phẩm"; trước mỗi ứng dụng phải trả lời được câu hỏi: công nghệ giải quyết vấn đề gì và mang lại lợi ích gì cho cán bộ, hội viên.

Hai là, Trung ương định hướng - tỉnh thống nhất - cơ sở chủ động. Cần có sự thống nhất trong chỉ đạo, nhưng không áp đặt một cách làm duy nhất. Tỉnh cung cấp định hướng, công cụ, mẫu dùng chung; cơ sở lựa chọn cách triển khai phù hợp với điều kiện và đối tượng hội viên.

Ba là, hội viên, phụ nữ phải thực sự là trung tâm. Mọi ứng dụng công nghệ cuối cùng phải hướng đến phục vụ hội viên tốt hơn, giúp phụ nữ tiếp cận thông tin, chính sách và các tiện ích số thuận lợi hơn.

Bốn là, công nghệ phải đi cùng con người. Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ xử lý nhanh, nhưng cán bộ Hội mới là người hiểu địa bàn, hiểu hội viên và chịu trách nhiệm về nội dung.

Năm là, chuyển đổi số phải gắn với an toàn, bảo mật và trách nhiệm. Càng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và nền tảng số rộng rãi, càng phải nâng cao ý thức bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm của người sử dụng.

Kính thưa các đồng chí!

Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh đề xuất Trung ương Hội quan tâm một số nội dung:

Thứ nhất, tiếp tục ban hành định hướng, hướng dẫn thống nhất về chuyển đổi số trong hệ thống Hội, nhất là khung định hướng ứng dụng AI trong công tác tuyên truyền, tham mưu, quản lý và tổ chức hoạt động Hội.

Hai là, tổ chức các chương trình tập huấn theo hướng thực hành, trực tiếp, phù hợp với cán bộ cơ sở; chú trọng kỹ năng sử dụng AI, thiết kế sản phẩm truyền thông số, quản trị mạng xã hội và bảo đảm an toàn thông tin.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng kho tài nguyên số dùng chung trong hệ thống Hội, gồm các mẫu infographic, video, kịch bản tuyên truyền, tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu và các sản phẩm có thể dễ dàng khai thác, chỉnh sửa theo từng địa bàn.

Thứ tư, tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình và sáng kiến chuyển đổi số giữa các tỉnh, thành Hội; từng bước hình thành mạng lưới cán bộ có năng lực số để hỗ trợ, lan tỏa cách làm hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở.

Kính thưa Hội nghị!

Chuyển đổi số trong công tác Hội không phải là đưa thật nhiều công nghệ vào hoạt động, mà là sử dụng công nghệ đúng lúc, đúng việc để tổ chức Hội hoạt động hiệu quả hơn, cán bộ Hội giảm thời gian hành chính và có thêm thời gian đến với cơ sở, lắng nghe và đồng hành cùng hội viên, phụ nữ.

Với tinh thần đó, Hội LHPN tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn; góp phần đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động Hội, nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, vận động, tập hợp phụ nữ và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của tổ chức Hội trong giai đoạn mới.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí!

HỘI THẢO

CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TRONG HỆ THỐNG HỘI LHPN VIỆT NAM

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, GÓP PHẦN THÚC ĐẨY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ